CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỒ SƠ
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH : CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA ĐIỂM XD : PHƯỜNG BÁCH QUANG, TỈNH THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ : TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

Đ.VỊ THIẾT KẾ : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP
PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ
XÂY DỰNG LINH KHÔI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI

Giám Đốc
Phú Văn Nhất

THÁI NGUYÊN - 2025

DANH MỤC BẢN VẼ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

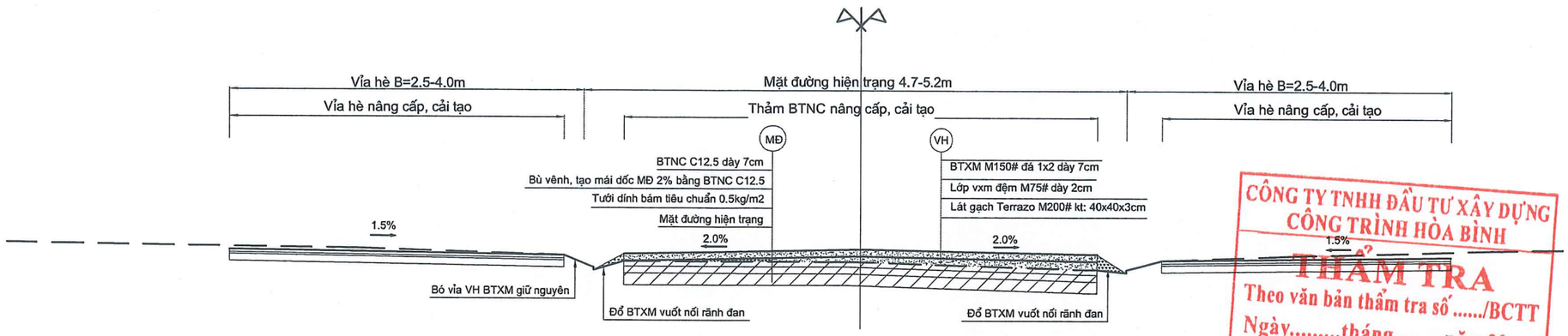
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
I.	TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN - BẢN VẼ CẤU TẠO	
1	TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN	GT-01
2	BẢN VẼ CẤU TẠO	GT-02
3	CHI TIẾT BÓ VỈA	GT-03
4	CHI TIẾT VẠCH SƠN ATGT	GT-04
5	CHI TIẾT BIỂN BÁO ATGT	GT-05
II.	MẶT BẰNG - VỈA HÈ - CÂY XANH	
6	BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG	GT-06
7	BÌNH ĐỒ CẮT KHE PHÁ DỠ VỈA HÈ	GT-07
8	BÌNH ĐỒ PHÁ DỠ VỈA HÈ	GT-08
9	BÌNH ĐỒ PHÁ DỠ TƯỜNG XÂY	GT-09
10	BÌNH ĐỒ PHÁ DỠ BÓ VỈA HƯ HỎNG, BỤC BT TỰ PHÁT VÀ CÂY XANH HIỆN TRẠNG	GT-10
11	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	GT-11

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
12	TRẮC DỌC TUYẾN D1	GT-12
13	TRẮC NGANG TUYẾN D1	GT-13
14	TRẮC DỌC TUYẾN D2	GT-14
15	TRẮC NGANG TUYẾN D2	GT-15
16	TRẮC DỌC TUYẾN N1	GT-16
17	TRẮC NGANG TUYẾN N1	GT-17
18	TRẮC DỌC TUYẾN N2	GT-18
19	TRẮC NGANG TUYẾN N2	GT-19
20	TRẮC DỌC TUYẾN N3	GT-20
21	TRẮC NGANG TUYẾN N3	GT-21
22	NÚT GIAO N1D1 & N2D1	GT-22
23	NÚT GIAO N1D2 & N2D2	GT-23
24	NÚT GIAO N3D1 & N3D2	GT-24
III.	KHỐI LƯỢNG	

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN

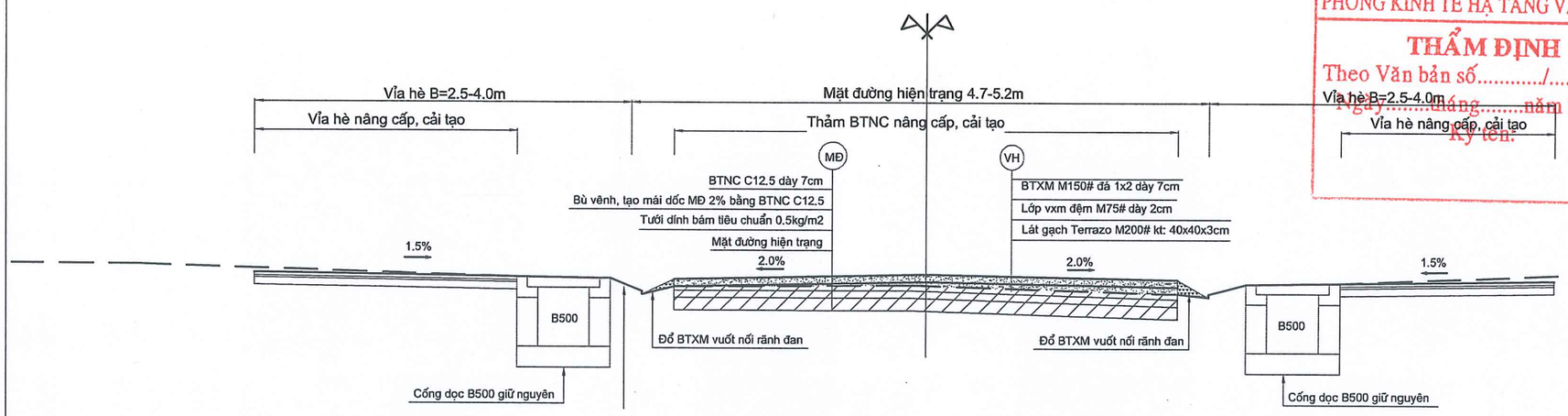
(ÁP DỤNG CHO ĐOẠN TUYẾN KHÔNG CÓ RÃNH DỌC 2 BÊN VỈA HÈ)



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN

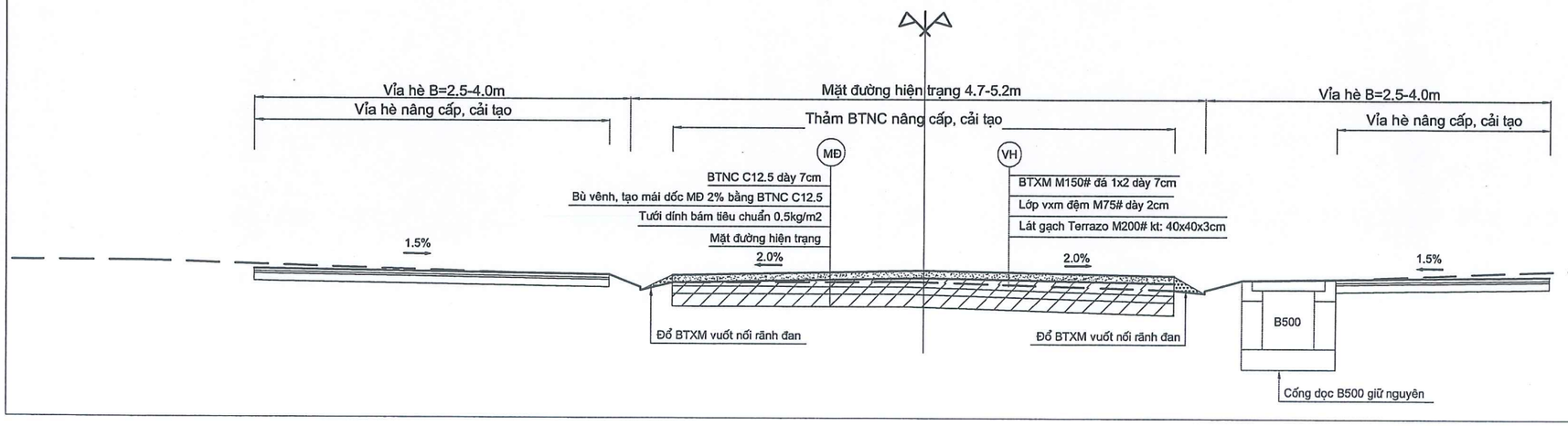
(ÁP DỤNG CHO ĐOẠN TUYẾN CÓ RÃNH DỌC 2 BÊN VỈA HÈ)



PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN

(ÁP DỤNG CHO ĐOẠN TUYẾN CÓ RÃNH DỌC 1 BÊN VỈA HÈ)



TVXDLK
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

M.S.D.N: 4601602126-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

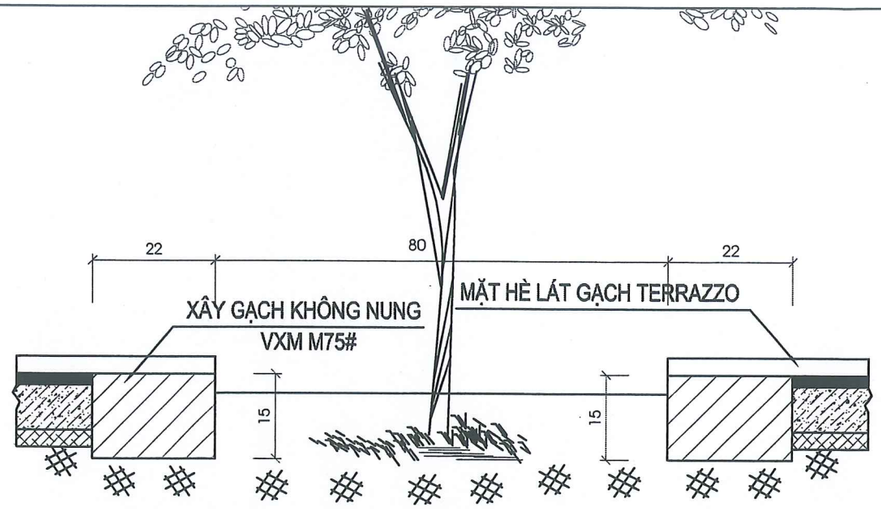
TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN

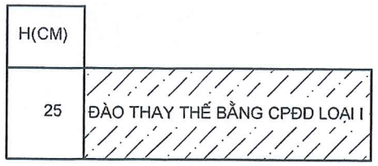
BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

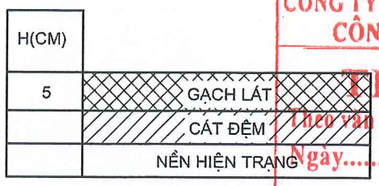
TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/.....	GT-01



KẾT CẤU XỬ LÝ HƯ HỎNG MẶT ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG



KẾT CẤU PHÁ DỠ VỈA HÈ LÁT GẠCH

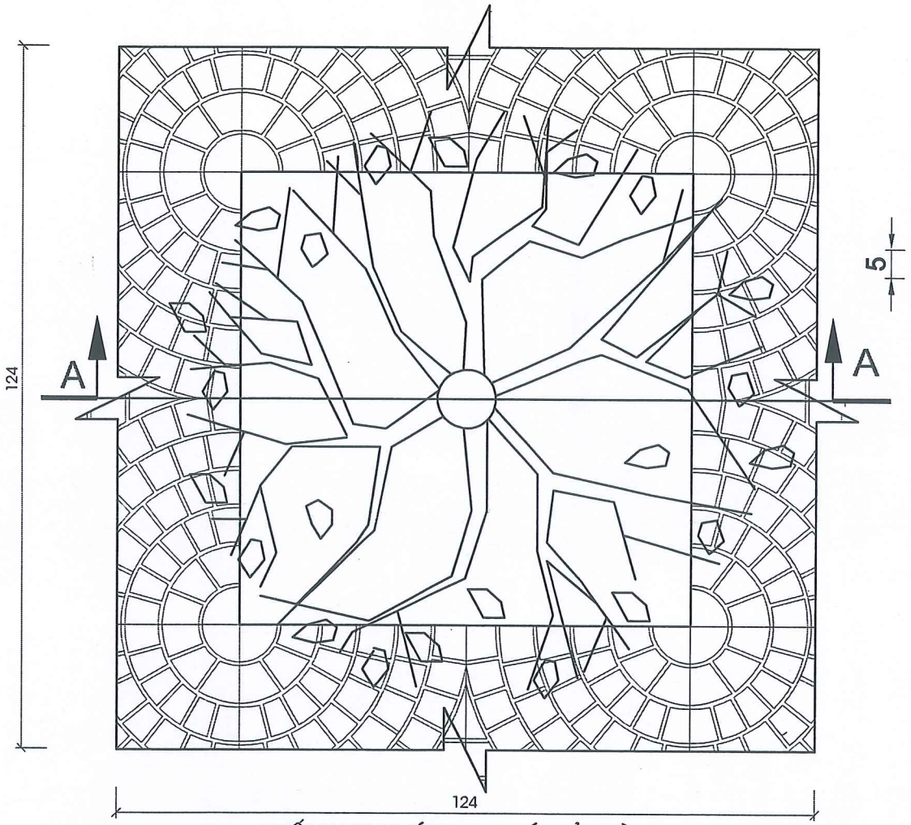


KẾT CẤU PHÁ DỠ VỈA HÈ BÊ TÔNG

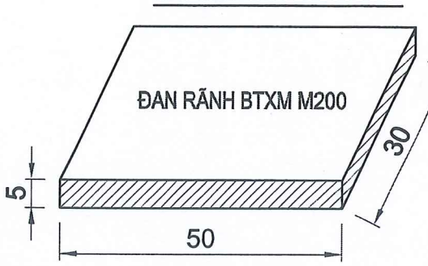


CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

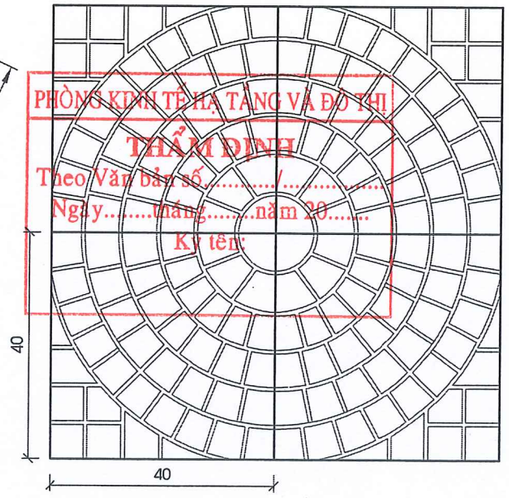
MẶT CẮT A-A



CHI TIẾT TẤM ĐAN RÃNH



VIÊN LÁT VỈA HÈ



PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

KHỐI LƯỢNG TÍNH 1M2 LÁT VỈA HÈ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	GẠCH TERRAZZO KT (40X40)CM, DÀY 3CM	VIÊN	6.25	
2	VỮA LÓT M75# DÀY 2CM	M3	0.02	KẾT DÍNH VÀ TẠO PHẲNG
3	BTXM M150# DÀY 7CM	M3	0.07	

KHỐI LƯỢNG VẬT LIỆU CHO 1 HỐ TRỒNG CÂY VỈA HÈ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
	BÓ BỒN XÂY GẠCH KHÔNG NUNG VXM M75#	M3	0.14

KHỐI LƯỢNG VL CHO 1 M RÃNH ĐAN

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	TẤM ĐAN KT (50 X 300 X 500)	VIÊN	2	
2	VÁN KHUÔN TẤM ĐAN RỎNH	M2	0.16	
3	BTXM M200#	M3	0.015	
4	VỮA XM CÁT VÀNG M100	M3	0.006	KẾT DINH VÀ TẠO PHẲNG TRƯỚC KHI LÁT

GHI CHÚ

- Kích thước dùng trong bản vẽ là cm.

TVXDLK
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:



KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:

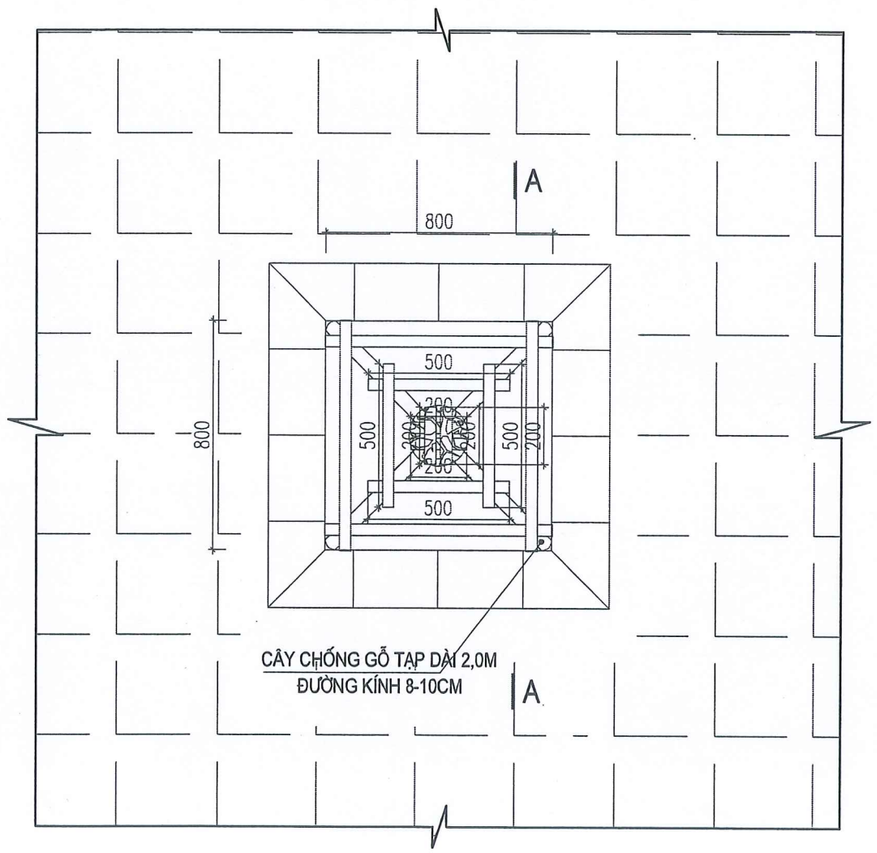
BẢN VẼ CẤU TẠO

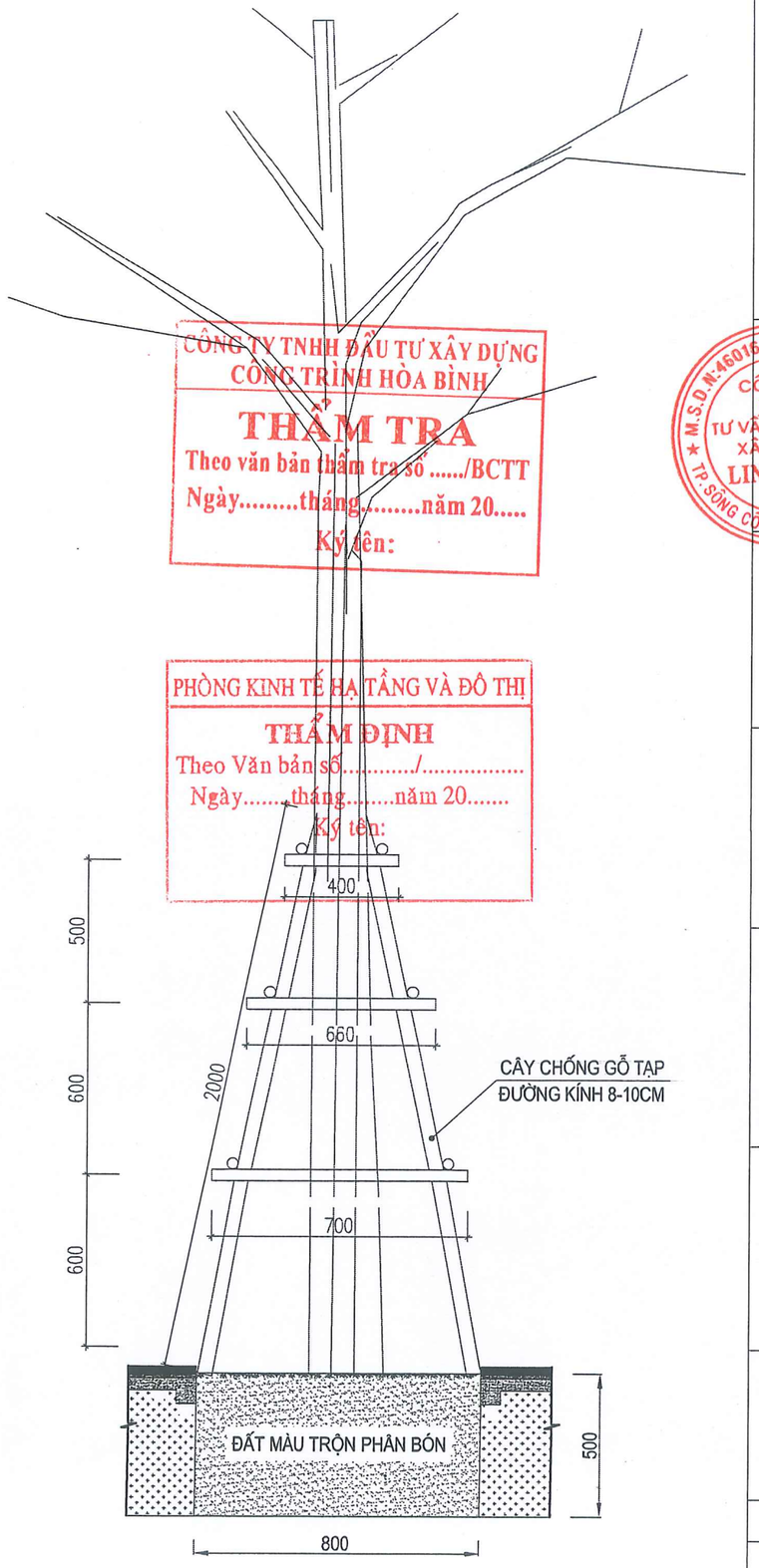
BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/.....	GT - 02

MẶT BẰNG TRỒNG CÂY





MẶT CẮT A-A

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

M.S.D.N: 4601602126 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI - TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:

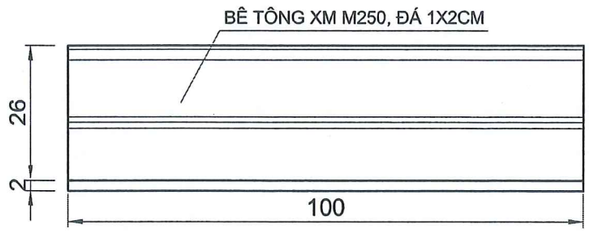
BẢN VẼ CẤU TẠO

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

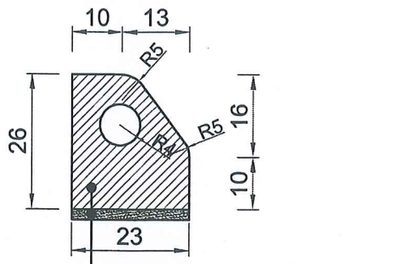
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/.....	GT - 03

MẶT ĐỨNG VIÊN BÓ VỈA



CẮT NGANG VIÊN BÓ VỈA



BÓ VỈA BTXM M200 (23X26X100)CM
VỮA XM M100 DÀY 2CM
SỬ DỤNG MÓNG HIỆN TRẠNG

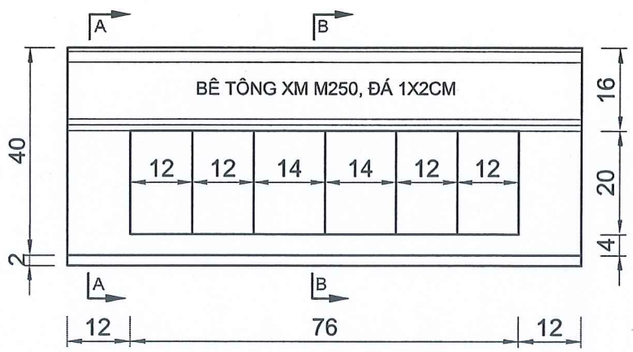
CHI TIẾT PHÁ DỠ BÓ VỈA HƯ HỎNG VÀ BỆ BỤC BT TỰ PHÁT



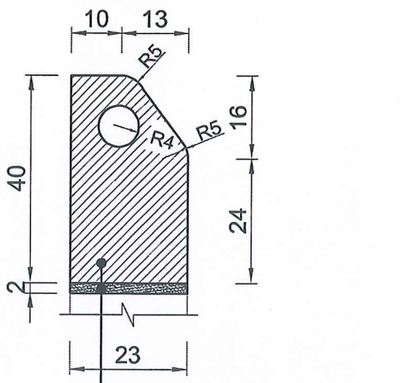
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

MẶT ĐỨNG VIÊN BÓ VỈA HÀM ẾCH

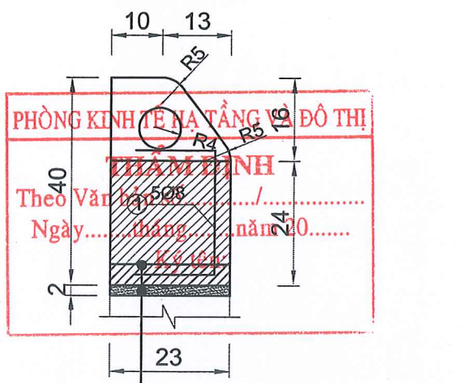


MẶT CẮT A-A



BÓ VỈA BTXM M200 (23X26X100)CM
VỮA XM M100 DÀY 2CM
SỬ DỤNG MÓNG HIỆN TRẠNG

MẶT CẮT B-B



PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

BÓ VỈA BTXM M200 (23X26X100)CM
VỮA XM M100 DÀY 2CM
SỬ DỤNG MÓNG HIỆN TRẠNG

KHỐI LƯỢNG VL CHO 1 M BÓ VỈA HÀM ẾCH THAY THẾ BÓ VỈA HIỆN TRẠNG HƯ HỎNG

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	BÓ VỈA ĐÚC SẴN	VIÊN	1	
2	BTXM	M3	0.05	MÁC M250#, ĐÁ 1X2
3	THÉP Ø8	KG	1.07	0.15 | 0.24 | 0.15
4	VÁN KHUÔN VIÊN VỈA	M2	0.6	VÁN KHUÔN THÉP
5	VỮA XM CÁT VÀNG M100#	M3	0.0046	KẾT DINH VÀ TẠO PHẲNG TRƯỚC KHI LÁT

KHỐI LƯỢNG VL CHO 1M BÓ VỈA THƯỜNG THAY THẾ BÓ VẢI HIỆN TRẠNG HƯ HỎNG

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	BÓ VỈA ĐÚC SẴN	VIÊN	1	
2	BTXM M250	M3	0.052	
3	VÁN KHUÔN VIÊN VỈA	M2	0.90	
4	VỮA XM CÁT VÀNG M100	M3	0.0046	KẾT DINH VÀ TẠO PHẲNG TRƯỚC KHI LÁT

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

M.S.D.N: 4601502126 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI - TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

GIÁM ĐỐC:
KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ
KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

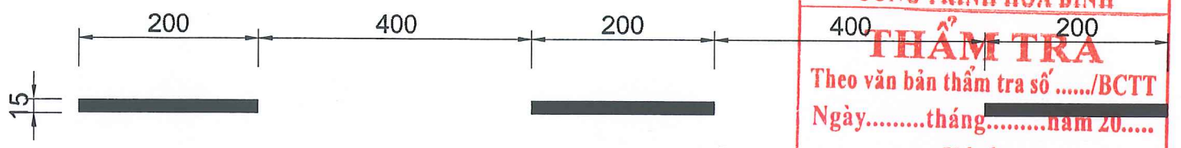
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT BÓ VỈA

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/.....	GT - 04

VẠCH SƠN SỐ 1.1:

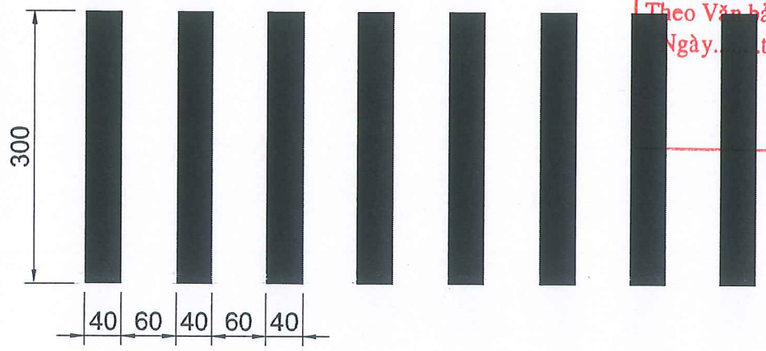


(VẠCH ĐƠN ĐỨT QUỎNG MÀU VÀNG)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

VẠCH SƠN SỐ 7.3:



(VẠCH ĐI BỘ QUA ĐƯỜNG, MÀU TRẮNG)

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ LÀ CM
- VẠCH SƠN ÁP DỤNG "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2024/BGTVT

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

M.S.D.N: 4601602126-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI
TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

KS. PHÙ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

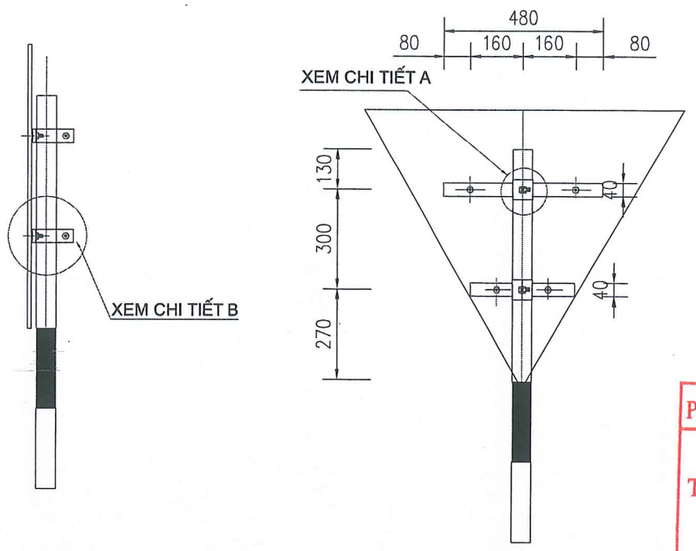
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT VẠCH SƠN ATGT

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

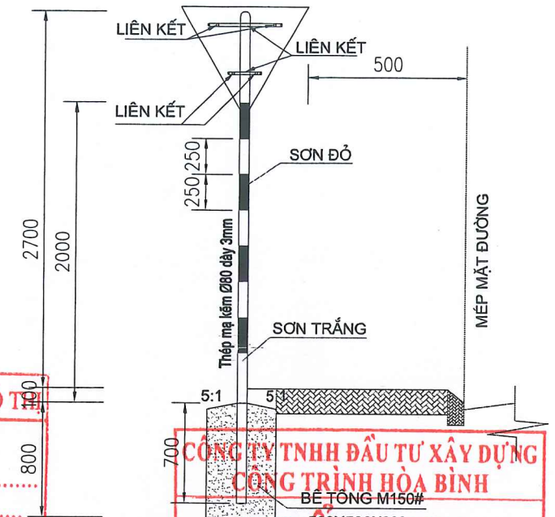
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/.....	GT-05

CHI TIẾT LIÊN KẾT BIỂN BÁO



CHI TIẾT CỘT BIỂN BÁO



PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

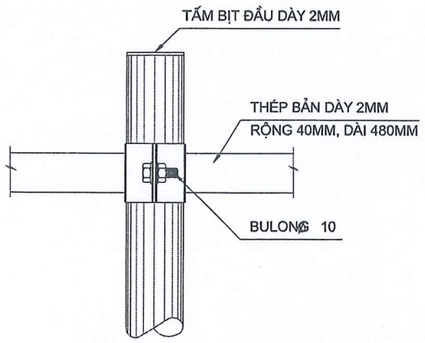
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

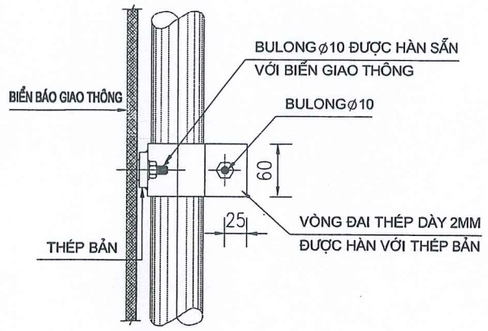
Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:



CHI TIẾT A



CHI TIẾT B



KÍCH THƯỚC BIỂN BÁO HIỆU

(BIỂN TÔN SƠN PHẢN QUANG)

GHI CHÚ:

1. KÍCH THƯỚC DÙNG TRONG BẢN VẼ LÀ MILIMET.
2. VẬT LIỆU, MÀU SẮC CHỮ VÀ VỊ TRÍ ĐẶT BIỂN THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ: QCVN 41:2024/BGTVT
3. BIỂN BÁO CÓ THỂ ĐƯỢC GẮN VỚI CỘT ĐIỆN HOẶC CỘT ĐÈN THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ: QCVN 41:2024/BGTVT

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

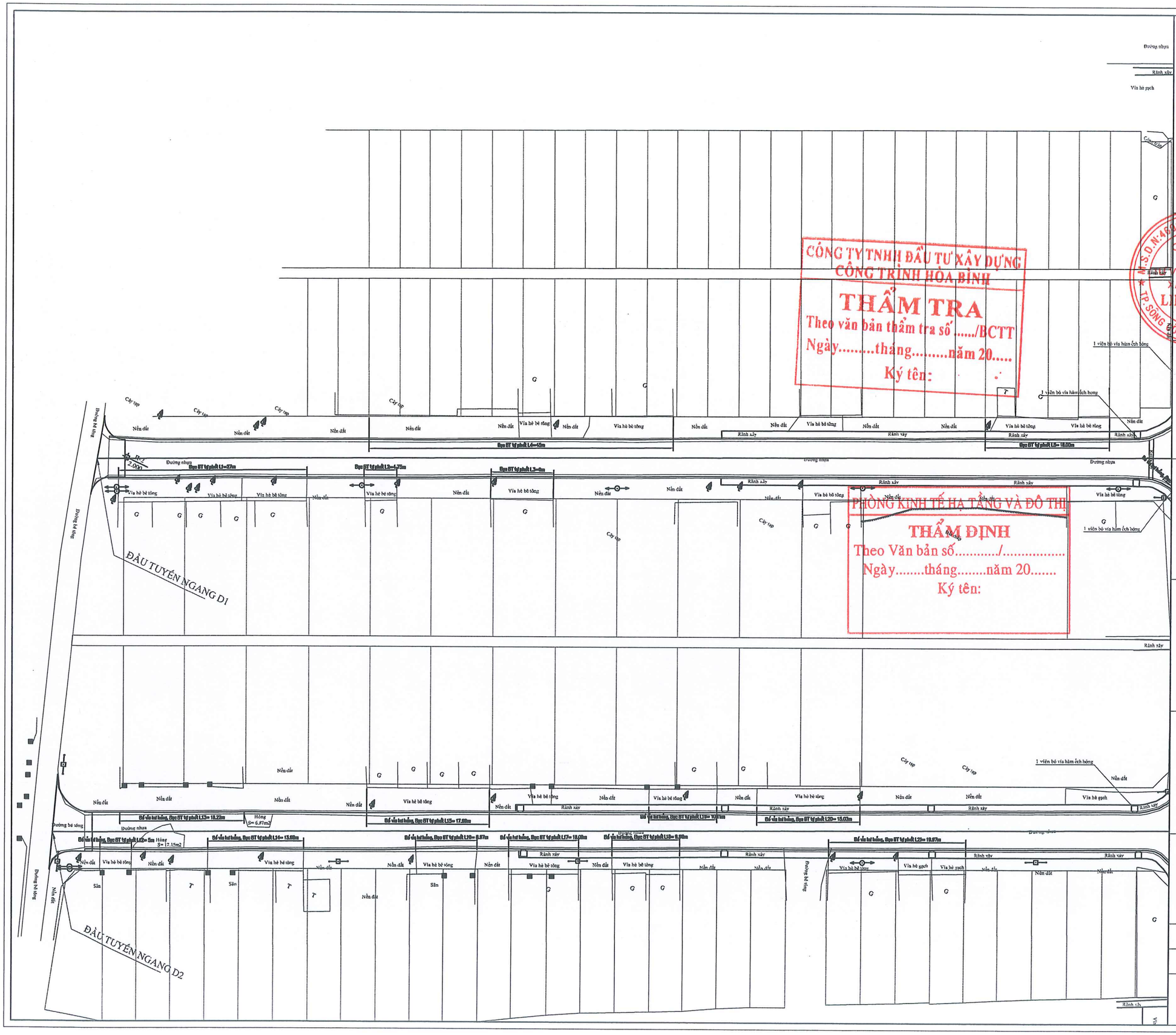
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT BIỂN BÁO ATGT

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/.....	GT-06



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

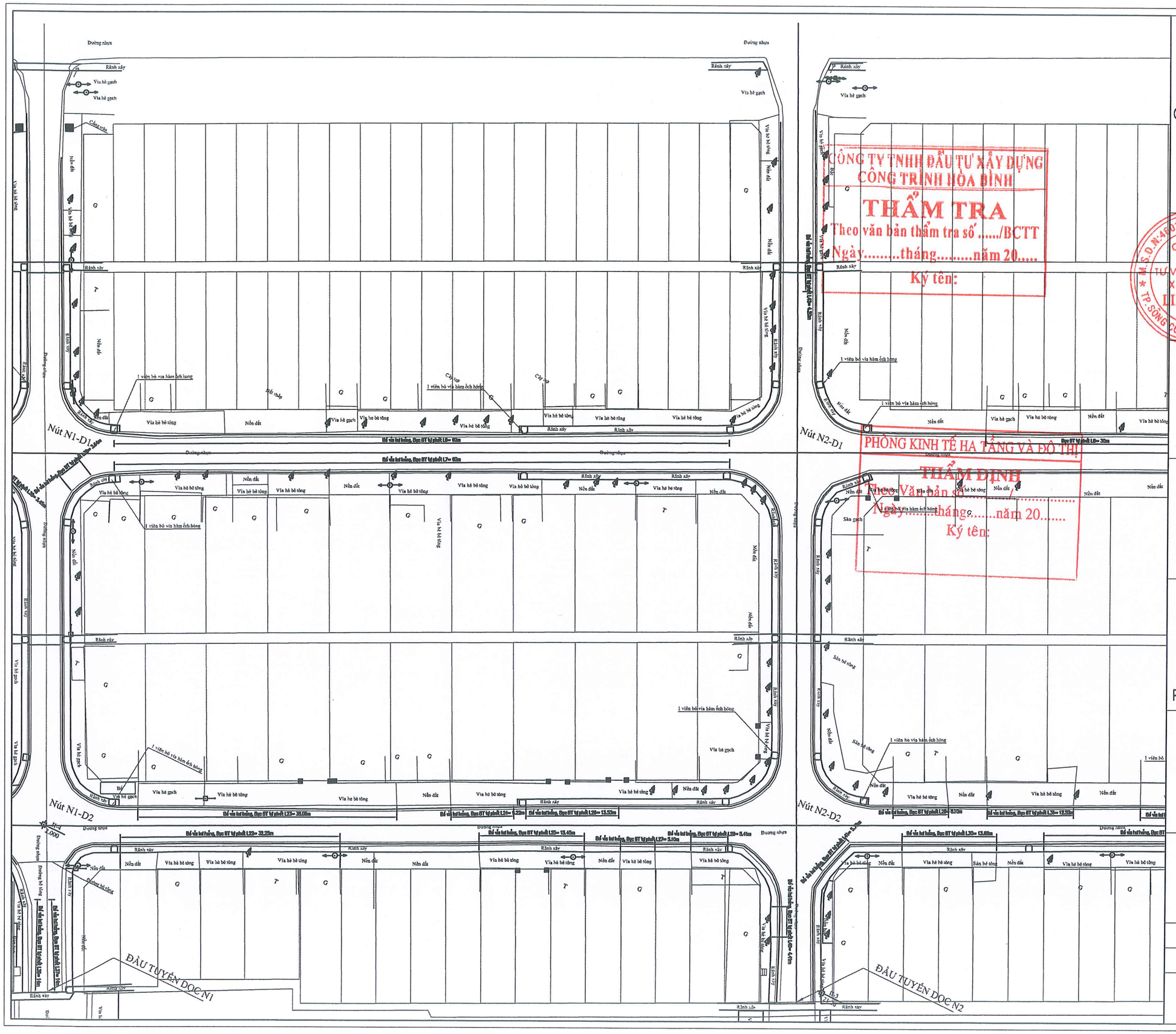
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 07A



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI

M.S.D.N: 4901602126-C.T.Y.N.H.H - TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

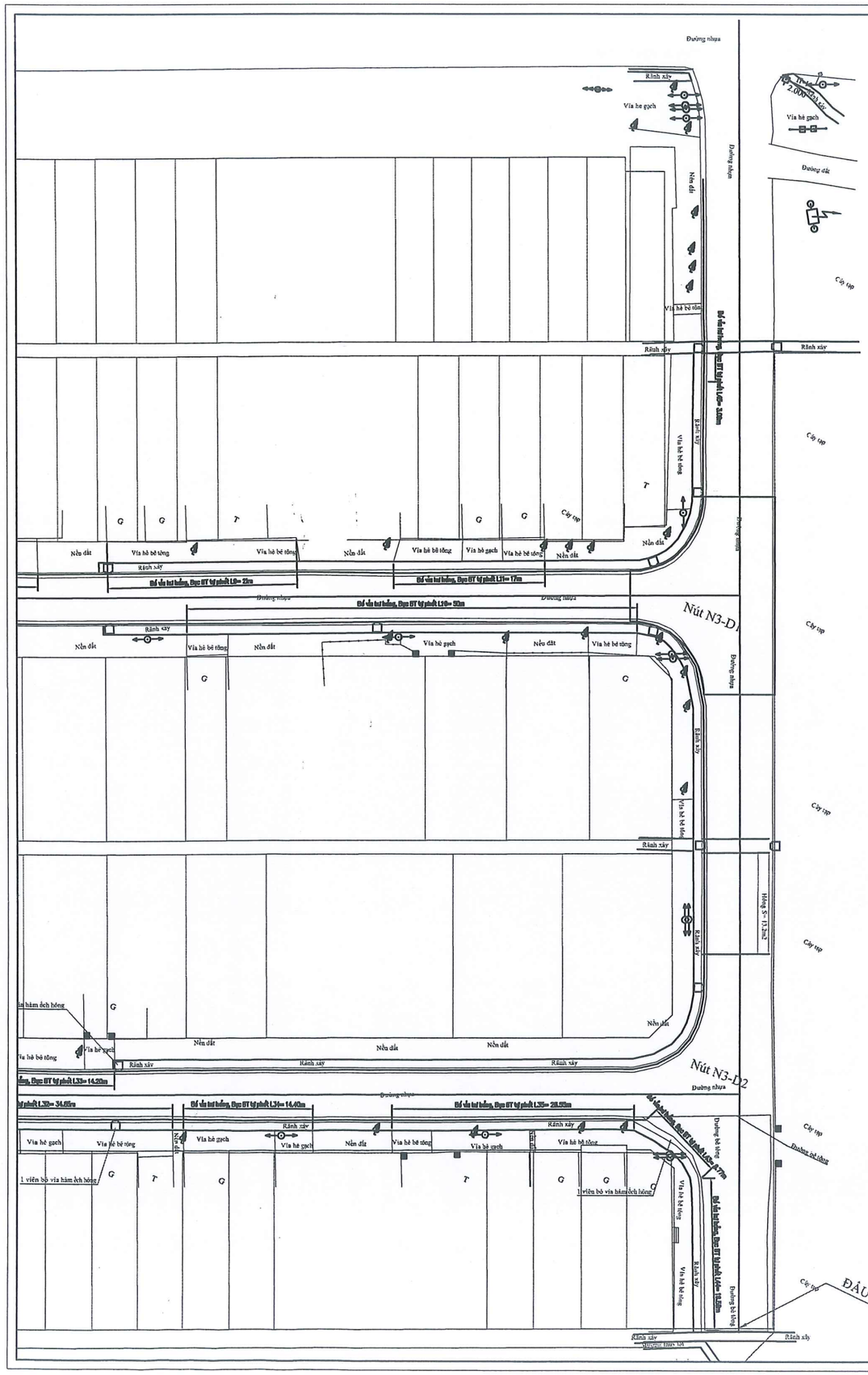
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 07B



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

M.S.D.N: 4601602126-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

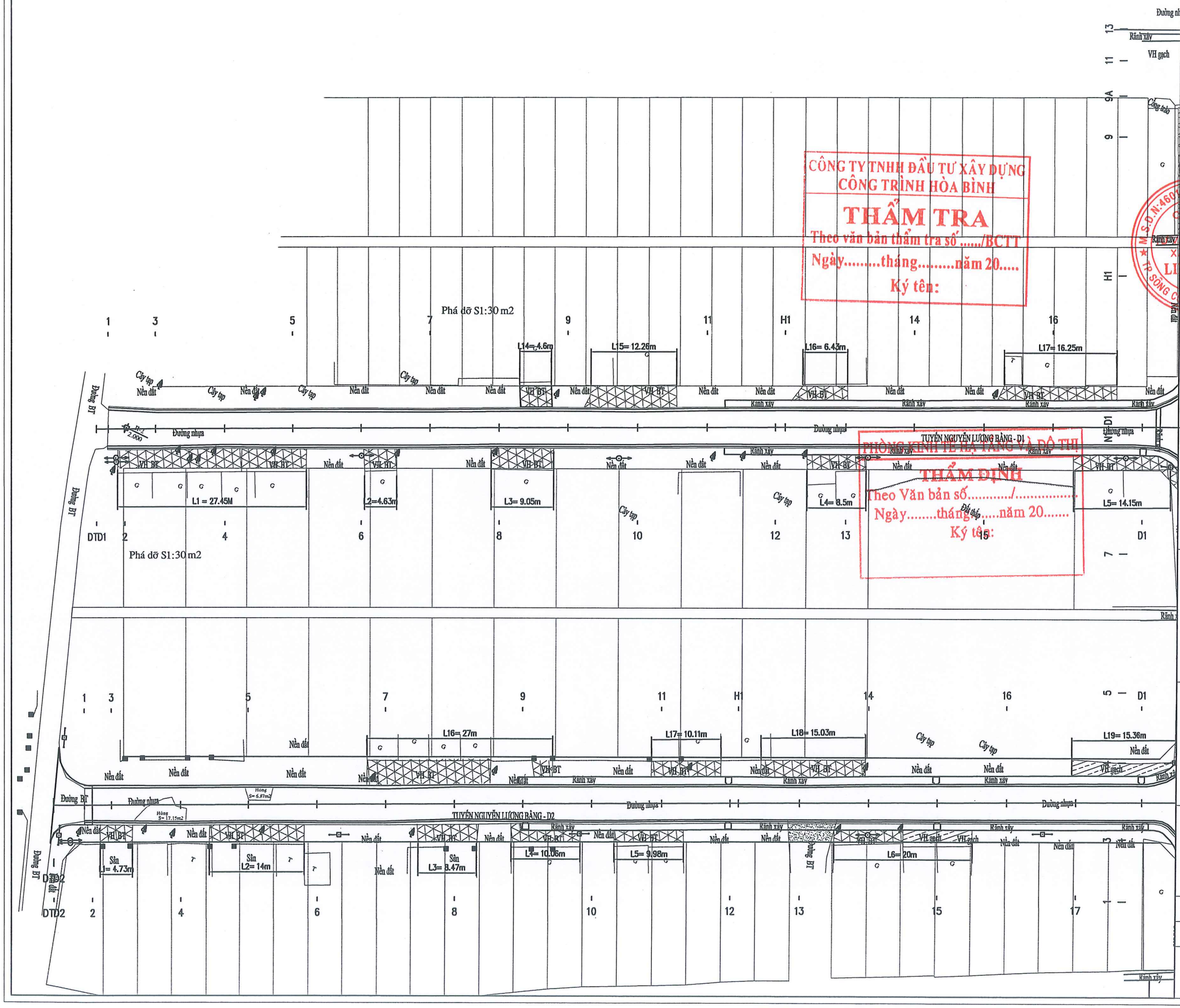
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 07C



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

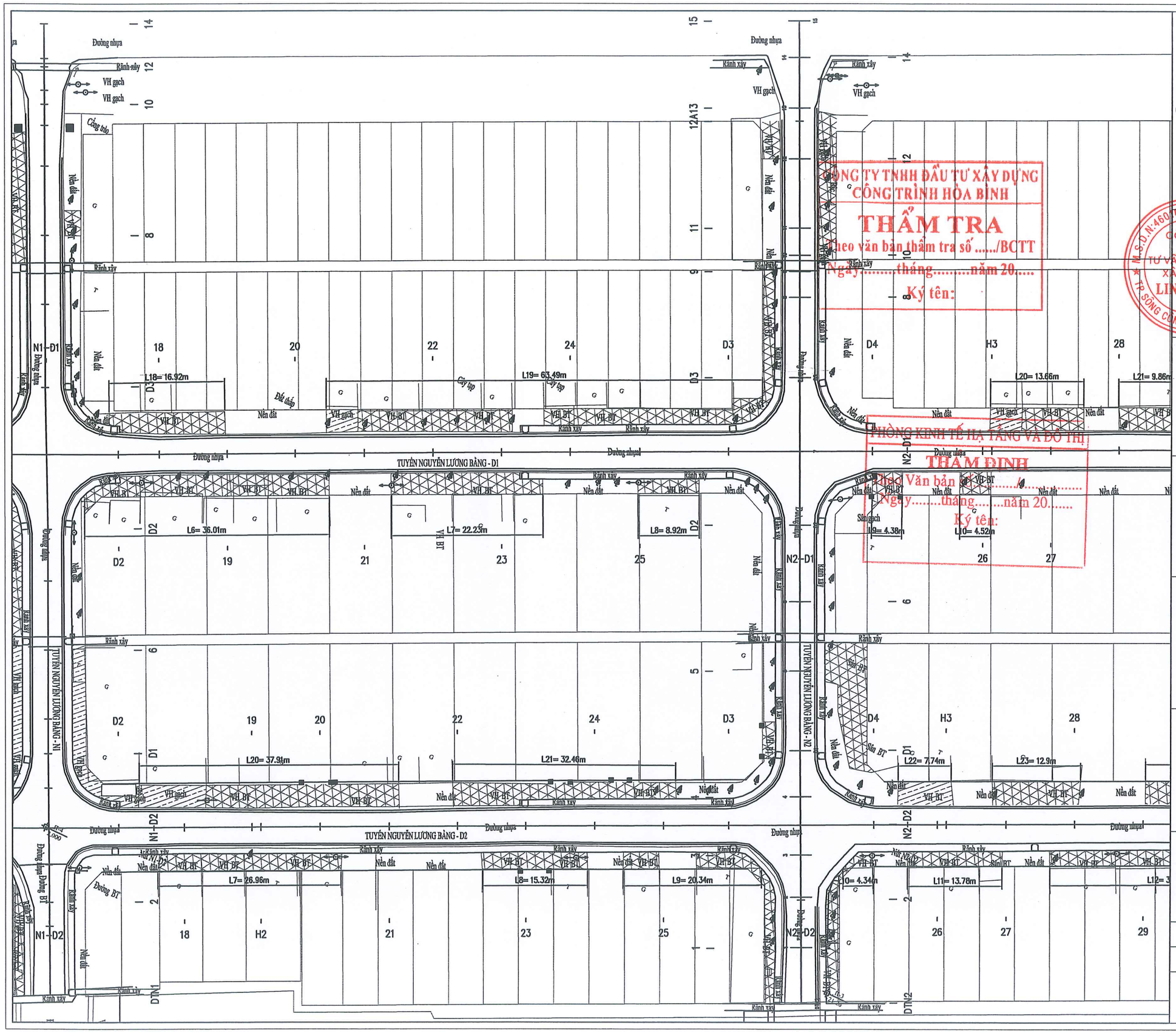
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ CẮT KHE PHÁ DỠ VỈA HÈ

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 8A



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số .....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

M.S.D.N: 4600602126 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI - TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

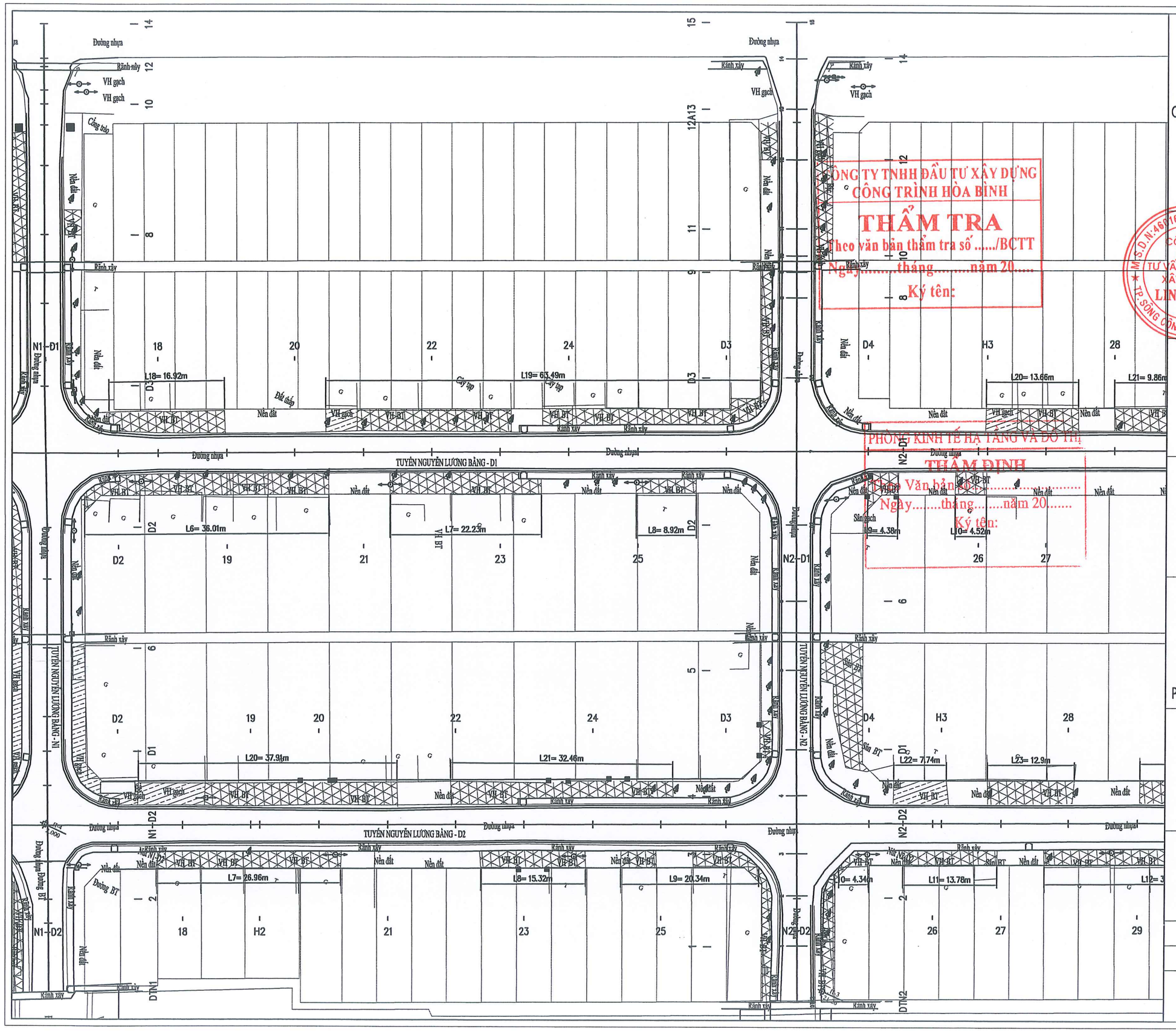
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ CẮT KHE PHÁ DỠ VỈA HÈ

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 8B



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số .....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

M.S.D.N: 4601602126-C.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

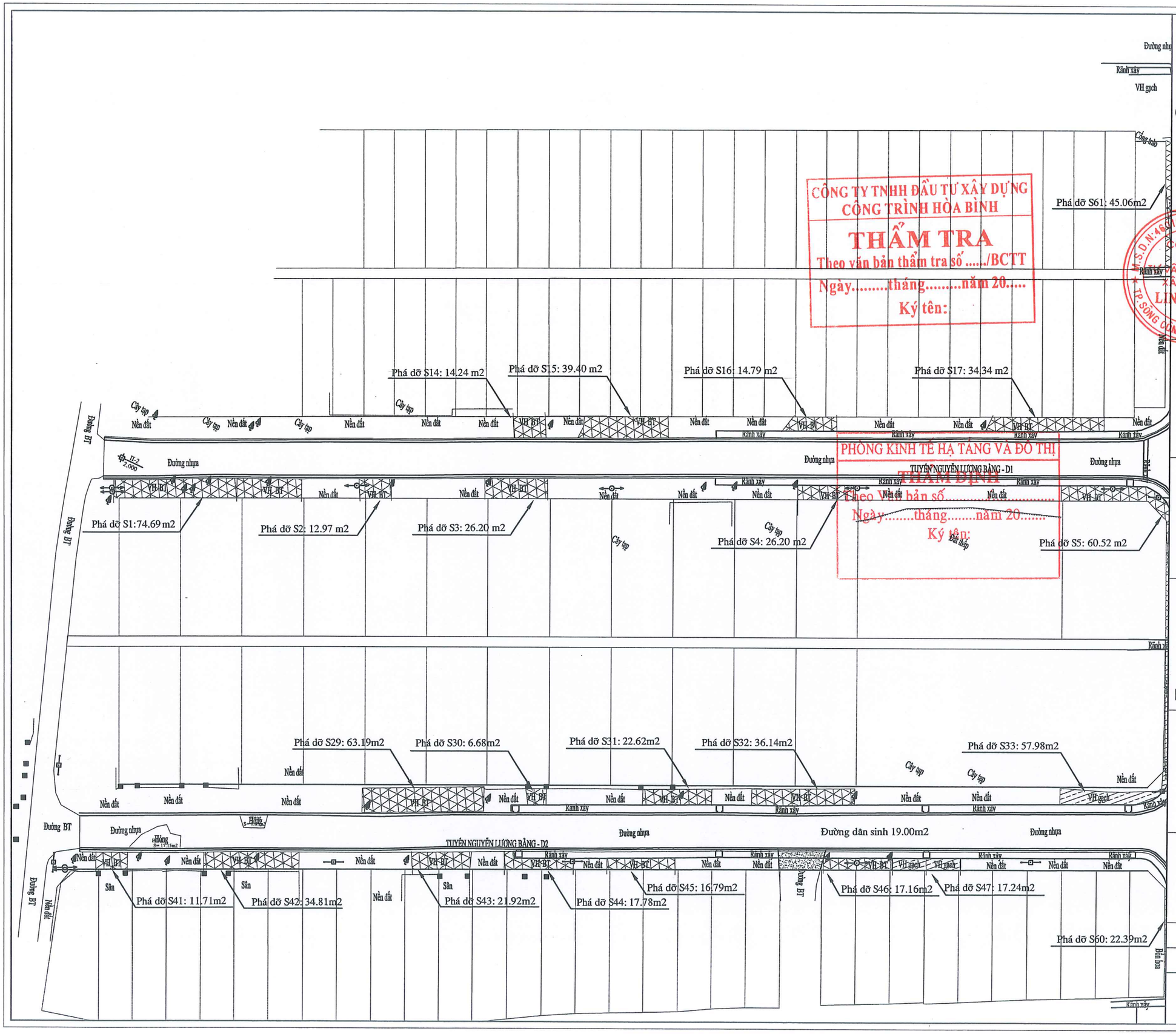
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ CẮT KHE PHÁ DỠ VỈA HÈ

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 8C



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

M.S.D.N: 4601602126-C.T.T.N.H.H

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI

TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

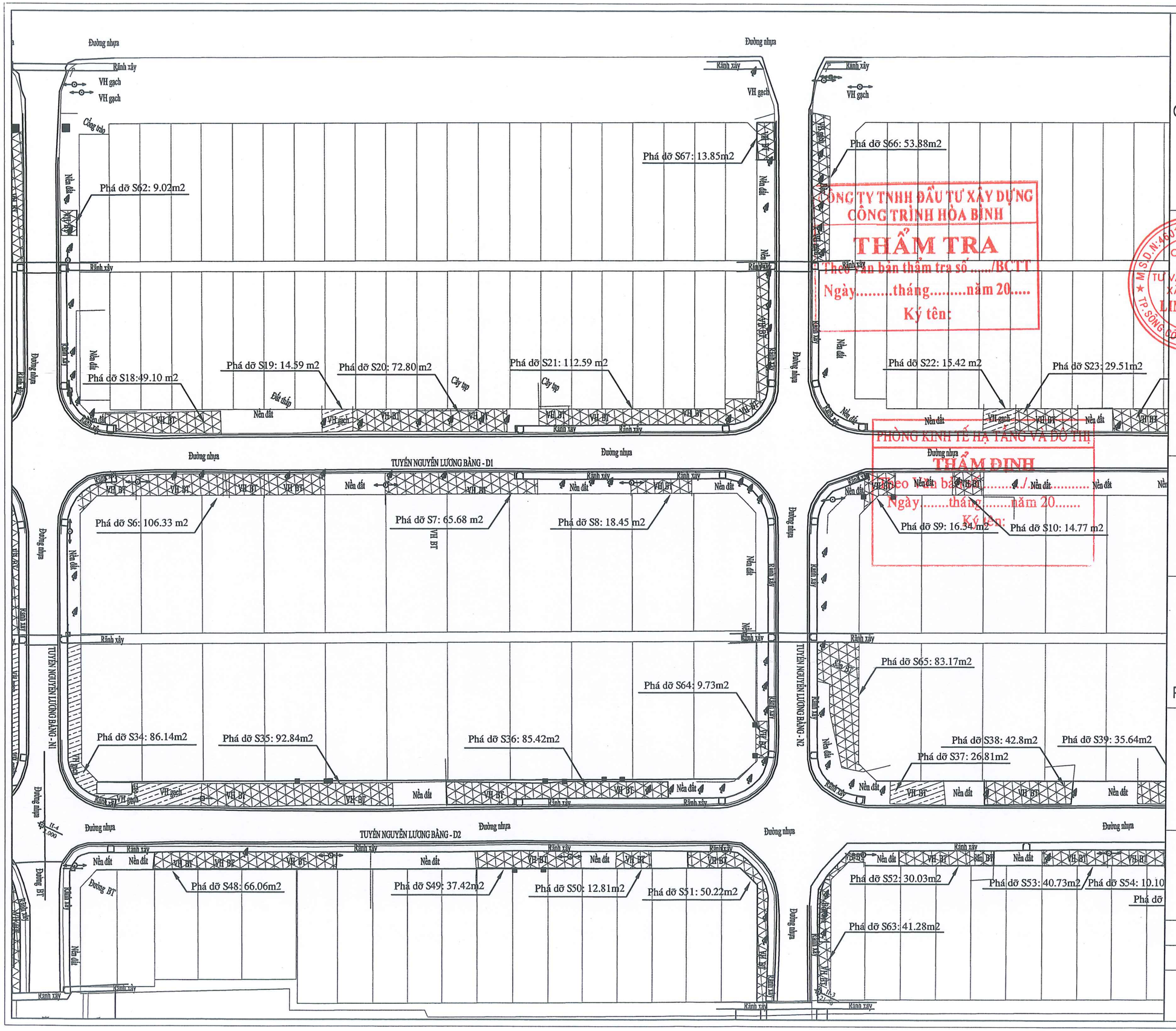
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ PHÁ DỠ VỈA HÈ

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 9A



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo Văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

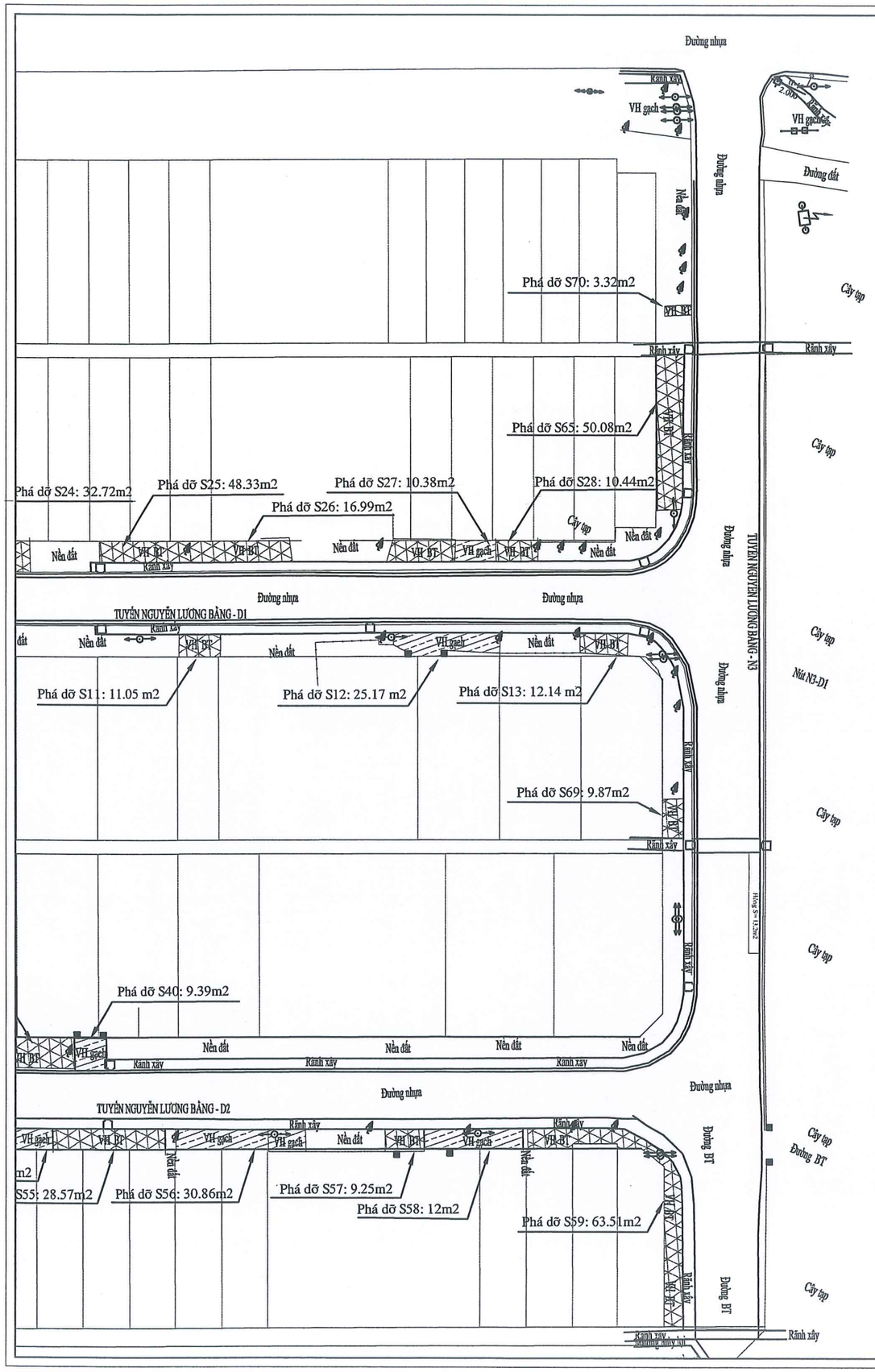
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ PHÁ DỠ VỈA HÈ

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 9B



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

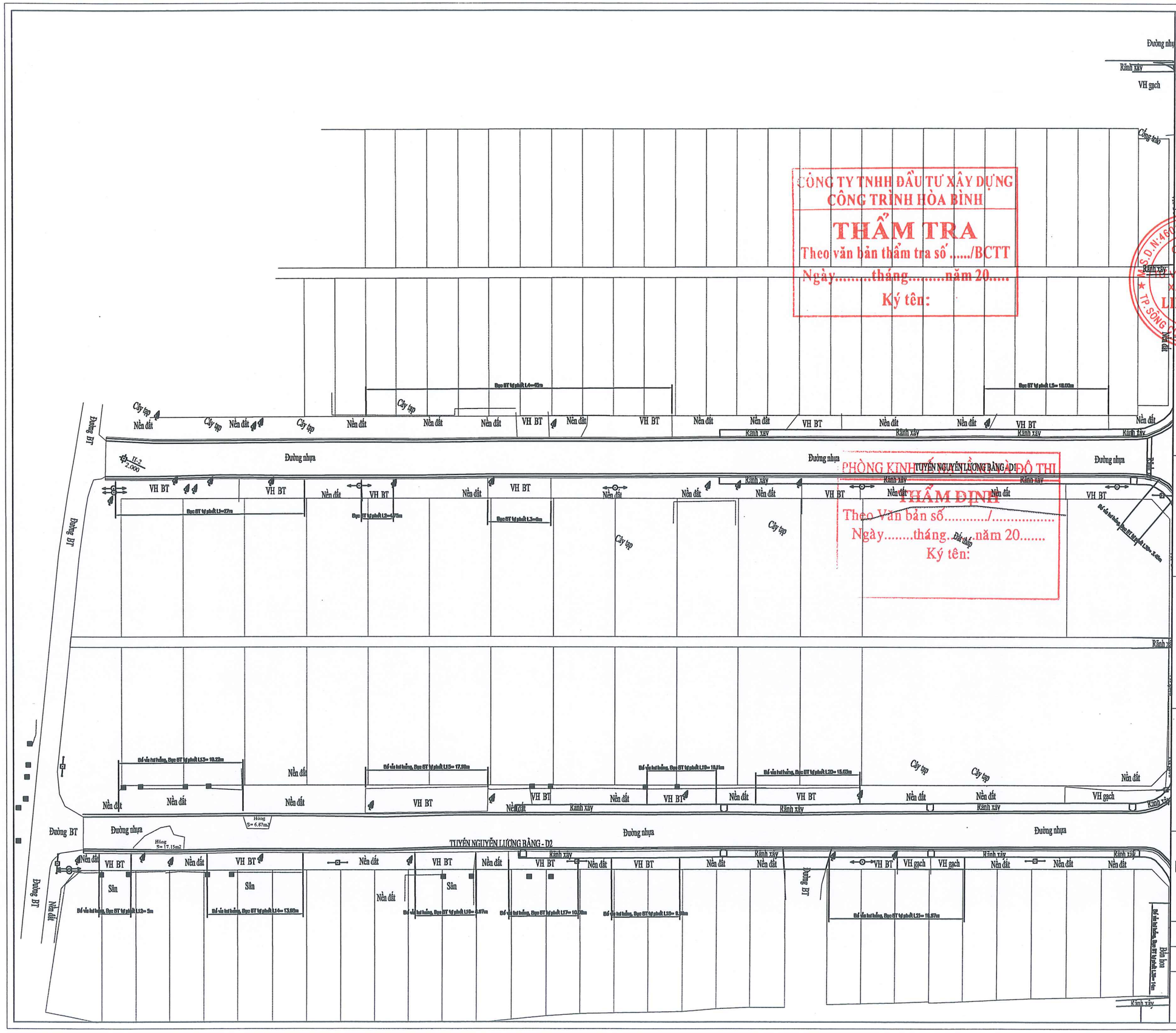
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ PHÁ DỠ VỈA HÈ

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 9C



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

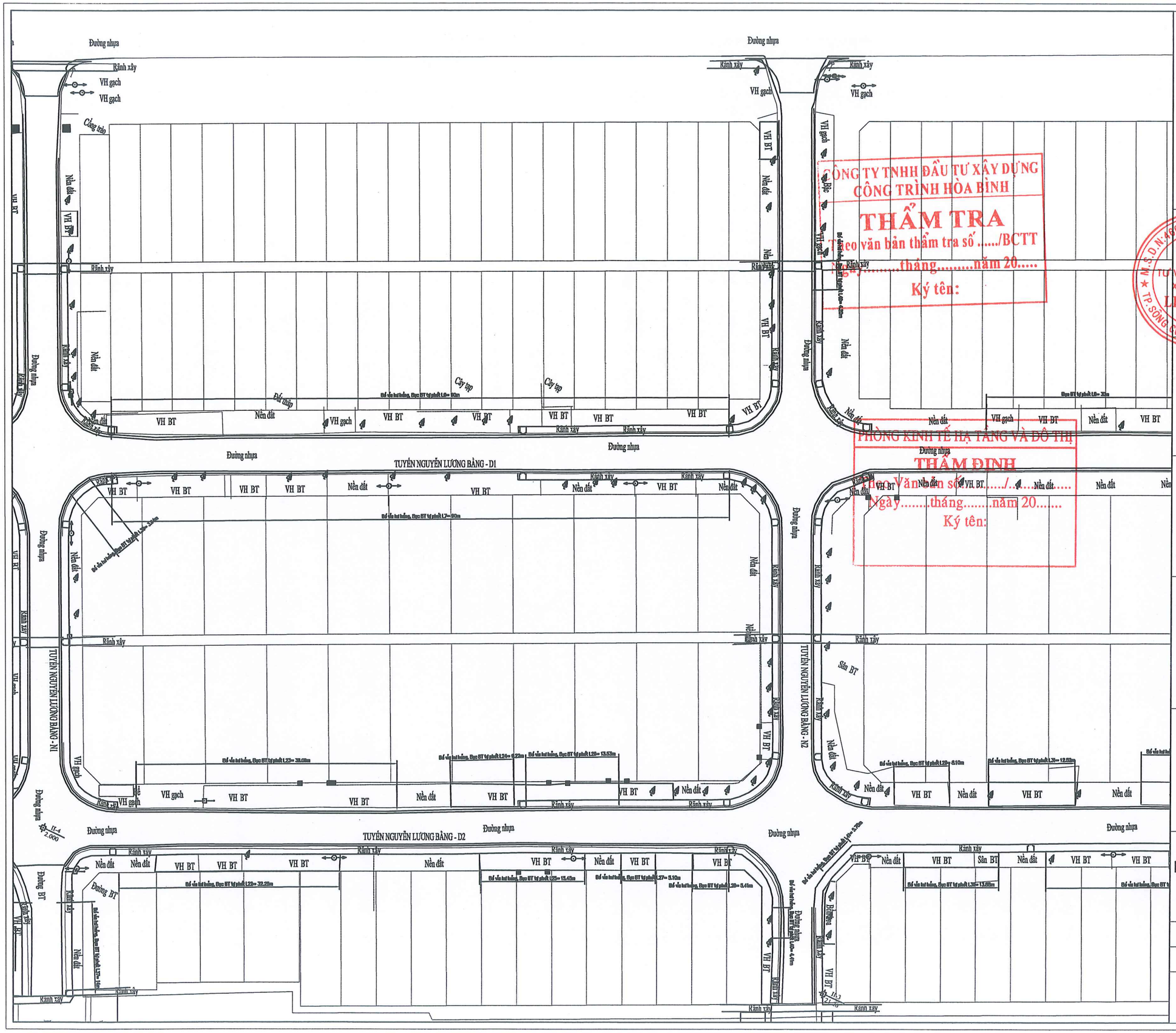
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ PHÁ DỠ BÓ VỈA HƯ HỎNG, BỤC BT TỰ PHÁT VÀ CÂY XANH HIỆN TRẠNG

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 10A



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI – M.S.D.N: 4801602126 – C.T.T.N.H.H – TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

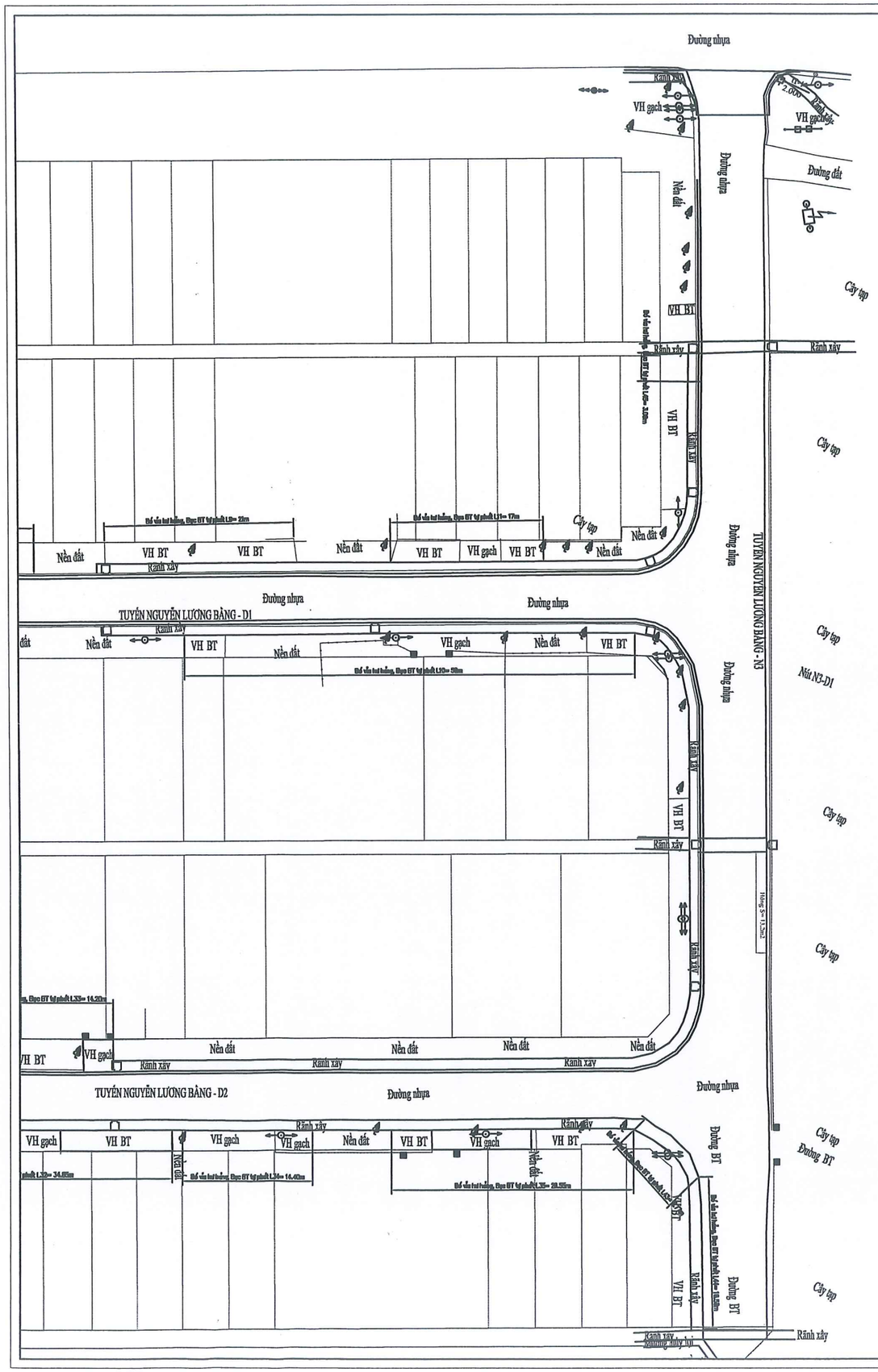
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ PHÁ DỠ BÓ VỈA HƯ HỎNG, BỤC BT TỰ PHÁT VÀ CÂY XANH HIỆN TRẠNG

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 10B



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI – M.S.D.N: 4561602126-C.T.T.N.H.H – TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

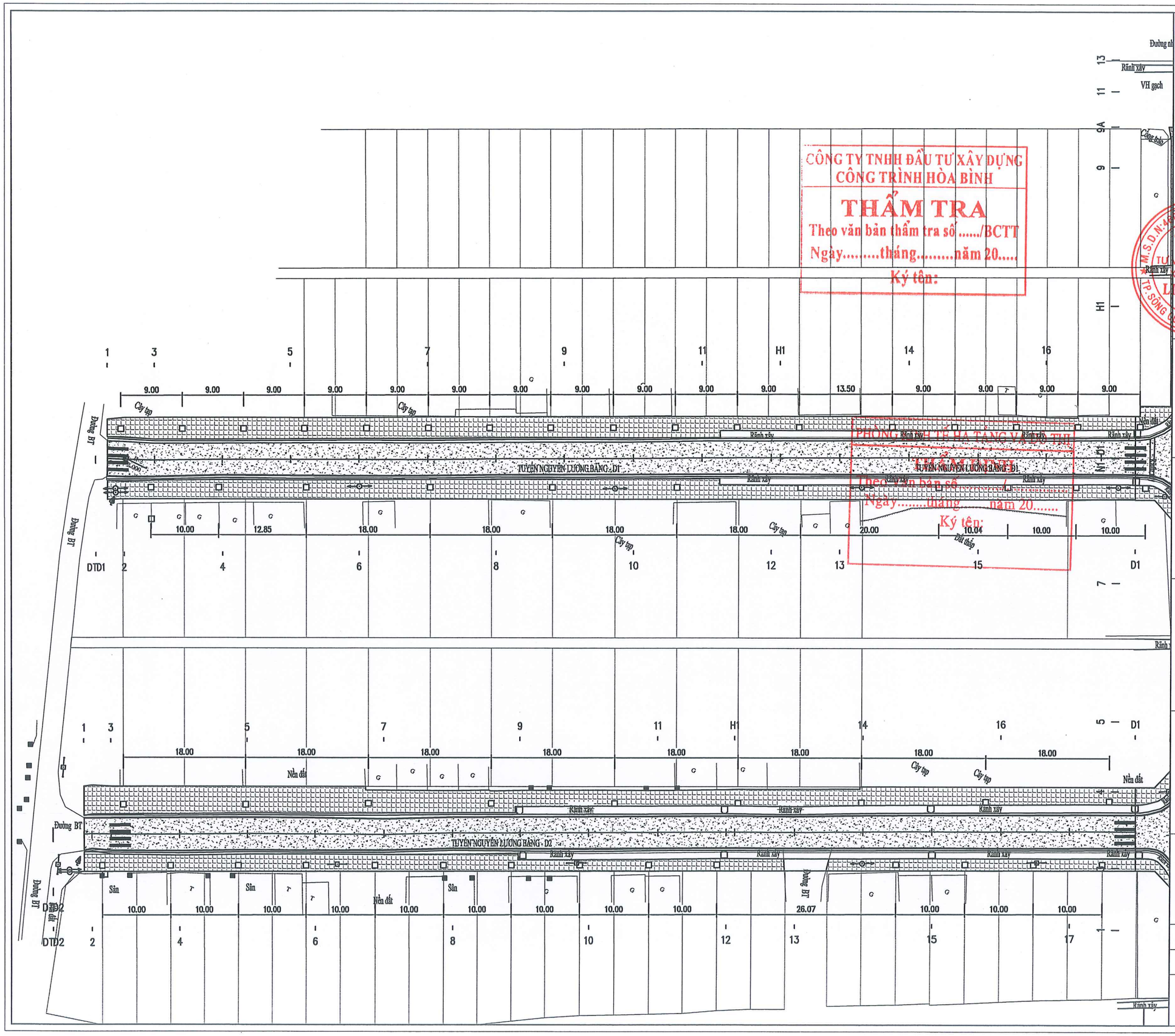
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ PHÁ DỠ BÓ VỈA HƯ HỎNG, BỤC BT TỰ PHÁT VÀ CÂY XANH HIỆN TRẠNG

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 10C



TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP
PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG
KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH,
PHƯỜNG BÁCH QUANG

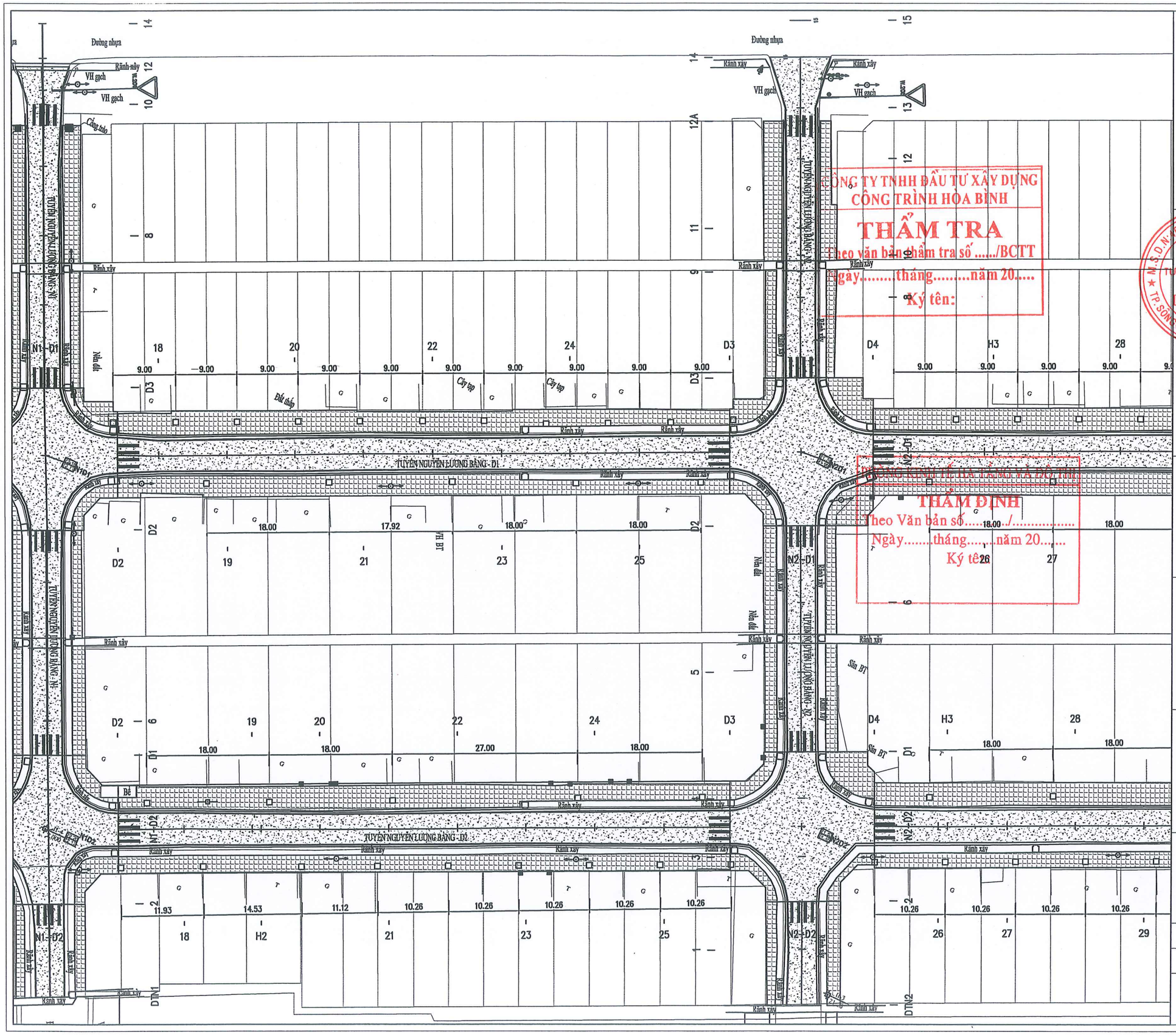
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 11A



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

SỞ XÂY DỰNG, KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÙ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

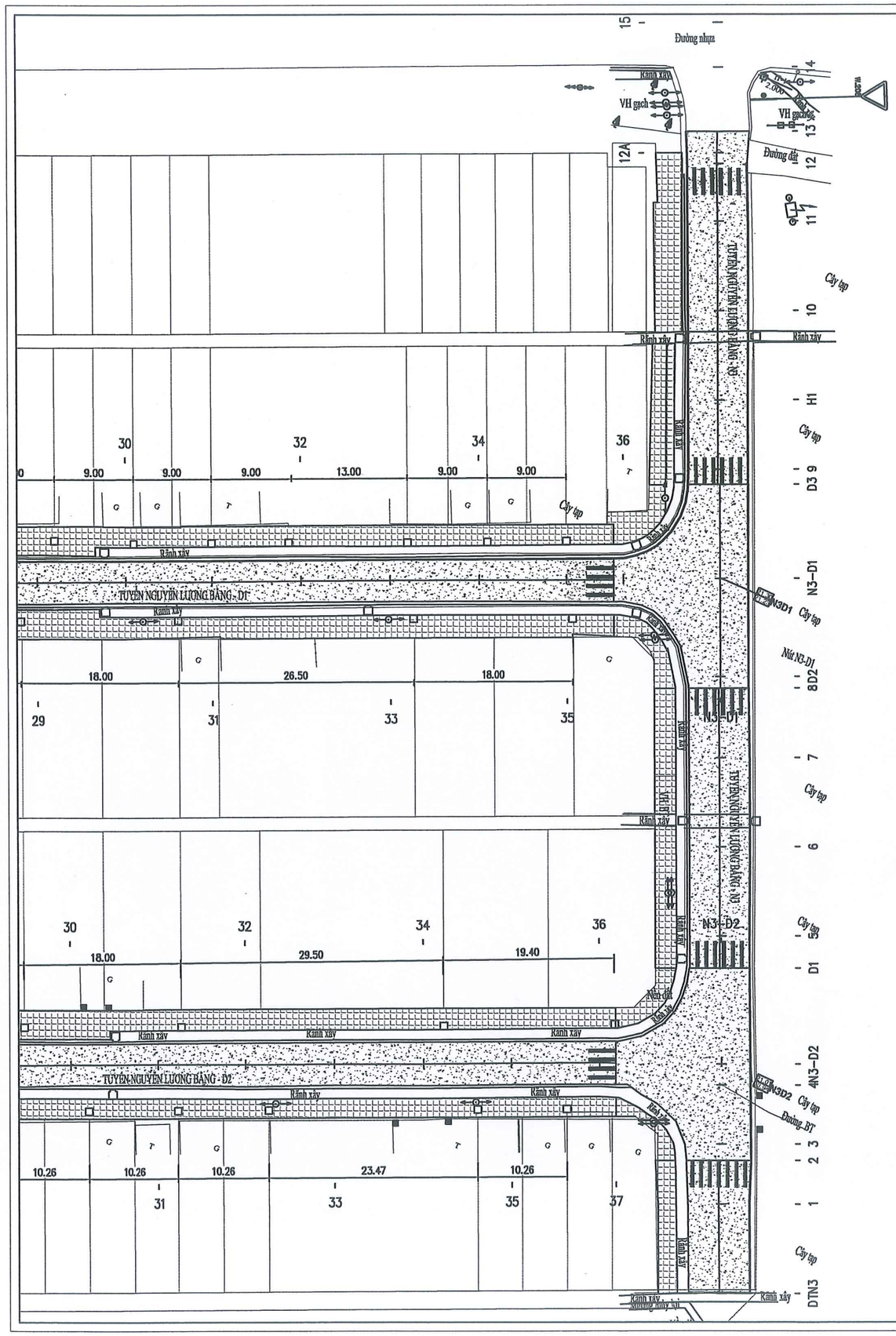
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 11B



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

M.S.D.N: 4601602126-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

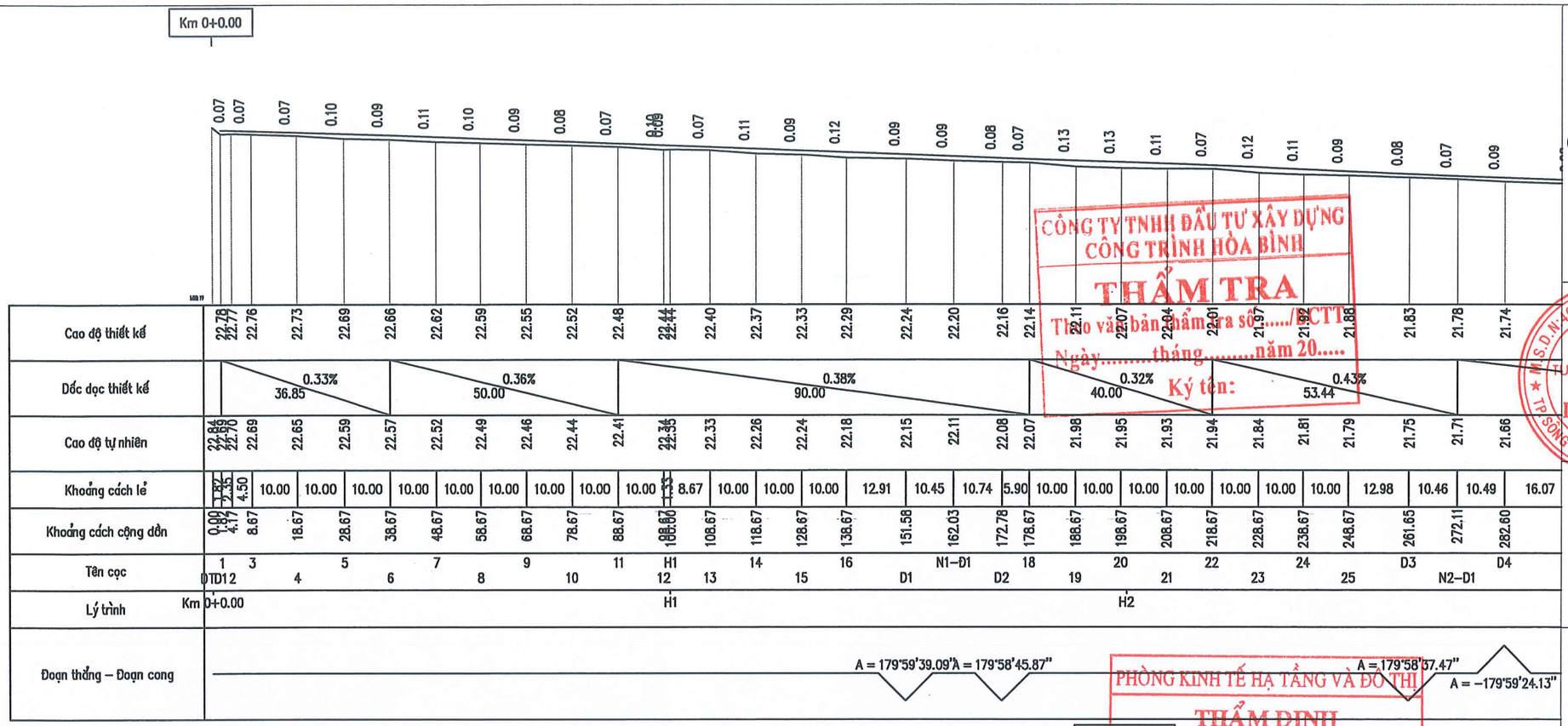
TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

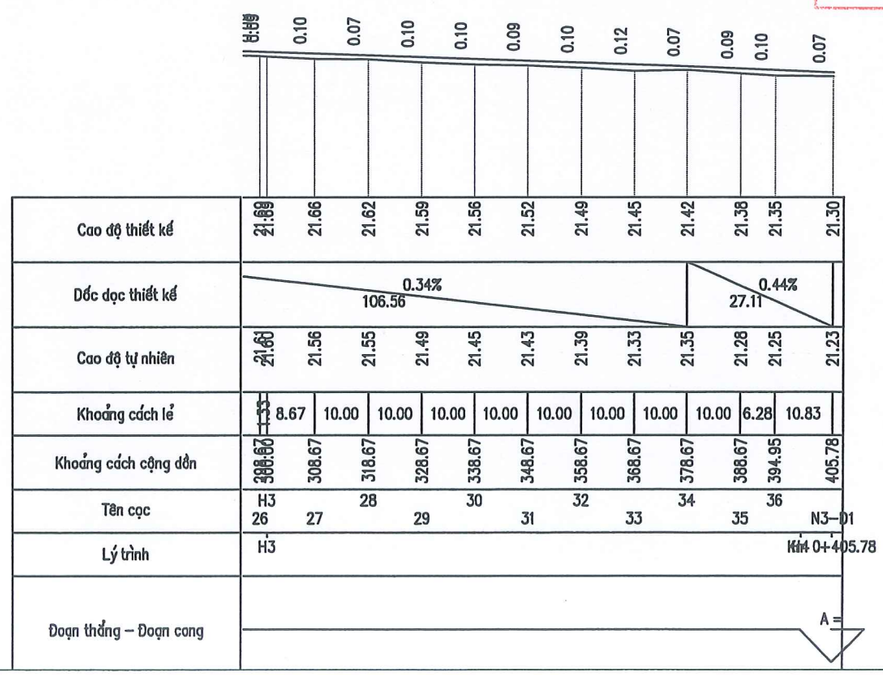
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 11C



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo Văn bản thẩm tra số...../CTTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:
KS. PHÙ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ
KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG
ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

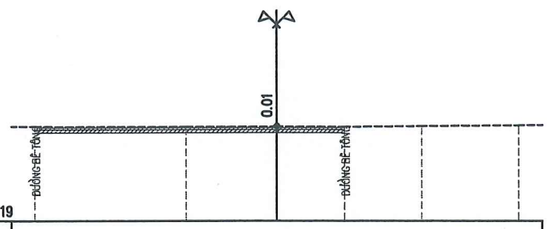
TÊN BẢN VẼ:
TRẮC DỌC TUYẾN D1

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
X: 1/1000 Y: 1/100	GT - 12

Cọc DTD1
Km 0 + 0.00

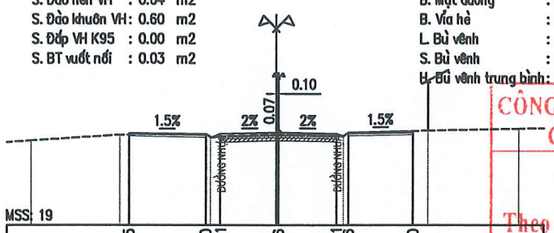


Cao độ thiết kế						
Khoảng cách lẻ thiết kế						
Cao độ tự nhiên	22.84	22.83	22.84	22.83	22.86	22.89
Khoảng cách mia	6.30	3.70	2.80	3.20	4.00	

Cọc 3
Km 0 + 8.67

S. Đào nền VH : 0.04 m2
S. Đào khuôn VH: 0.60 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 5.81 m
L. Bù vênh : 4.59 m
S. Bù vênh : 0.03 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

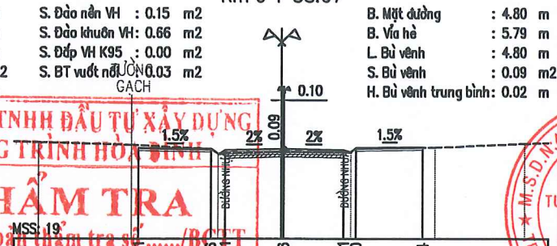


Cao độ thiết kế	22.75	22.70	22.71	22.76	22.71	22.76	22.80					
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.14	0.60	2.40	2.40	0.50	2.67					
Cao độ tự nhiên	22.45	22.68	22.70 / 22.52	22.69	22.64 / 22.70		22.85	22.92				
Khoảng cách mia	3.60	3.50	0.60	2.30	2.50	0.50	3.30	3.70				

Cọc 6
Km 0 + 38.67

S. Đào nền VH : 0.15 m2
S. Đào khuôn VH: 0.66 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 5.79 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.09 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

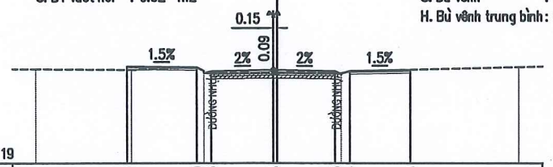


Cao độ thiết kế	22.92	22.82	22.71	22.66	22.64	22.66	22.61	22.70	22.74			
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.01	0.60	2.40	2.40	0.50	2.79					
Cao độ tự nhiên	22.92	22.82	22.66 / 22.51	22.57	22.54 / 22.70		22.72	22.87				
Khoảng cách mia	3.80	3.30	0.60	2.30	2.50	0.50	3.30	3.70				

Cọc 1
Km 0 + 1.82

S. Đào nền VH : 0.03 m2
S. Đào khuôn VH: 0.45 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 5.10 m
B. Vỉa hè : 5.39 m
L. Bù vênh : 4.96 m
S. Bù vênh : 0.05 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

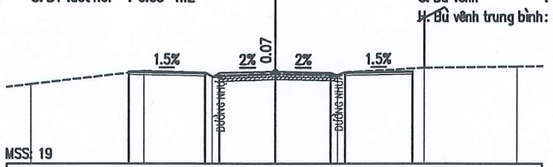


Cao độ thiết kế	22.83	22.80	22.89 / 22.73	22.78	22.73 / 22.74		22.78	22.91				
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.89	0.60	2.55	2.55	0.60	2.50					
Cao độ tự nhiên	22.83	22.80	22.89 / 22.68	22.69	22.66 / 22.74		22.91					
Khoảng cách mia	4.00	2.70	0.60	2.70	2.40	0.60	7.00					

Cọc 4
Km 0 + 18.67

S. Đào nền VH : 0.21 m2
S. Đào khuôn VH: 0.70 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 5.94 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.06 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

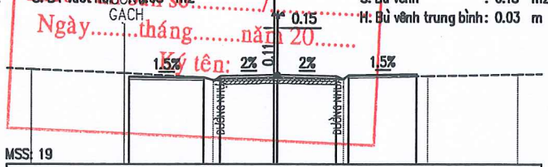


Cao độ thiết kế	22.74	22.69 / 22.68		22.73	22.68 / 22.71		22.75					
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.13	0.60	2.30	2.30	0.60	2.81					
Cao độ tự nhiên	22.23	22.76	22.60 / 22.57	22.65	22.61 / 22.71		22.90	22.95				
Khoảng cách mia	4.60	2.50	0.60	2.30	2.30	0.60	3.30	3.80				

Cọc 7
Km 0 + 48.67

S. Đào nền VH : 0.19 m2
S. Đào khuôn VH: 0.60 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 5.92 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.15 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m

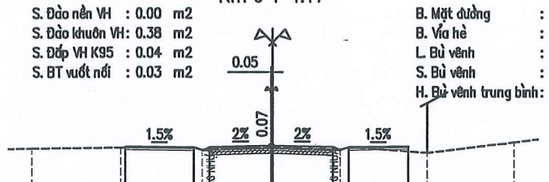


Cao độ thiết kế	22.57	22.52 / 22.58		22.62	22.58 / 22.62		22.66					
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.10	0.70	2.35	2.35	0.50	2.82					
Cao độ tự nhiên	22.66	22.70	22.52 / 22.40	22.52	22.48 / 22.62		22.58	22.65				
Khoảng cách mia	3.80	3.30	0.60	2.20	2.50	0.60	3.30	3.70				

Cọc 2
Km 0 + 4.17

S. Đào nền VH : 0.00 m2
S. Đào khuôn VH: 0.38 m2
S. Đắp VH K95 : 0.04 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 5.10 m
B. Vỉa hè : 5.30 m
L. Bù vênh : 5.10 m
S. Bù vênh : 0.06 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

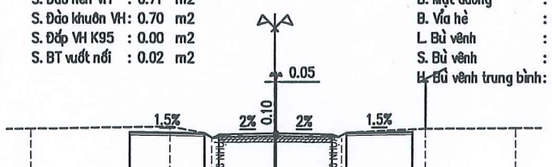


Cao độ thiết kế	22.75	22.71 / 22.72		22.77	22.72 / 22.72		22.75					
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.84	0.65	2.55	2.55	0.65	2.46					
Cao độ tự nhiên	22.67	22.71	22.71 / 22.64	22.70	22.62 / 22.72		22.50	22.93				
Khoảng cách mia	3.70	3.05	0.60	2.60	2.50	0.60	3.25	3.60				

Cọc 5
Km 0 + 28.67

S. Đào nền VH : 0.71 m2
S. Đào khuôn VH: 0.70 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 5.82 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.08 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

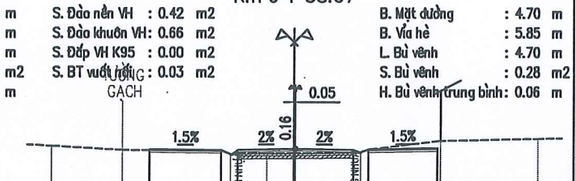


Cao độ thiết kế	22.75	22.70 / 22.65		22.69	22.65 / 22.72		22.76					
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.07	0.60	2.35	2.35	0.60	2.75					
Cao độ tự nhiên	22.89	22.98	22.70 / 22.57	22.59	22.57 / 22.72		22.89	22.92				
Khoảng cách mia	5.70	1.40	0.60	2.30	2.40	0.60	3.30	3.70				

Cọc 8
Km 0 + 58.67

S. Đào nền VH : 0.42 m2
S. Đào khuôn VH: 0.66 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 5.85 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.28 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.06 m



Cao độ thiết kế	22.57	22.53 / 22.54		22.59	22.54 / 22.57		22.61					
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.99	0.70	2.35	2.35	0.60	2.86					
Cao độ tự nhiên	22.77	22.61	22.58 / 22.47	22.49	22.49	22.53 / 22.63	22.98	23.07				
Khoảng cách mia	2.90	4.10	0.60	3.20	1.10	2.40	3.00	4.00				

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:
KS. PHÙ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ
KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG
ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TUYẾN D1

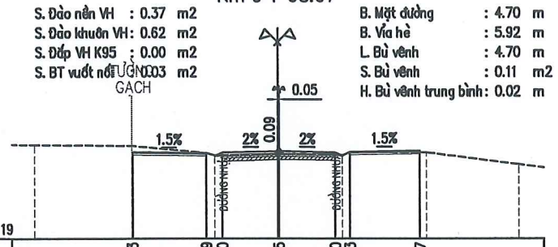
BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/200	GT - 13A

Cọc 9
Km 0 + 68.67

S. Đào nền VH : 0.37 m2
S. Đào khuôn VH: 0.62 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 5.92 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.11 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

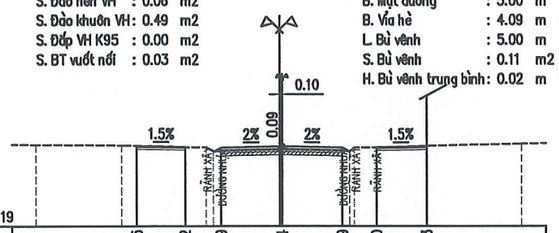


| | | |

Cọc D1
Km 0 + 151.58

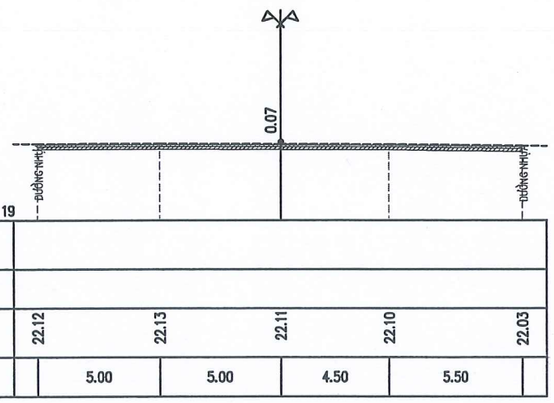
S. Đào nền VH : 0.06 m2
S. Đào khuôn VH: 0.49 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 5.00 m
B. Vỉa hè : 4.09 m
L. Bù vênh : 5.00 m
S. Bù vênh : 0.11 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m



Cao độ thiết kế	22.25	22.22	22.19	22.24	22.19	22.20	22.23	
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.99	1.50	2.50	2.50	1.40	2.10	
Cao độ tự nhiên	22.32	22.29	22.22	22.15	22.20	22.27	22.35	
Khoảng cách mia	3.50	2.60	0.90	2.40	2.60	0.90	2.10	3.90

Cọc N1–Đ1
Km 0 + 162.03

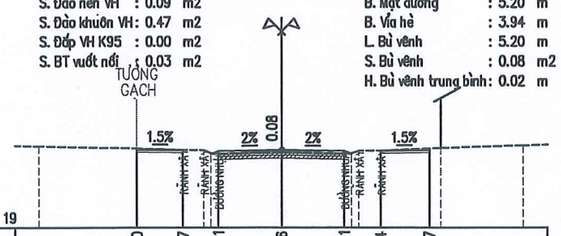


Cao độ thiết kế					
Khoảng cách lẻ thiết kế					
Cao độ tự nhiên	22.12	22.13	22.11	22.10	22.03
Khoảng cách mia	5.00	5.00	4.50	5.50	

Cọc D2
Km 0 + 172.78

S. Đào nền VH : 0.09 m2
S. Đào khuôn VH: 0.47 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 5.20 m
B. Vỉa hè : 3.94 m
L. Bù vênh : 5.20 m
S. Bù vênh : 0.08 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

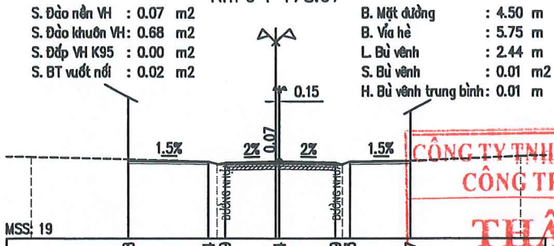


Cao độ thiết kế	22.20	22.17	22.11	22.16	22.11	22.14	22.17	
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.90	1.50	2.60	2.60	1.50	2.04	
Cao độ tự nhiên	22.32	22.23	22.17	22.08	22.15	22.25	22.35	
Khoảng cách mia	4.00	1.90	0.90	2.60	2.60	0.90	2.50	3.40

Cọc 18
Km 0 + 178.67

S. Đào nền VH : 0.07 m2
S. Đào khuôn VH: 0.68 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.50 m
B. Vỉa hè : 5.75 m
L. Bù vênh : 2.44 m
S. Bù vênh : 0.01 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

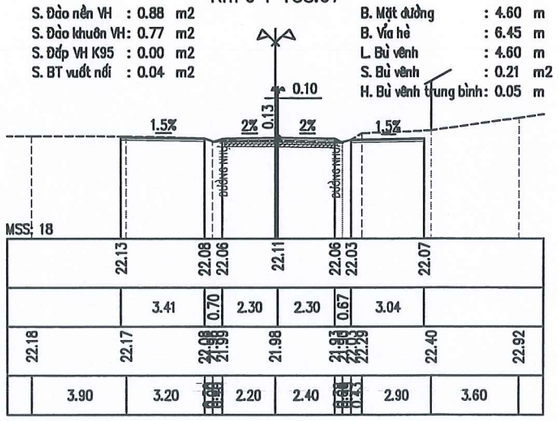


Cao độ thiết kế	22.18	22.14	22.09	22.14	22.09	22.13	22.17	
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.25	0.65	2.25	2.25	0.60	2.50	
Cao độ tự nhiên	22.32	22.23	22.14	22.07	22.02	22.16	22.35	
Khoảng cách mia	4.00	3.25	0.90	2.10	2.40	0.90	2.50	4.50

Cọc 19
Km 0 + 188.67

S. Đào nền VH : 0.88 m2
S. Đào khuôn VH: 0.77 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.04 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 6.45 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.21 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.05 m

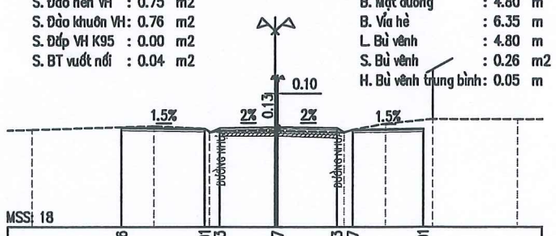


Cao độ thiết kế	22.13	22.08	22.06	22.11	22.06	22.03	22.07	
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.41	0.70	2.30	2.30	0.67	3.04	
Cao độ tự nhiên	22.18	22.17	22.08	21.98	21.93	22.40	22.92	
Khoảng cách mia	3.90	3.20	0.90	2.20	2.40	0.43	2.90	3.60

Cọc 20
Km 0 + 198.67

S. Đào nền VH : 0.75 m2
S. Đào khuôn VH: 0.76 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.04 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 6.35 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.26 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.05 m

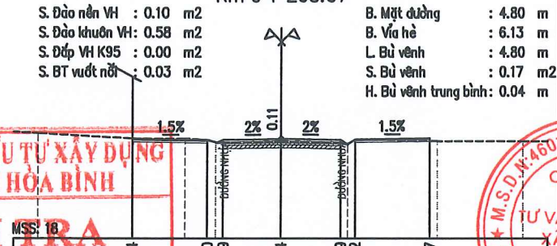


Cao độ thiết kế	22.06	22.01	22.03	22.07	22.03	21.97	22.01	
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.40	0.60	2.40	2.40	0.65	2.95	
Cao độ tự nhiên	21.97	22.11	21.95	21.87	21.97	22.22	22.40	22.40
Khoảng cách mia	5.00	2.10	0.90	2.30	2.50	0.90	1.35	2.00	3.50

Cọc 21
Km 0 + 208.67

S. Đào nền VH : 0.10 m2
S. Đào khuôn VH: 0.58 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 6.13 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.17 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.04 m

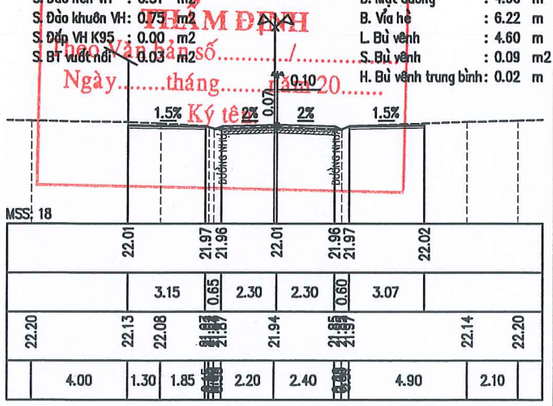


Cao độ thiết kế	22.04	22.00	21.99	22.04	21.99	22.02	22.07	
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.05	0.65	2.40	2.40	0.60	3.08	
Cao độ tự nhiên	22.28	22.06	21.93	21.88	21.96	21.96		
Khoảng cách mia	3.90	2.10	0.95	2.40	2.40	0.90	3.40	3.60

Cọc 22
Km 0 + 218.67

S. Đào nền VH : 0.31 m2
S. Đào khuôn VH: 0.75 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 6.22 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.09 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

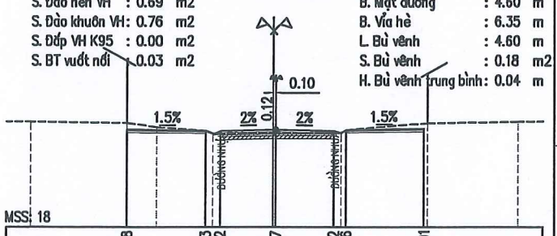


Cao độ thiết kế	22.01	21.97	21.96	22.01	21.96	21.97	22.02	
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.15	0.65	2.30	2.30	0.60	3.07	
Cao độ tự nhiên	22.20	22.13	22.08	21.94	21.97	22.14	22.20	
Khoảng cách mia	4.00	1.30	1.85	2.20	2.40	0.90	4.90	2.10

Cọc 23
Km 0 + 228.67

S. Đào nền VH : 0.69 m2
S. Đào khuôn VH: 0.76 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 6.35 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.18 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.04 m



Cao độ thiết kế	21.98	21.93	21.92	21.97	21.92	21.96	22.01	
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.20	0.60	2.30	2.30	0.50	3.15	
Cao độ tự nhiên	22.30	22.25	22.07	21.84	21.88	22.24	22.30	
Khoảng cách mia	4.00	1.20	2.00	2.20	2.40	0.90	3.30	3.80

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....12/ 20.....
Ký tên:

TVXDLK
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:
M.S.D.N: 4601602126-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI
TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ
KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG
ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TUYẾN D1

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

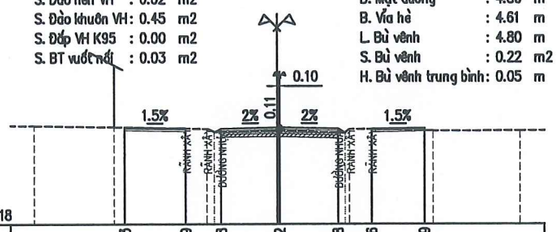
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/200	GT - 13C

Cọc 24
Km 0 + 238.67

S. Đào nền VH : 0.02 m2
S. Đào khuôn VH: 0.45 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 4.61 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.22 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.05 m

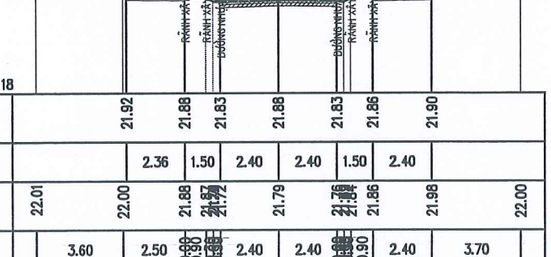


Cao độ thiết kế		21.93	21.89	21.86	21.92	21.88	21.86	21.89		
Khoảng cách lẻ thiết kế			2.47	1.50	2.40	2.40	1.40	2.14		
Cao độ tự nhiên	22.00	21.95	21.89	21.81	21.81	21.74	21.86	21.79	21.80	
Khoảng cách mia		3.30	2.90	0.90	2.30	2.50	0.90	2.50	3.60	

Cọc 25
Km 0 + 248.67

S. Đào nền VH : 0.19 m2
S. Đào khuôn VH: 0.57 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 4.76 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.10 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

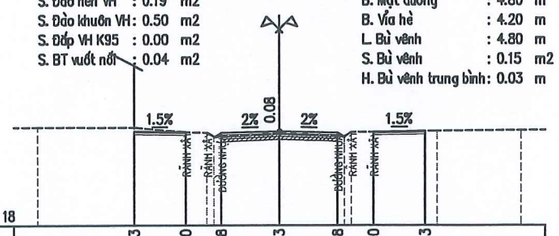


Cao độ thiết kế		21.92	21.88	21.83	21.88	21.83	21.86	21.90		
Khoảng cách lẻ thiết kế			2.36	1.50	2.40	2.40	1.50	2.40		
Cao độ tự nhiên	22.01	22.00	21.88	21.79	21.79	21.72	21.86	21.98	22.00	
Khoảng cách mia		3.60	2.50	0.90	2.40	2.40	0.90	2.40	3.70	

Cọc D3
Km 0 + 261.65

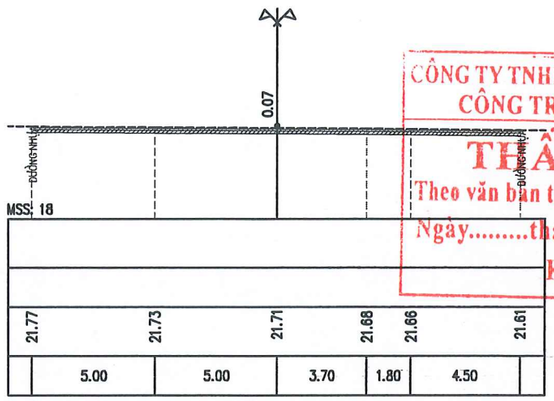
S. Đào nền VH : 0.19 m2
S. Đào khuôn VH: 0.50 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.04 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 4.20 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.15 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m



Cao độ thiết kế		21.83	21.80	21.78	21.83	21.78	21.80	21.83		
Khoảng cách lẻ thiết kế			2.10	1.50	2.40	2.40	1.50	2.10		
Cao độ tự nhiên	22.01	22.00	21.80	21.78	21.75	21.66	21.80	21.86	21.89	
Khoảng cách mia		4.00	2.10	0.90	2.40	2.40	0.90	2.60	3.50	

Cọc N2–D1
Km 0 + 272.11

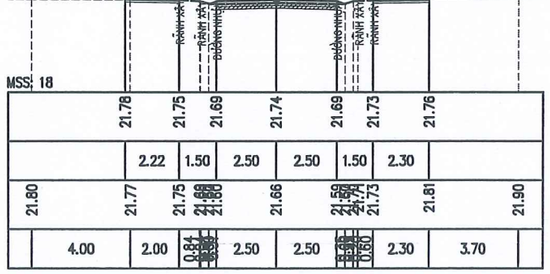


Cao độ thiết kế		21.72				
Khoảng cách lẻ thiết kế						
Cao độ tự nhiên	21.77	21.73	21.71	21.68	21.66	21.61
Khoảng cách mia		5.00	5.00	3.70	1.80	4.50

Cọc D4
Km 0 + 282.60

S. Đào nền VH : 0.05 m2
S. Đào khuôn VH: 0.53 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 5.00 m
B. Vỉa hè : 4.52 m
L. Bù vênh : 5.00 m
S. Bù vênh : 0.12 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

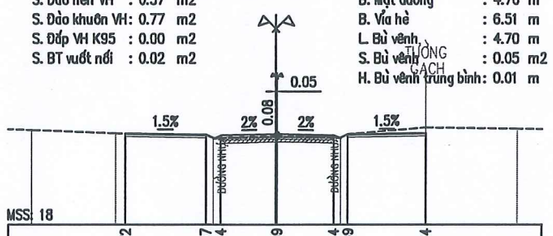


Cao độ thiết kế		21.78	21.75	21.69	21.74	21.69	21.73	21.76		
Khoảng cách lẻ thiết kế			2.22	1.50	2.50	2.50	1.50	2.30		
Cao độ tự nhiên	21.80	21.77	21.75	21.66	21.66	21.59	21.73	21.81	21.90	
Khoảng cách mia		4.00	2.00	0.84	2.50	2.50	0.60	2.30	3.70	

Cọc 26
Km 0 + 298.67

S. Đào nền VH : 0.37 m2
S. Đào khuôn VH: 0.77 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 6.51 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.05 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

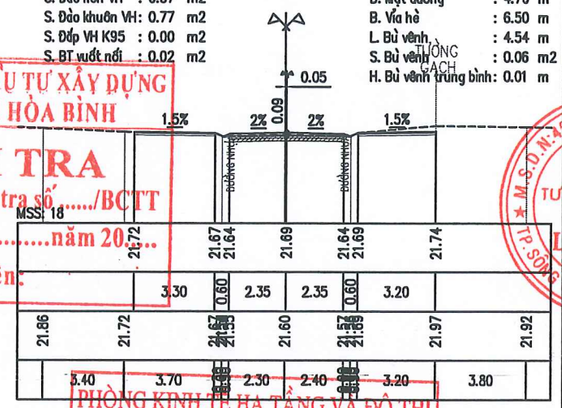


Cao độ thiết kế		21.72	21.67	21.64	21.69	21.64	21.69	21.74		
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.31	0.60	2.35	2.35	0.60	3.20		
Cao độ tự nhiên	21.86	21.72	21.67	21.61	21.61	21.57	21.97	21.92		
Khoảng cách mia		3.40	3.70	0.90	2.30	2.40	0.90	3.20	3.80	

Cọc H3
Km 0 + 300.00

S. Đào nền VH : 0.37 m2
S. Đào khuôn VH: 0.77 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 6.50 m
L. Bù vênh : 4.54 m
S. Bù vênh : 0.06 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

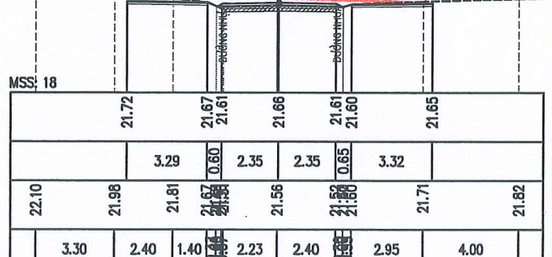


Cao độ thiết kế		21.72	21.67	21.64	21.69	21.64	21.69	21.74		
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.30	0.60	2.35	2.35	0.60	3.20		
Cao độ tự nhiên	21.86	21.72	21.67	21.55	21.60	21.57	21.97	21.92		
Khoảng cách mia		3.40	3.70	0.90	2.30	2.40	0.90	3.20	3.80	

Cọc 27
Km 0 + 308.67

S. Đào nền VH : 0.54 m2
S. Đào khuôn VH: 0.79 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 6.61 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.12 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m

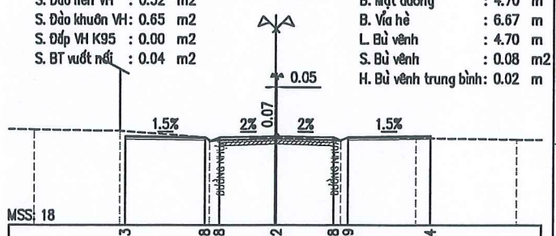


Cao độ thiết kế		21.72	21.67	21.61	21.66	21.61	21.60	21.65		
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.29	0.60	2.35	2.35	0.65	3.32		
Cao độ tự nhiên	22.10	21.98	21.81	21.67	21.56	21.60	21.71	21.82		
Khoảng cách mia		3.30	2.40	1.40	0.90	2.40	0.90	2.95	4.00	

Cọc 28
Km 0 + 318.67

S. Đào nền VH : 0.32 m2
S. Đào khuôn VH: 0.65 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.04 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 6.67 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.08 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m



Cao độ thiết kế		21.63	21.58	21.58	21.62	21.58	21.59	21.64		
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.28	0.60	2.35	2.35	0.60	3.38		
Cao độ tự nhiên	21.90	21.84	21.77	21.58	21.55	21.59	21.56	21.50		
Khoảng cách mia		3.60	3.50	0.90	2.30	2.40	0.90	2.80	4.20	

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20..
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20..
Ký tên

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:
KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ
KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG
ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TUYẾN D1

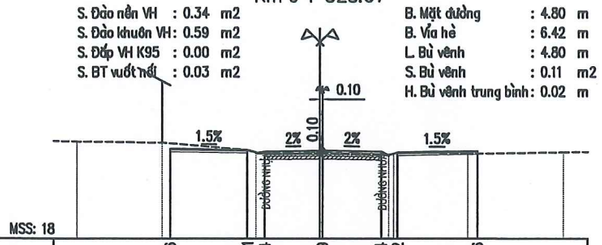
BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/200	GT - 13D

Cọc 29
Km 0 + 328.67

S. Đào nền VH : 0.34 m2
S. Đào khuôn VH: 0.59 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 6.42 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.11 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

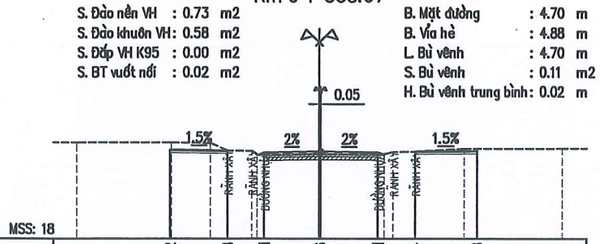


Cao độ thiết kế		21.66	21.61	21.54	21.59	21.54	21.52	21.56	
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.17	0.70	2.40	2.40	0.65	3.25		
Cao độ tự nhiên	21.95	21.90	21.61 / 21.57		21.49	21.44 / 21.32		21.46	21.52
Khoảng cách mia	3.50	3.50	0.00 / 0.70 / 2.00	2.30	2.50	0.00 / 0.65 / 2.00	2.85	4.00	

Cọc 30
Km 0 + 338.67

S. Đào nền VH : 0.73 m2
S. Đào khuôn VH: 0.58 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 4.88 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.11 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

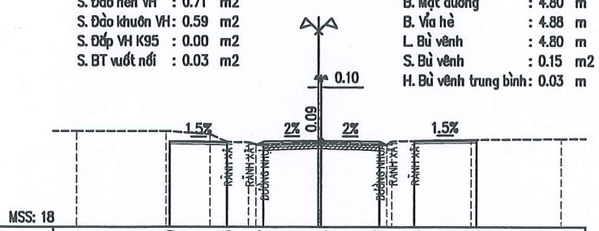


Cao độ thiết kế		21.62	21.58	21.51	21.56	21.51	21.54	21.58	
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.36	1.50	2.35	2.35	1.50	2.51		
Cao độ tự nhiên	21.92	21.92	21.89 / 21.58 / 21.57		21.45	21.43 / 21.33		21.66	21.67
Khoảng cách mia	3.90	1.60	0.70 / 2.00	2.30	2.40	0.00 / 0.90 / 0.88	2.00	4.10	

Cọc 31
Km 0 + 348.67

S. Đào nền VH : 0.71 m2
S. Đào khuôn VH: 0.59 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 4.88 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.15 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m

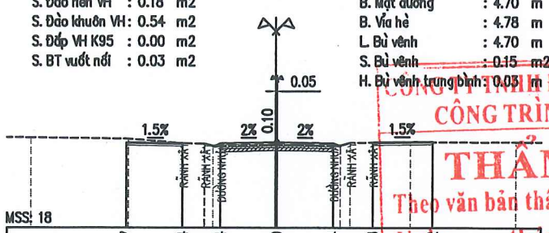


Cao độ thiết kế		21.50	21.46	21.47	21.52	21.47	21.52	21.56	
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.35	1.50	2.40	2.40	1.40	2.53		
Cao độ tự nhiên	21.92	21.92	21.77 / 21.46 / 21.45		21.43	21.36 / 21.34	21.52	21.57	21.60
Khoảng cách mia	3.70	1.80	0.70 / 0.90 / 2.00	2.30	2.50	0.00 / 0.90 / 0.88	2.30	3.80	

Cọc 32
Km 0 + 358.67

S. Đào nền VH : 0.18 m2
S. Đào khuôn VH: 0.54 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 4.78 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.15 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m

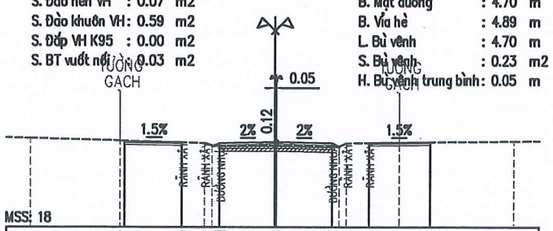


Cao độ thiết kế		21.47	21.44	21.44	21.49	21.44	21.48	21.52	
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.28	1.51	2.35	2.35	1.60	2.50		
Cao độ tự nhiên	21.67	21.62	21.44 / 21.43 / 21.32		21.39	21.35 / 21.27	21.48	21.49	21.50
Khoảng cách mia	4.00	2.19	0.00 / 0.90 / 0.88	2.30	2.40	0.00 / 0.90 / 0.88	1.60	4.40	

Cọc 33
Km 0 + 368.67

S. Đào nền VH : 0.07 m2
S. Đào khuôn VH: 0.59 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 4.89 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.23 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.05 m

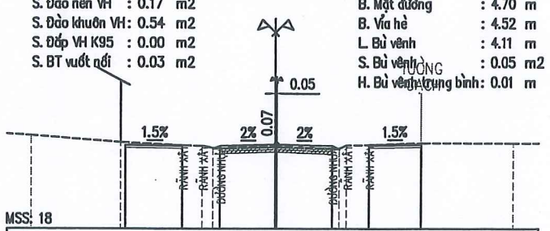


Cao độ thiết kế		21.47	21.43	21.41	21.45	21.41	21.42	21.46	
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.33	1.50	2.35	2.35	1.50	2.56		
Cao độ tự nhiên	21.62	21.52	21.43 / 21.42 / 21.31		21.33	21.28 / 21.41	21.45		21.50
Khoảng cách mia	3.70	2.50	0.00 / 0.90 / 0.88	2.30	2.40	0.00 / 0.90 / 0.88	1.30	4.80	

Cọc 34
Km 0 + 378.67

S. Đào nền VH : 0.17 m2
S. Đào khuôn VH: 0.54 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 4.52 m
L. Bù vênh : 4.11 m
S. Bù vênh : 0.05 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

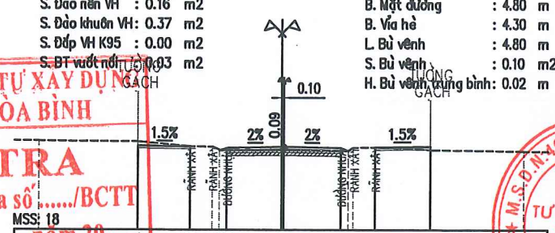


Cao độ thiết kế		21.42	21.39	21.37	21.42	21.37	21.41	21.45	
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.32	1.50	2.35	2.35	1.50	2.20		
Cao độ tự nhiên	21.80	21.53	21.39 / 21.38 / 21.29		21.35	21.27 / 21.40	21.41	21.50	21.50
Khoảng cách mia	3.70	2.50	0.80 / 0.00 / 0.90 / 0.88	2.30	2.40	0.00 / 0.90 / 0.88	2.20	3.90	

Cọc 35
Km 0 + 388.67

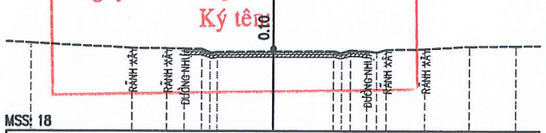
S. Đào nền VH : 0.16 m2
S. Đào khuôn VH: 0.37 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 4.30 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.10 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m



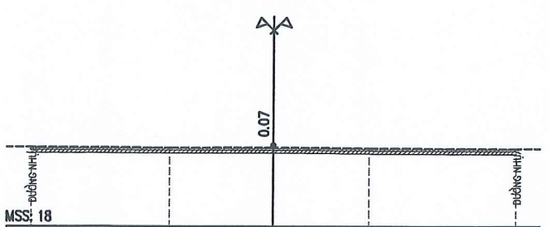
Cao độ thiết kế		21.44	21.40	21.33	21.36	21.33	21.36	21.40	
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.10	1.50	2.40	2.40	1.40	2.20		
Cao độ tự nhiên	21.62	21.59	21.40 / 21.38 / 21.33		21.28	21.23 / 21.39	21.36	21.26	21.21
Khoảng cách mia	4.10	2.10	0.00 / 0.90 / 0.88	2.30	2.50	0.00 / 0.90 / 0.88	2.20	3.90	

Cọc 36
Km 0 + 394.95



Cao độ thiết kế									
Khoảng cách lẻ thiết kế									
Cao độ tự nhiên	21.58	21.37	21.36 / 21.35 / 21.22		21.25	21.26 / 21.25 / 21.31	21.34	21.45	21.47
Khoảng cách mia	4.20	1.40	0.70 / 0.71 / 0.00	2.34	2.56	0.00 / 0.69 / 0.71 / 0.88	1.50 / 0.90	1.80	2.00

Cọc N3–D1
Km 0 + 405.78



Cao độ thiết kế				
Khoảng cách lẻ thiết kế				
Cao độ tự nhiên	21.24	21.22	21.23	21.20	21.18
Khoảng cách mia	5.70	4.30	4.00	6.00	

CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TVXDLK
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:
KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ
KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

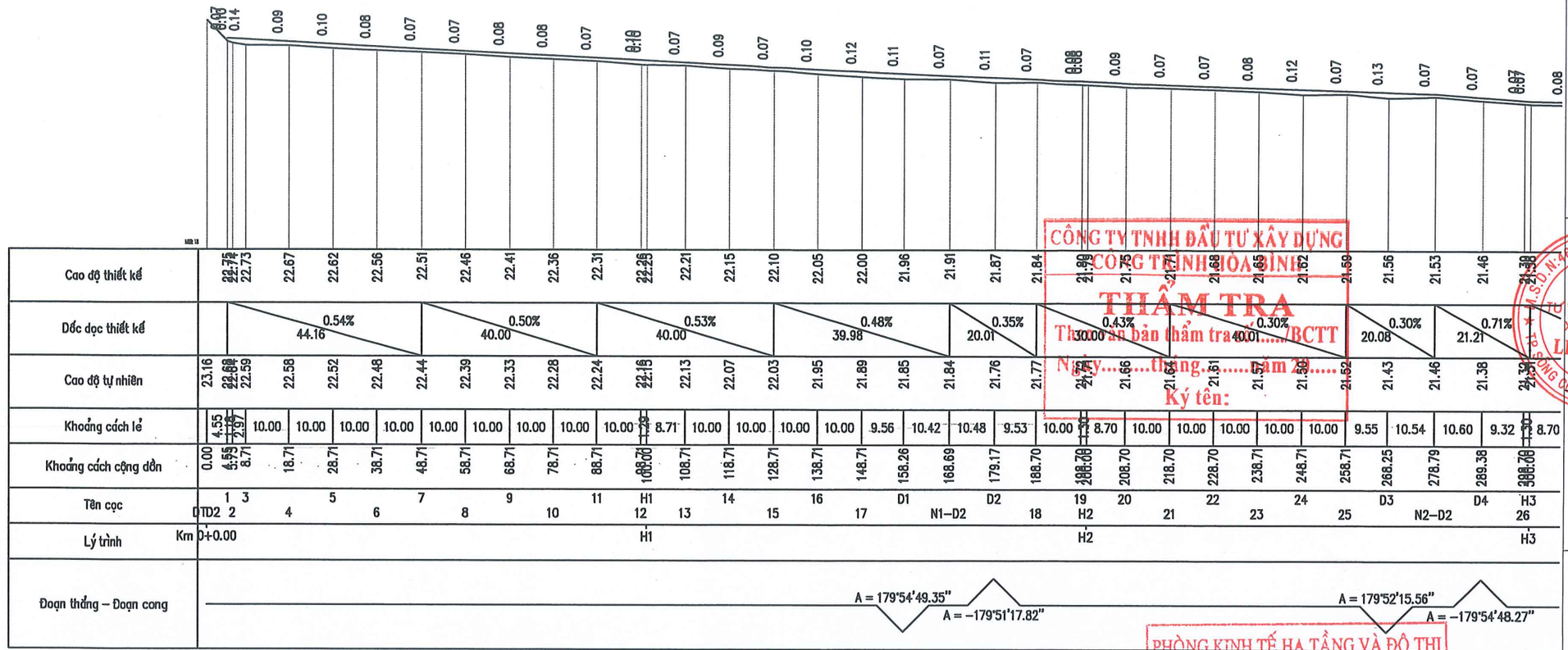
CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG
ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

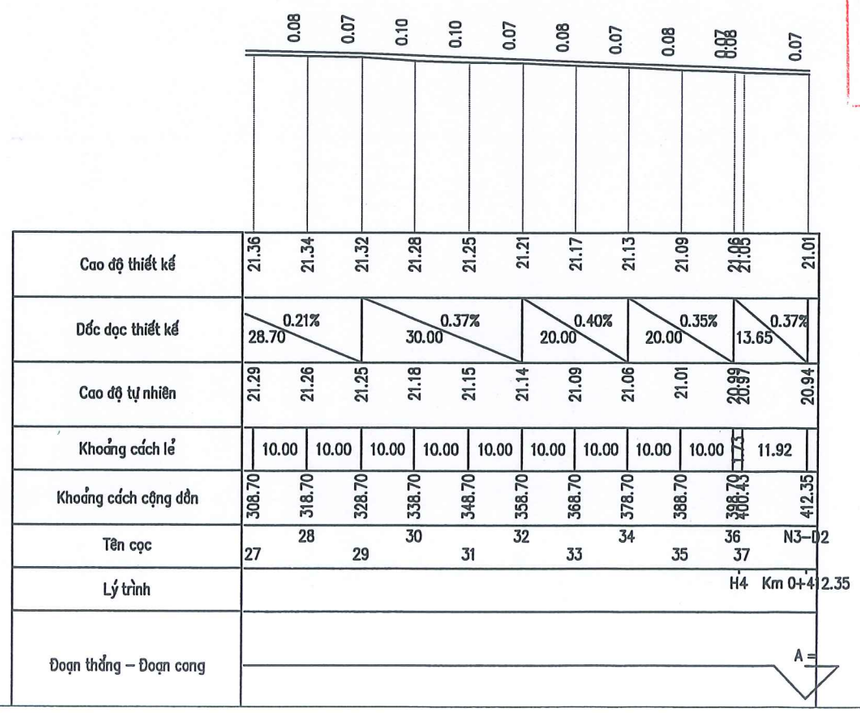
CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TUYẾN D1

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/200	GT - 13E





CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo Văn bản thẩm tra số...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÙ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:

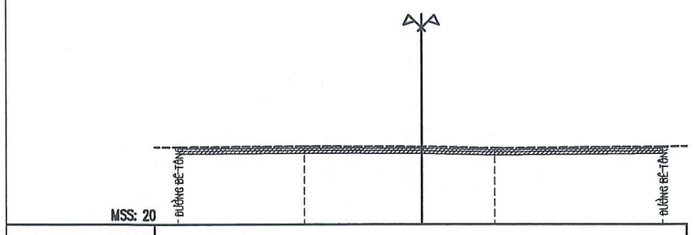
TRẮC DỌC TUYẾN D2

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
X: 1/1000 Y: 1/100	GT - 14

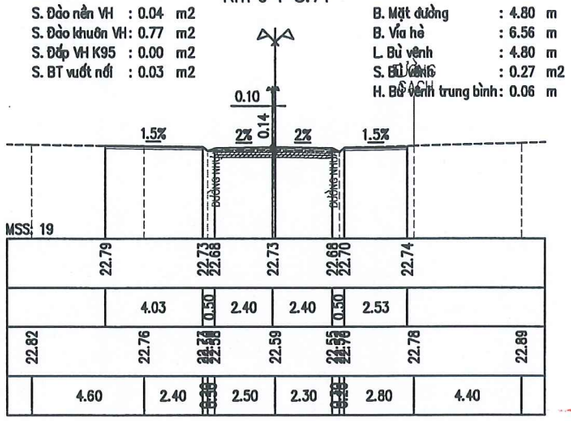
Cọc DTD2
Km 0 + 0.00



Cọc 3
Km 0 + 8.71

S. Đào nền VH : 0.04 m2
S. Đào khuôn VH: 0.77 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

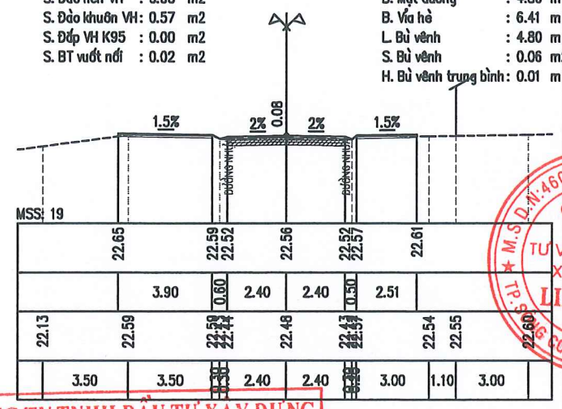
B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 6.56 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.27 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.06 m



Cọc 6
Km 0 + 38.71

S. Đào nền VH : 0.00 m2
S. Đào khuôn VH: 0.57 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

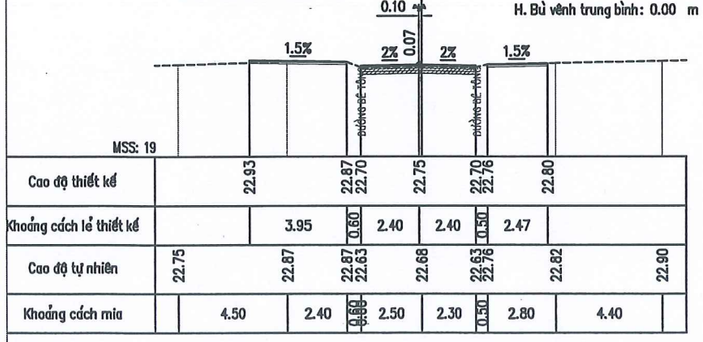
B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 6.41 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.06 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m



Cọc 1
Km 0 + 4.55

S. Đào nền VH : 0.02 m2
S. Đào khuôn VH: 0.62 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.00 m2

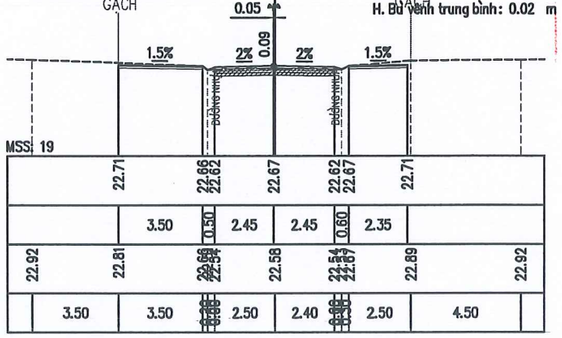
B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 6.42 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.01 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.00 m



Cọc 4
Km 0 + 18.71

S. Đào nền VH : 0.37 m2
S. Đào khuôn VH: 0.70 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.90 m
B. Vỉa hè : 5.85 m
L. Bù vênh : 4.90 m
S. Bù vênh : 0.10 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m



Cọc 7
Km 0 + 48.71

S. Đào nền VH : 0.57 m2
S. Đào khuôn VH: 0.75 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

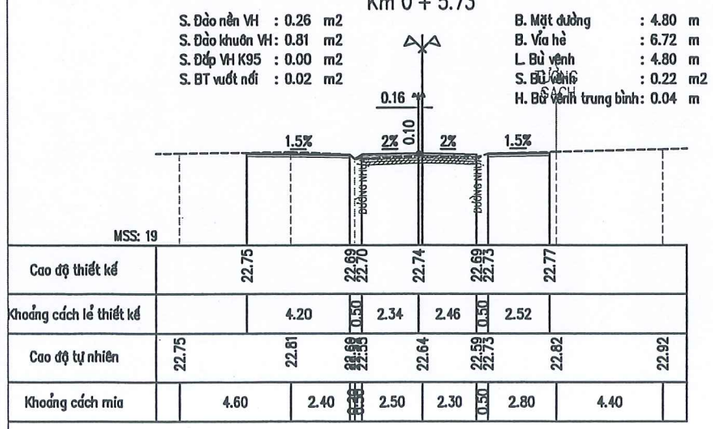
B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 6.29 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.05 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m



Cọc 2
Km 0 + 5.73

S. Đào nền VH : 0.26 m2
S. Đào khuôn VH: 0.81 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

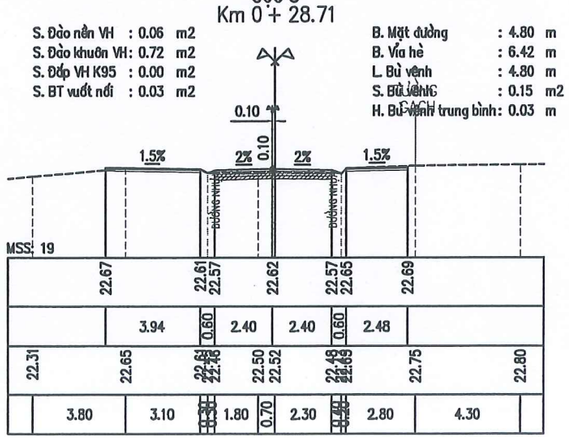
B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 6.72 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.22 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.04 m



Cọc 5
Km 0 + 28.71

S. Đào nền VH : 0.06 m2
S. Đào khuôn VH: 0.72 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

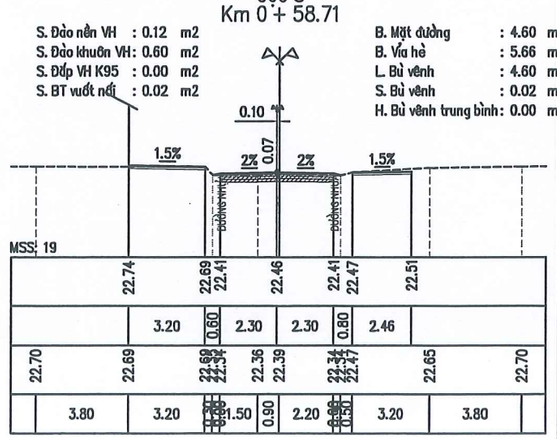
B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 6.42 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.15 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m



Cọc 8
Km 0 + 58.71

S. Đào nền VH : 0.12 m2
S. Đào khuôn VH: 0.60 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 5.66 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.02 m
H. Bù vênh trung bình: 0.00 m



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản số 1...../BCTT
Ngày..... PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
Ký tên: THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

M.S.D.N: 4601602126-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI
TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TUYẾN D2

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

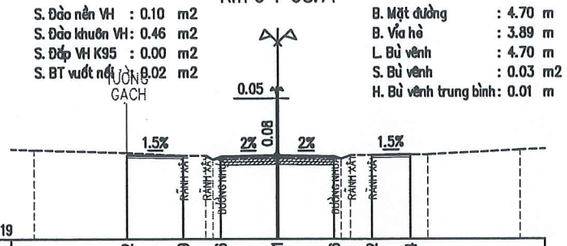
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/200	GT - 15A

Cọc 9
Km 0 + 68.71

S. Đào nền VH : 0.10 m2
S. Đào khuôn VH: 0.46 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 3.89 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.03 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

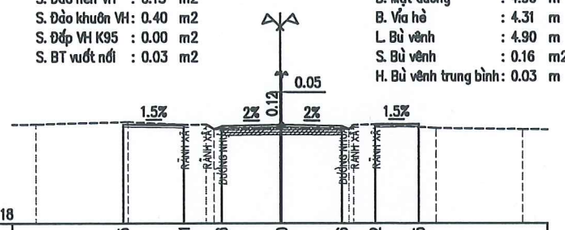


| | | |

Cọc 17
Km 0 + 148.71

S. Đào nền VH : 0.13 m2
S. Đào khuôn VH: 0.40 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.90 m
B. Vỉa hè : 4.31 m
L. Bù vênh : 4.90 m
S. Bù vênh : 0.16 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m

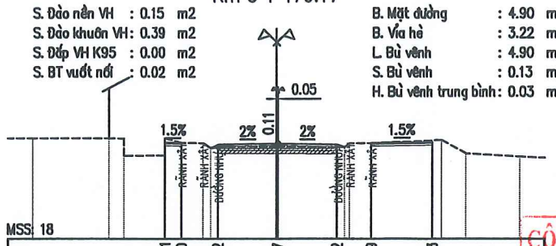


Cao độ thiết kế	22.05	22.01	21.96	22.00	21.96	22.02	22.05		
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.51	1.50	2.45	2.45	1.40	1.80		
Cao độ tự nhiên	22.04	22.14	22.01	21.89	22.02	21.87	21.83		
Khoảng cách mia	3.80	2.30	0.90	2.40	2.50	2.50	3.60		

Cọc D2
Km 0 + 179.17

S. Đào nền VH : 0.15 m2
S. Đào khuôn VH: 0.39 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.90 m
B. Vỉa hè : 3.22 m
L. Bù vênh : 4.90 m
S. Bù vênh : 0.13 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m

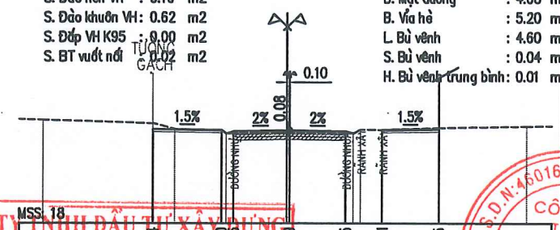


Cao độ thiết kế	21.91	21.90	21.82	21.87	21.82	21.89	21.93		
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.70	1.50	2.45	2.45	1.40	2.52			
Cao độ tự nhiên	22.10	22.10	21.90	21.76	21.89	22.01	21.47	21.35	
Khoảng cách mia	3.10	1.70	0.90	2.40	2.50	2.90	1.00	2.20	

Cọc H2
Km 0 + 200.00

S. Đào nền VH : 0.16 m2
S. Đào khuôn VH: 0.62 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 5.20 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.04 m
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

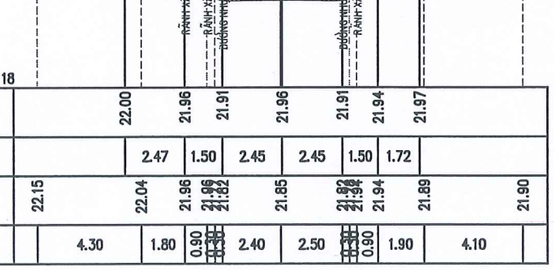


Cao độ thiết kế	21.84	21.79	21.75	21.81	21.85				
Khoảng cách lẻ thiết kế	2.80	0.30	2.30	2.30	1.50	2.40			
Cao độ tự nhiên	22.07	21.83	21.87	21.71	21.67	21.82	21.81	21.89	21.95
Khoảng cách mia	4.50	0.90	2.20	2.40	0.90	2.40	3.70		

Cọc D1
Km 0 + 158.26

S. Đào nền VH : 0.09 m2
S. Đào khuôn VH: 0.44 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.90 m
B. Vỉa hè : 4.19 m
L. Bù vênh : 4.90 m
S. Bù vênh : 0.16 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m

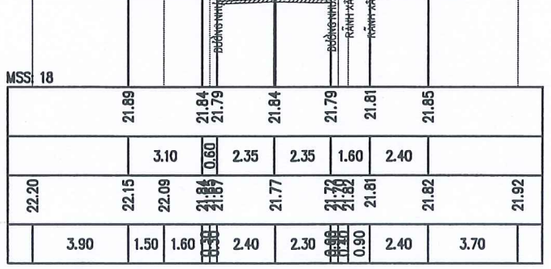


Cao độ thiết kế	22.00	21.96	21.91	21.96	21.91	21.94	21.97		
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.47	1.50	2.45	2.45	1.50	1.72		
Cao độ tự nhiên	22.15	22.04	21.96	21.85	21.94	21.89	21.90		
Khoảng cách mia	4.30	1.80	0.90	2.40	2.50	0.90	1.90	4.10	

Cọc 18
Km 0 + 188.70

S. Đào nền VH : 0.55 m2
S. Đào khuôn VH: 0.63 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 5.50 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.07 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

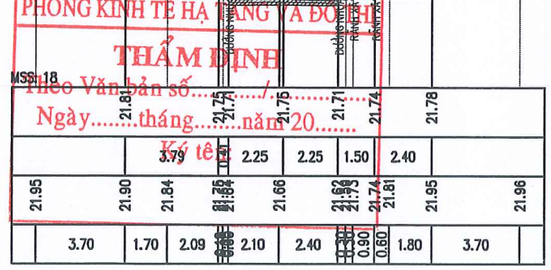


Cao độ thiết kế	21.89	21.84	21.79	21.84	21.79	21.81	21.85		
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.10	0.60	2.35	2.35	1.60	2.40		
Cao độ tự nhiên	22.20	22.15	22.09	21.77	21.82	21.82	21.92		
Khoảng cách mia	3.90	1.50	1.60	2.40	2.30	0.90	2.40	3.70	

Cọc 20
Km 0 + 208.70

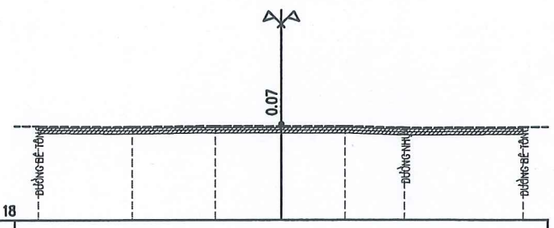
S. Đào nền VH : 0.41 m2
S. Đào khuôn VH: 0.74 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.50 m
B. Vỉa hè : 6.19 m
L. Bù vênh : 4.50 m
S. Bù vênh : 0.07 m
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m



Cao độ thiết kế	21.81	21.75	21.71	21.74	21.78				
Khoảng cách lẻ thiết kế	3.79	0.21	2.25	2.25	1.50	2.40			
Cao độ tự nhiên	21.95	21.90	21.84	21.66	21.81	21.95	21.96		
Khoảng cách mia	3.70	1.70	2.09	2.10	2.40	0.90	0.60	1.80	3.70

Cọc N1–D2
Km 0 + 168.69

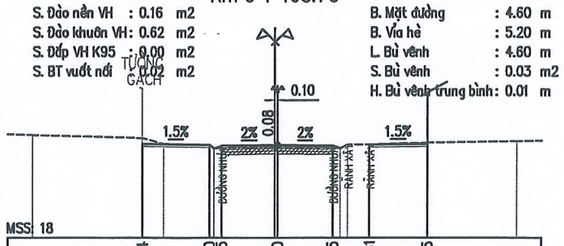


Cao độ thiết kế							
Khoảng cách lẻ thiết kế							
Cao độ tự nhiên	21.84	21.81	21.85	21.84	21.84	21.76	21.79
Khoảng cách mia	3.90	3.40	2.70	2.60	2.50	4.90	

Cọc 19
Km 0 + 198.70

S. Đào nền VH : 0.16 m2
S. Đào khuôn VH: 0.62 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 5.20 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.03 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

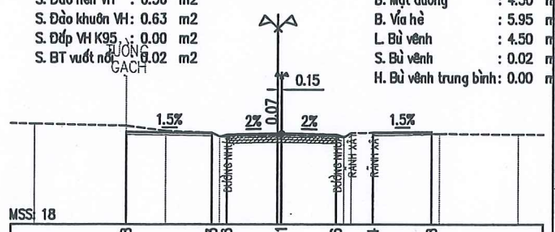


Cao độ thiết kế	21.84	21.80	21.75	21.80	21.75	21.81	21.85		
Khoảng cách lẻ thiết kế	2.80	0.50	2.30	2.30	1.50	2.40			
Cao độ tự nhiên	22.20	22.07	21.83	21.87	21.72	21.82	21.81	21.89	21.95
Khoảng cách mia	4.50	0.90	1.90	2.20	2.40	0.90	2.40	3.70	

Cọc 21
Km 0 + 218.70

S. Đào nền VH : 0.30 m2
S. Đào khuôn VH: 0.63 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.50 m
B. Vỉa hè : 5.95 m
L. Bù vênh : 4.50 m
S. Bù vênh : 0.02 m
H. Bù vênh trung bình: 0.00 m



Cao độ thiết kế	21.78	21.73	21.66	21.71	21.66	21.74	21.78		
Khoảng cách lẻ thiết kế	3.49	0.61	2.25	2.25	1.50	2.47			
Cao độ tự nhiên	22.10	22.02	21.82	21.64	21.74	21.70	21.68		
Khoảng cách mia	3.80	1.60	1.89	2.10	2.40	0.90	2.80	3.30	

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...../CTTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TUYẾN D2

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

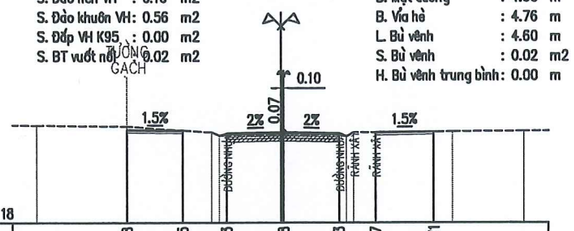
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/200	GT - 15C

Cọc 22
Km 0 + 228.70

S. Đào nền VH : 0.16 m2
S. Đào khuôn VH: 0.56 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 4.76 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.02 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.00 m

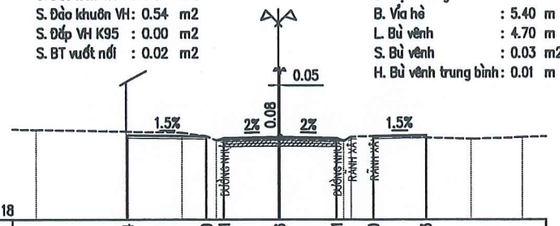


| | | |

Cọc 27
Km 0 + 308.70

S. Đào nền VH : 0.36 m2
S. Đào khuôn VH: 0.54 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.70 m
B. Vỉa hè : 5.40 m
L. Bù vênh : 4.70 m
S. Bù vênh : 0.03 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

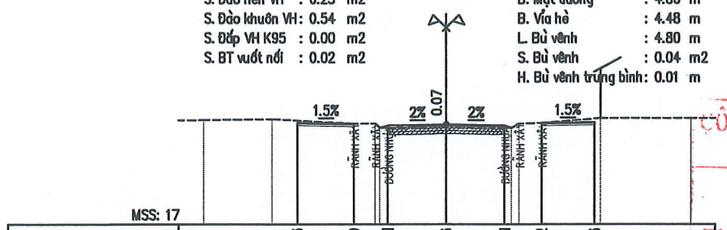


| | | |

Cọc 36
Km 0 + 398.70

S. Đào nền VH : 0.25 m2
S. Đào khuôn VH: 0.54 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 4.48 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.04 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m



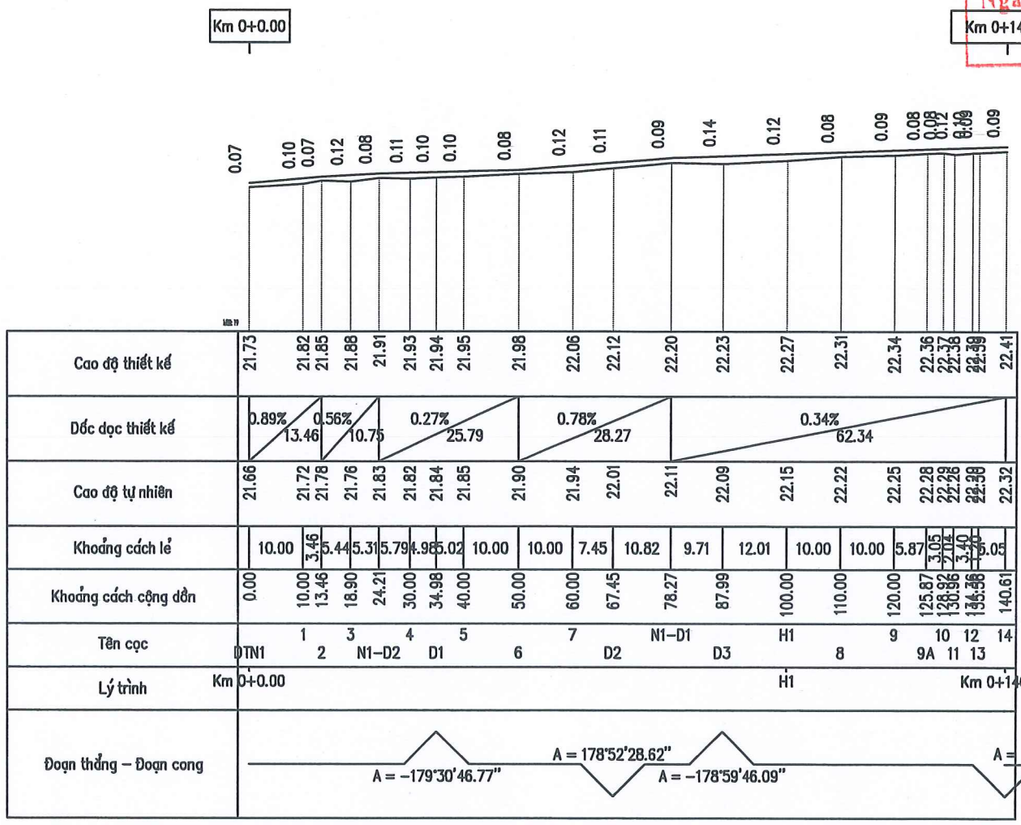
MSS: 17

| | | |

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP
PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG
KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH,
PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC TUYẾN N1

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

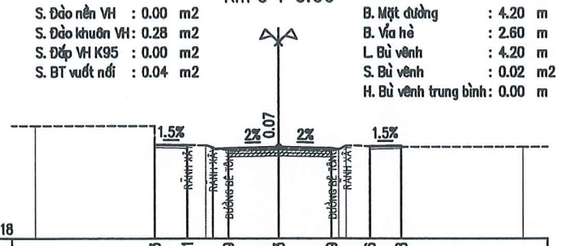
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
X: 1/1000 Y: 1/100	GT - 16

Cọc DTN1
Km 0 + 0.00

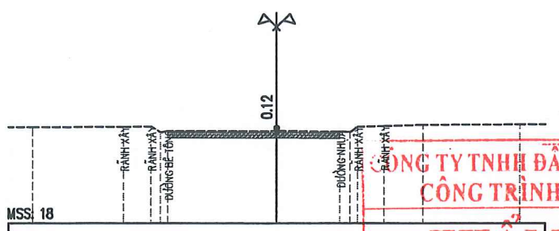
S. Đào nền VH : 0.00 m2
S. Đào khuôn VH: 0.28 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.04 m2

B. Mặt đường : 4.20 m
B. Vỉa hè : 2.60 m
L. Bù vênh : 4.20 m
S. Bù vênh : 0.02 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.00 m



Cao độ thiết kế	21.83	21.81	21.69	21.73	21.69	21.76	21.78	
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.30	1.70	2.10	2.10	1.60	1.30	
Cao độ tự nhiên	22.59	22.89 / 21.81 / 21.80 / 21.61		21.66	21.61 / 21.79		21.73	21.73
Khoảng cách mia	4.90	0.30	3.30	0.76 / 0.80 / 0.85 / 2.10	2.10	0.80 / 0.50	2.30	5.00

Cọc 3
Km 0 + 18.90

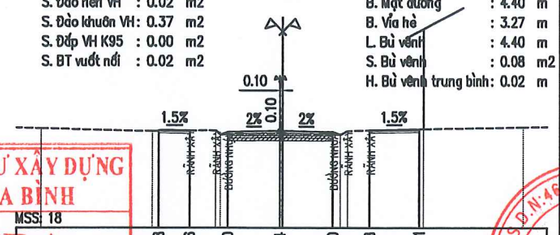


Cao độ tự nhiên	21.91	21.92	21.83 / 21.75	21.76	21.73 / 21.92	21.96	22.01	22.03	
Khoảng cách mia	3.70	1.10	0.50	4.50	2.60	0.50	1.10	1.60	4.00

Cọc D1
Km 0 + 34.98

S. Đào nền VH : 0.02 m2
S. Đào khuôn VH: 0.37 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.40 m
B. Vỉa hè : 3.27 m
L. Bù vênh : 4.40 m
S. Bù vênh : 0.08 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m

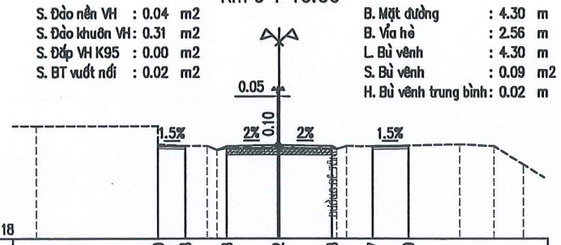


Cao độ tự nhiên	21.98	21.96	21.90	21.94	21.90	21.98	22.01		
Khoảng cách mia	4.60	1.50	0.10	1.25	1.60	2.20	2.20	1.50	2.02

Cọc 1
Km 0 + 10.00

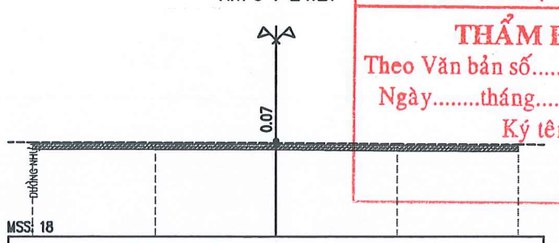
S. Đào nền VH : 0.04 m2
S. Đào khuôn VH: 0.31 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.30 m
B. Vỉa hè : 2.56 m
L. Bù vênh : 4.30 m
S. Bù vênh : 0.09 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m



Cao độ thiết kế	21.80	21.78	21.78	21.82	21.78	21.77	21.79	
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.10	1.70	2.15	2.15	1.70	1.46	
Cao độ tự nhiên	22.60	22.60 / 21.85	21.78 / 21.78 / 21.70		21.72	21.68 / 21.78	21.77	21.85 / 21.77 / 21.02
Khoảng cách mia	5.00	0.00	1.10	0.90 / 0.40 / 0.30 / 2.20	2.10	0.70 / 0.60	1.10	3.60	1.40 / 1.20

Cọc N1–D2
Km 0 + 24.21

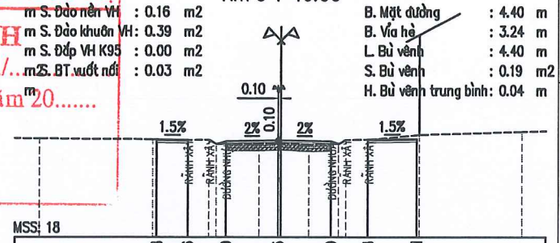


Cao độ tự nhiên	21.85	21.84	21.83	21.78	21.76
Khoảng cách mia	5.00	5.00	5.00	5.00	

Cọc 5
Km 0 + 40.00

S. Đào nền VH : 0.16 m2
S. Đào khuôn VH: 0.39 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.40 m
B. Vỉa hè : 3.24 m
L. Bù vênh : 4.40 m
S. Bù vênh : 0.19 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.04 m

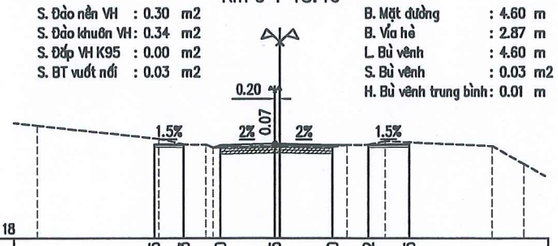


Cao độ tự nhiên	21.98	21.96	21.90	21.95	21.90	21.98	22.01		
Khoảng cách mia	4.70	1.40	0.90	1.25	1.60	2.20	2.20	1.50	1.99

Cọc 2
Km 0 + 13.46

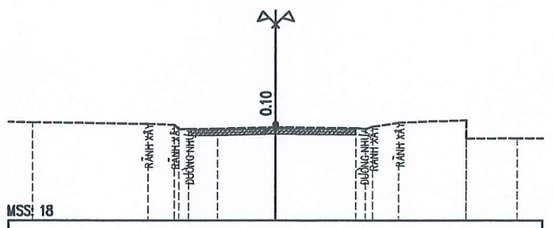
S. Đào nền VH : 0.30 m2
S. Đào khuôn VH: 0.34 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 2.87 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.03 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m



Cao độ thiết kế	21.85	21.83	21.80	21.85	21.80	21.82	21.85		
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.20	1.50	2.30	2.30	1.50	1.68		
Cao độ tự nhiên	22.59	22.06	21.83 / 21.82 / 21.72	21.78	21.73 / 21.81	21.82 / 21.96	21.77	21.03	
Khoảng cách mia	5.00	1.00	0.90 / 0.30 / 0.30	2.50	2.10	0.60 / 0.90	0.70	4.40	1.30

Cọc 4
Km 0 + 30.00

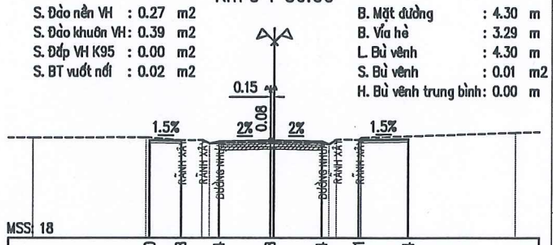


Cao độ tự nhiên	22.01	21.94	21.90 / 21.74	21.75	21.82	21.77 / 21.83	21.99	22.09 / 21.95	21.36
Khoảng cách mia	4.70	1.10	0.70	1.20	2.40	3.30	0.40 / 0.30	1.10	2.80	0.60	2.10

Cọc 6
Km 0 + 50.00

S. Đào nền VH : 0.27 m2
S. Đào khuôn VH: 0.39 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.30 m
B. Vỉa hè : 3.29 m
L. Bù vênh : 4.30 m
S. Bù vênh : 0.01 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.00 m



Cao độ tự nhiên	22.00	21.98	21.94	21.98	21.94	22.01	22.04		
Khoảng cách mia	4.70	1.40	0.90	2.30	0.00	2.00	0.00	0.90	6.40

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../...
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TVXDLK
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:
KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ
KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TUYẾN N1

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

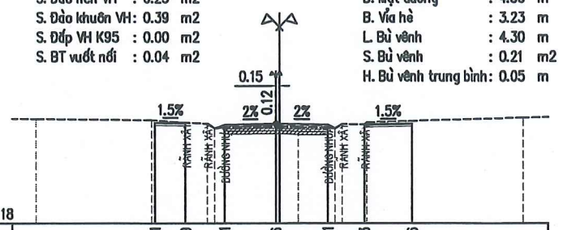
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/200	GT - 17A

Cọc 7
Km 0 + 60.00

S. Đào nền VH : 0.23 m2
S. Đào khuôn VH: 0.39 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.04 m2

B. Mặt đường : 4.30 m
B. Vỉa hè : 3.23 m
L. Bù vênh : 4.30 m
S. Bù vênh : 0.21 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.05 m

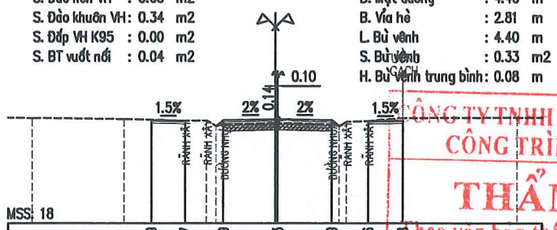


Cao độ thiết kế		22.11	22.09	22.01	22.06	22.01	22.03	22.06
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.27	1.60	2.15	2.15	1.50	1.96	
Cao độ tự nhiên	22.25	22.20	22.09	21.94	21.90	22.03	22.30	
Khoảng cách mia	4.70	1.40	2.30	0.80	1.20	6.40		

Cọc D3
Km 0 + 87.99

S. Đào nền VH : 0.08 m2
S. Đào khuôn VH: 0.34 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.04 m2

B. Mặt đường : 4.40 m
B. Vỉa hè : 2.81 m
L. Bù vênh : 4.40 m
S. Bù vênh : 0.33 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.08 m

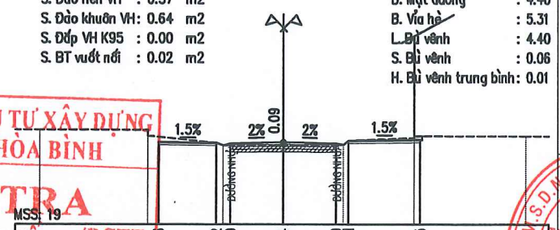


Cao độ thiết kế		22.19	22.17	22.19	22.23	22.19	22.16	22.18
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.41	1.60	2.20	2.20	1.50	1.40	
Cao độ tự nhiên	22.28	22.24	22.17	22.09	22.16	22.28	22.30	
Khoảng cách mia	3.80	2.50	0.90	2.10	2.30	1.40	4.80	

Cọc 9
Km 0 + 120.00

S. Đào nền VH : 0.37 m2
S. Đào khuôn VH: 0.64 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.40
B. Vỉa hè : 5.31
L. Bù vênh : 4.40
S. Bù vênh : 0.06
H. Bù vênh trung bình: 0.01

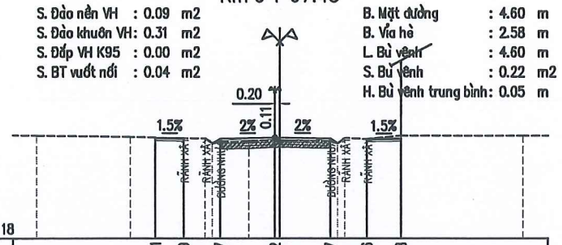


Cao độ thiết kế		22.36	22.32	22.30	22.34	22.30	22.41	22.45
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.36	0.60	2.20	2.20	0.50	2.95	
Cao độ tự nhiên	22.65	22.86	22.32	22.29	22.25	22.44	22.60	
Khoảng cách mia	4.40	2.80	2.20	2.20	2.70	4.60		

Cọc D2
Km 0 + 67.45

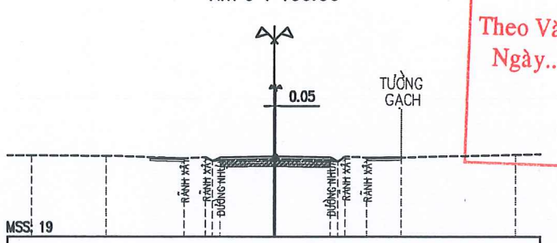
S. Đào nền VH : 0.09 m2
S. Đào khuôn VH: 0.31 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.04 m2

B. Mặt đường : 4.60 m
B. Vỉa hè : 2.58 m
L. Bù vênh : 4.60 m
S. Bù vênh : 0.22 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.05 m



Cao độ thiết kế		22.11	22.09	22.07	22.12	22.07	22.06	22.08
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.18	1.50	2.30	2.30	1.50	1.40	
Cao độ tự nhiên	22.20	22.15	22.09	21.96	22.01	22.06	22.20	
Khoảng cách mia	3.80	2.20	0.90	1.20	1.30	2.10	1.40	5.00

Cọc H1
Km 0 + 100.00

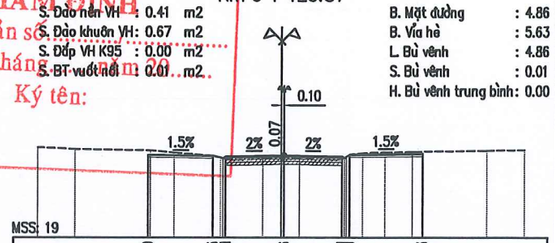


Cao độ thiết kế		22.32	22.30	22.19	22.15	22.11	22.22	22.23
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.10	3.20	0.90	2.20	2.30	1.40	4.80
Cao độ tự nhiên	22.35			22.24	22.13	22.27	22.35	

Cọc 9A
Km 0 + 125.87

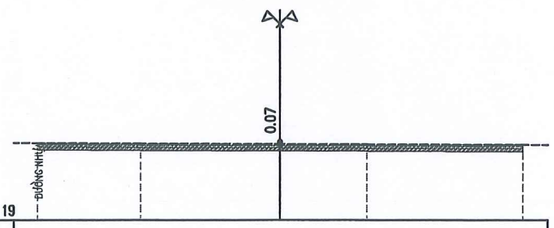
S. Đào nền VH : 0.41 m2
S. Đào khuôn VH: 0.67 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.01 m2

B. Mặt đường : 4.86
B. Vỉa hè : 5.63
L. Bù vênh : 4.86
S. Bù vênh : 0.01
H. Bù vênh trung bình: 0.00



Cao độ thiết kế		22.39	22.35	22.31	22.36	22.31	22.39	22.43
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.64	0.53	2.43	2.43	0.30	2.98	
Cao độ tự nhiên	22.69	22.60	22.56	22.46	22.27	22.28	22.27	22.45	22.49	22.51	22.55	22.58
Khoảng cách mia	1.50	3.09	0.96	1.58	1.58	0.75	1.78	0.53	0.92	1.12	3.03	1.57

Cọc N1–D1
Km 0 + 78.27

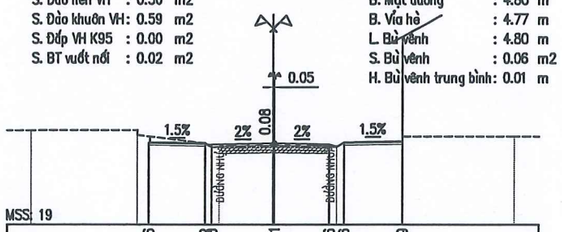


Cao độ thiết kế					
Khoảng cách lẻ thiết kế					
Cao độ tự nhiên	22.15	22.13	22.11	22.10	22.08
Khoảng cách mia	4.20	5.80	3.60	6.40	

Cọc 8
Km 0 + 110.00

S. Đào nền VH : 0.30 m2
S. Đào khuôn VH: 0.59 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.80 m
B. Vỉa hè : 4.77 m
L. Bù vênh : 4.80 m
S. Bù vênh : 0.06 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

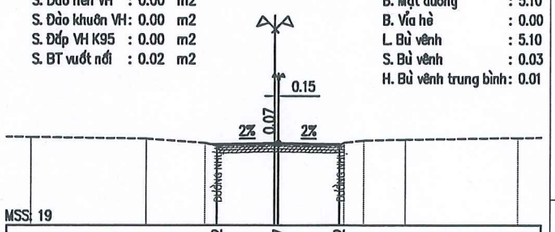


Cao độ thiết kế		22.36	22.32	22.31	22.26	22.36	22.39	
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.36	0.60	2.55	2.25	0.60	2.40	
Cao độ tự nhiên	22.85	22.86	22.32	22.22	22.18	22.36	22.60	22.60
Khoảng cách mia	4.40	2.80	2.20	2.30	2.40	4.70		

Cọc 10
Km 0 + 128.92

S. Đào nền VH : 0.00 m2
S. Đào khuôn VH: 0.00 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 5.10
B. Vỉa hè : 0.00
L. Bù vênh : 5.10
S. Bù vênh : 0.03
H. Bù vênh trung bình: 0.01



Cao độ thiết kế		22.32	22.37	22.32		
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.55	2.55			
Cao độ tự nhiên	22.60	22.54	22.23	22.29	22.47	22.50	22.57
Khoảng cách mia	4.70	2.40	0.50	2.40	2.70	1.70	4.60

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số .....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TVXDLK
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:
KS. PHÙ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ
KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TUYẾN N1

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

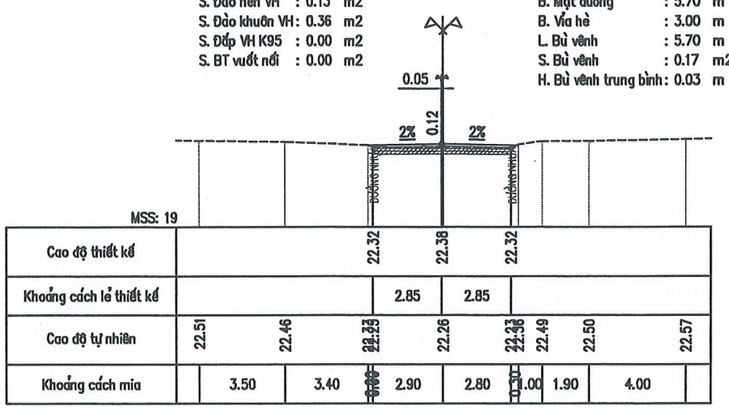
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/200	GT - 17B

Cọc 11
Km 0 + 130.96

S. Đào nền VH : 0.13 m2
S. Đào khuôn VH: 0.36 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.00 m2

B. Mặt đường : 5.70 m
B. Vỉa hè : 3.00 m
L. Bù vênh : 5.70 m
S. Bù vênh : 0.17 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.03 m



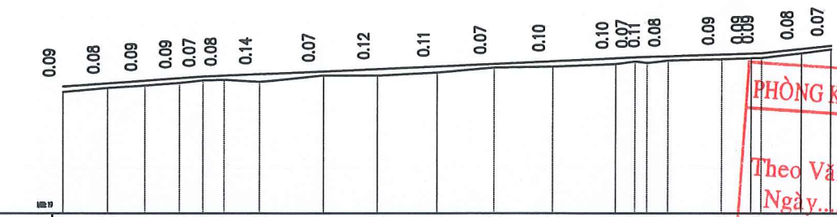
| | | |

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

Km 0+0.00 — Km 0+142.28

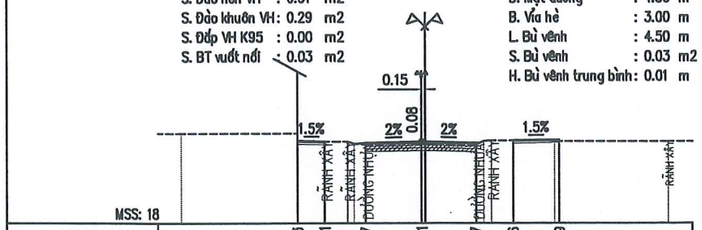


| | | |

Cọc DTN2
Km 0 + 0.00

S. Đào nền VH : 0.01 m2
S. Đào khuôn VH: 0.29 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 4.50 m
B. Vỉa hè : 3.00 m
L. Bù vênh : 4.50 m
S. Bù vênh : 0.03 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

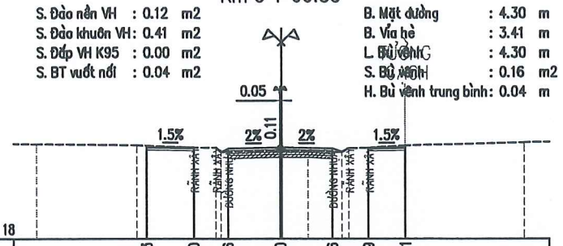


| | | |

Cọc D2
Km 0 + 69.33

S. Đào nền VH : 0.12 m2
S. Đào khuôn VH: 0.41 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.04 m2

B. Mặt đường : 4.30 m
B. Vỉa hè : 3.41 m
L. Bù vênh : 4.30 m
S. Bù vênh : 0.16 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.04 m

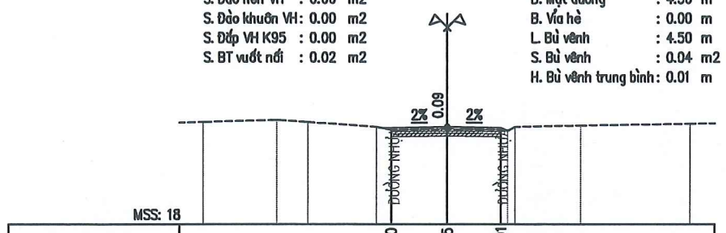


| | | |

Cọc 13
Km 0 + 129.61

S. Đào nền VH : 0.00 m2
S. Đào khuôn VH: 0.00 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 4.50 m
B. Vỉa hè : 0.00 m
L. Bù vênh : 4.50 m
S. Bù vênh : 0.04 m2
H. Bù vênh trung bình : 0.01 m



| | | |

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

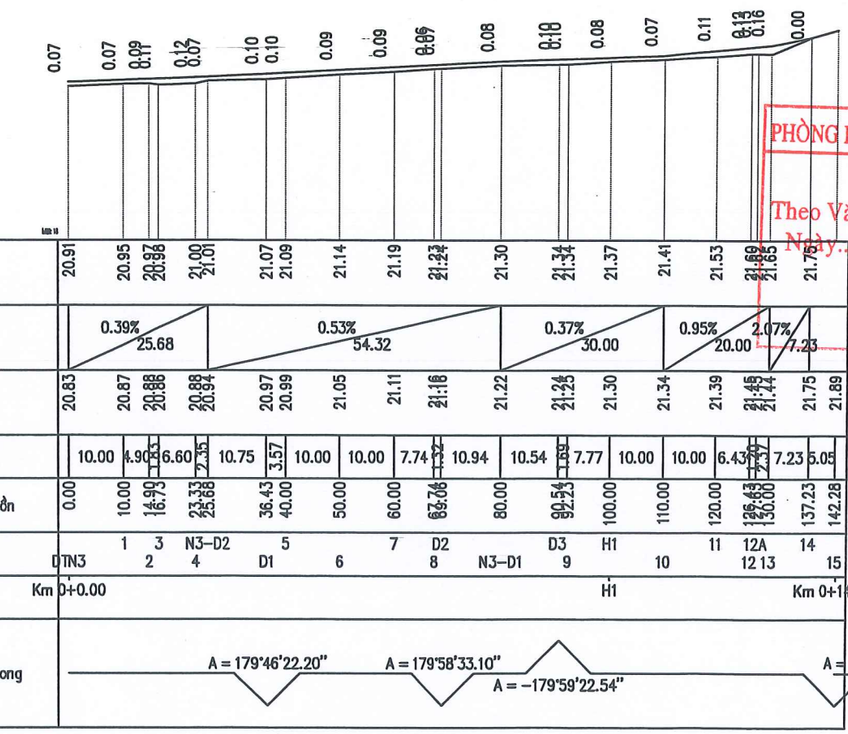
THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

Km 0+0.00 Km 0+142.28

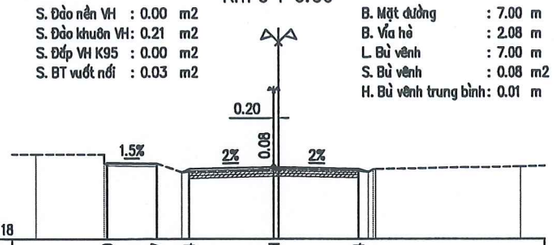


| | | |

Cọc DTN3
Km 0 + 0.00

S. Đào nền VH : 0.00 m2
S. Đào khuôn VH: 0.21 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.03 m2

B. Mặt đường : 7.00 m
B. Vỉa hè : 2.08 m
L. Bù vênh : 7.00 m
S. Bù vênh : 0.08 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

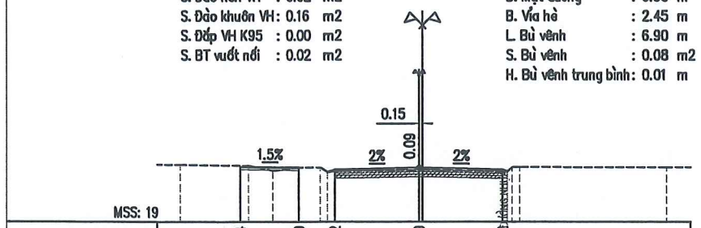


| | | |

Cọc 7
Km 0 + 60.00

S. Đào nền VH : 0.02 m2
S. Đào khuôn VH: 0.16 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 6.90 m
B. Vỉa hè : 2.45 m
L. Bù vênh : 6.90 m
S. Bù vênh : 0.08 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.01 m

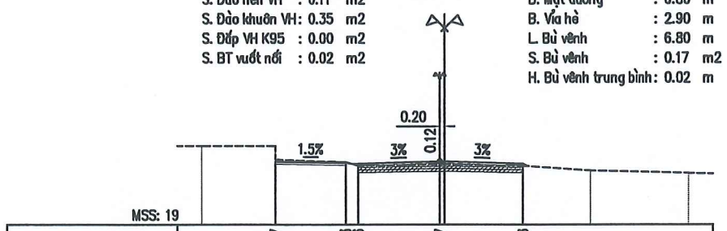


| | | |

Cọc 12
Km 0 + 126.43

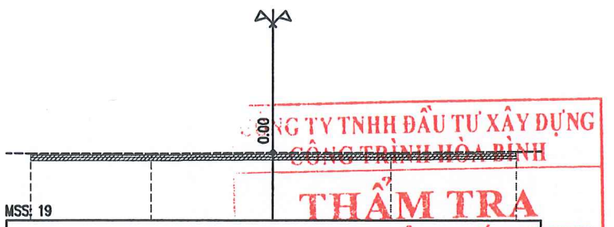
S. Đào nền VH : 0.11 m2
S. Đào khuôn VH: 0.35 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 6.80 m
B. Vỉa hè : 2.90 m
L. Bù vênh : 6.80 m
S. Bù vênh : 0.17 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.02 m



Cao độ thiết kế		21.57	21.53 21.46		21.57	21.46		
Khoảng cách lẻ thiết kế			2.90	0.50	3.40	3.40		
Cao độ tự nhiên	22.20	22.08	21.53 21.39		21.45	21.39	21.19	21.09
Khoảng cách mia		3.00	0.88 2.90	0.50	3.60	3.20	2.80	4.00

Cọc 14
Km 0 + 137.23



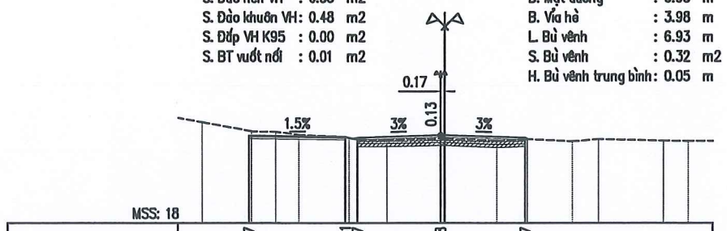
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

Cao độ thiết kế	21.72	21.71	21.75	21.74	21.80
Khoảng cách lẻ thiết kế		5.00	5.00	4.80	5.20

Cọc 12A
Km 0 + 127.63

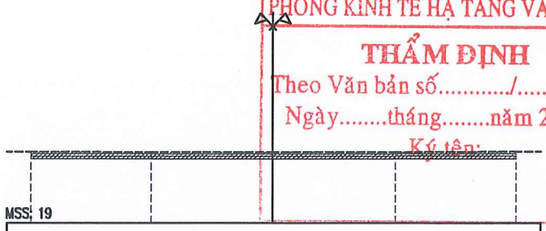
S. Đào nền VH : 0.35 m2
S. Đào khuôn VH: 0.48 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.01 m2

B. Mặt đường : 6.93 m
B. Vỉa hè : 3.98 m
L. Bù vênh : 6.93 m
S. Bù vênh : 0.32 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.05 m



Cao độ thiết kế		21.57	21.51 21.47		21.58	21.47							
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.98	0.30	3.46	3.47							
Cao độ tự nhiên	22.11	21.74	21.72	21.59	21.51 21.40	21.41	21.45	21.37	21.42	21.33	21.43	21.36	21.35
Khoảng cách mia		1.99	1.01	0.94	1.92	0.33	1.25	2.39	0.88 2.12	1.18	0.18 1.86	1.08	2.65	1.01

Cọc 15
Km 0 + 142.28



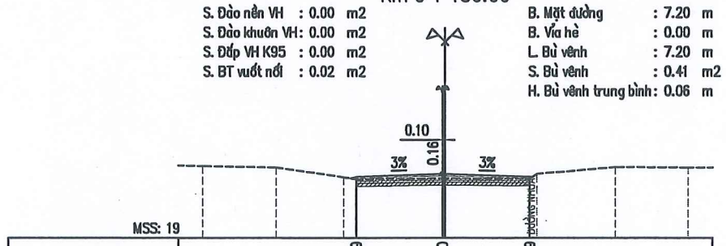
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

Cao độ thiết kế	21.90	21.89	21.89	21.89	21.91
Khoảng cách lẻ thiết kế		5.00	5.00	5.00	5.00

Cọc 13
Km 0 + 130.00

S. Đào nền VH : 0.00 m2
S. Đào khuôn VH: 0.00 m2
S. Đắp VH K95 : 0.00 m2
S. BT vuốt nối : 0.02 m2

B. Mặt đường : 7.20 m
B. Vỉa hè : 0.00 m
L. Bù vênh : 7.20 m
S. Bù vênh : 0.41 m2
H. Bù vênh trung bình: 0.06 m



Cao độ thiết kế			21.49	21.60	21.49			
Khoảng cách lẻ thiết kế				3.60	3.60			
Cao độ tự nhiên	21.93	21.87	21.47 21.39	21.44	21.48 21.41	21.89	21.87	
Khoảng cách mia		3.00	2.80	0.50	3.70	3.50	0.88 3.20	3.00

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

M.S.D.N: 4601602126 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

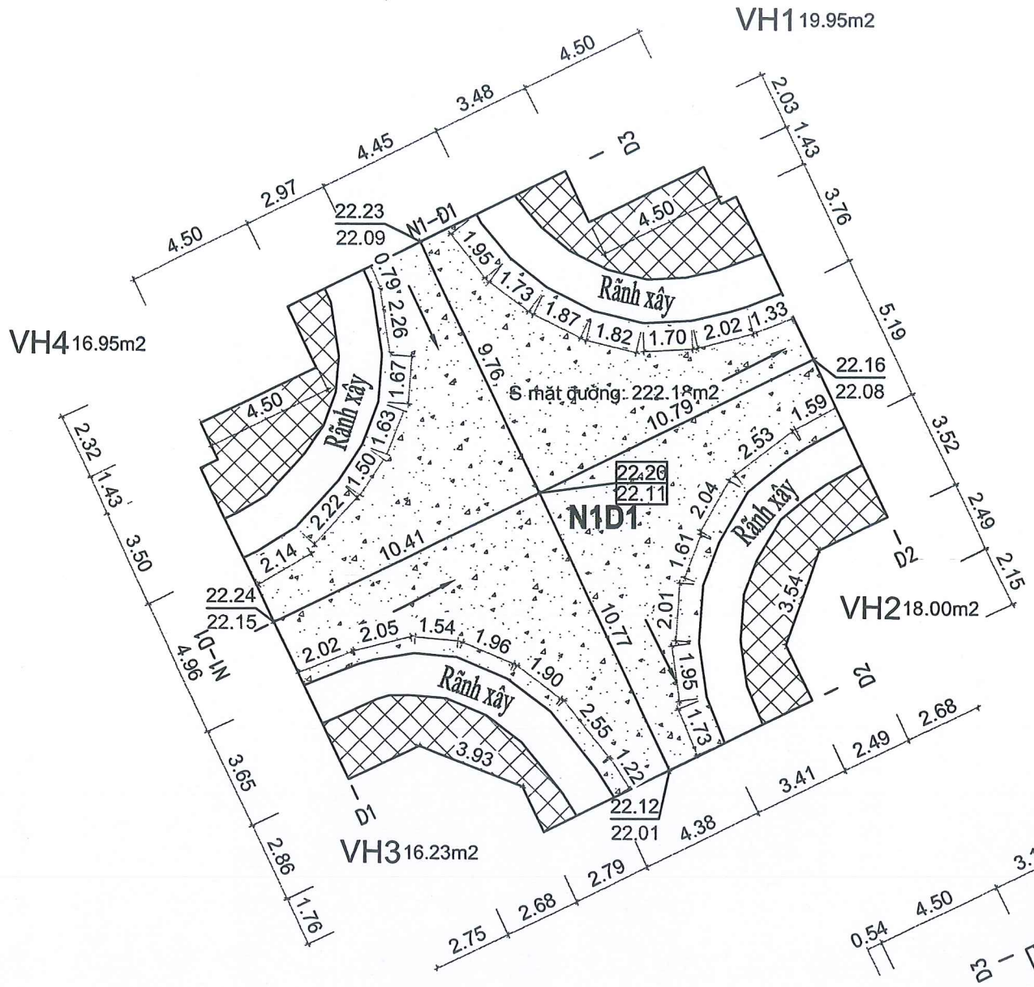
CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG TUYẾN N3

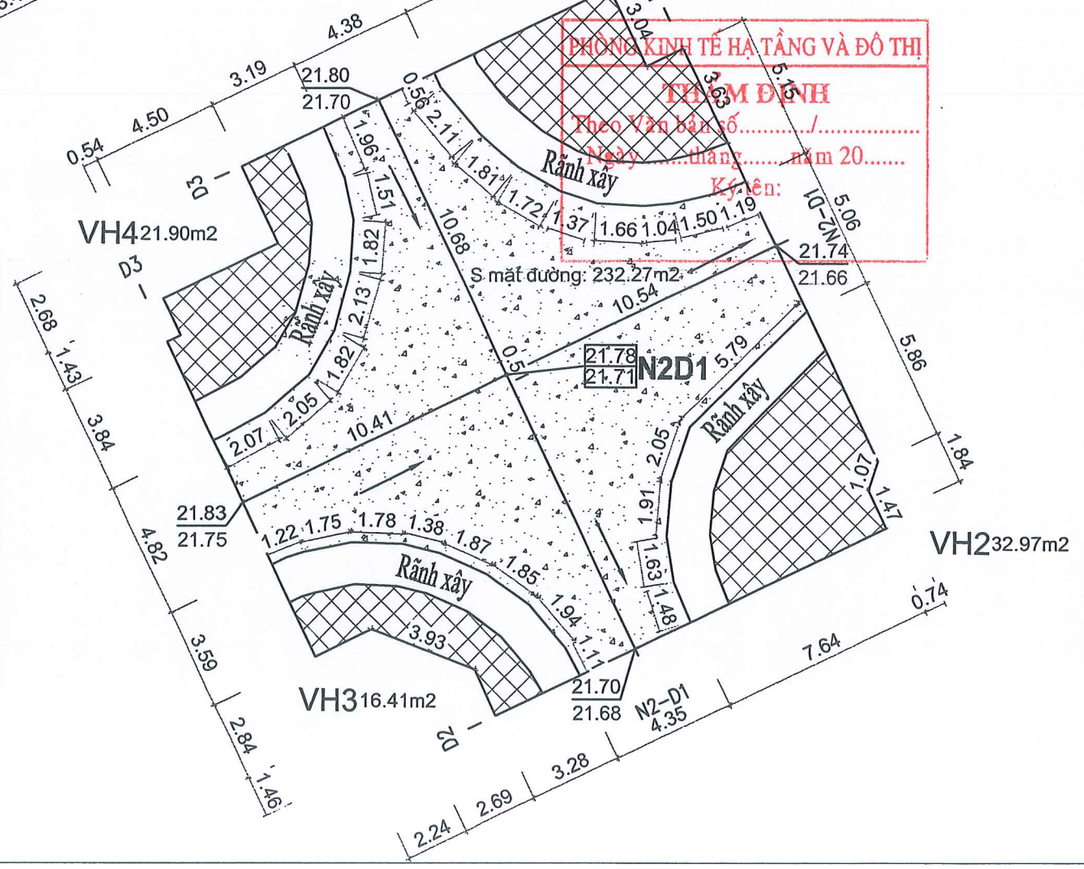
BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/200	GT - 21C



NÚT N1D1				
STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1.	**Chênh cao thiết kế**	**m**	**0,10**	
*	Tuyến D1			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc D1	m	0,09	
	Điểm cọc N1-D1	m	0,09	
	Điểm cọc D2	m	0,08	
*	Tuyến N1			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc D2	m	0,11	
	Điểm cọc D3	m	0,14	
2	**Khối lượng bù vênh bằng BTNC C12.5**	**m^3**	**7,11**	
2	**Diện tích mặt thảm**	**m^2**	**222,18**	*Thống kê bình đồ Nút giao*
*	Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2	m^2	222,18	
*	BTNC C12,5 dày 7cm	m^2	222,18	
3	**Diện tích vỉa hè**	**m^2**	**71,13**	
	VH1	m^2	19,95	
	VH2	m^2	18,00	
	VH3	m^2	16,23	
	VH4	m^2	16,95	
4	**Vuốt nối mặt đường và rãnh đan hiện trạng**	**m^3**	0,38	BTXM M250# đá 1x2 đổ tại chỗ



NÚT N2D1				
STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1.	**Chênh cao thiết kế**	**m**	**0,09**	
*	Tuyến D1			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc D3	m	0,08	
	Điểm cọc N2-D1	m	0,07	
	Điểm cọc D4	m	0,08	
*	Tuyến N2			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc D2	m	0,11	
	Điểm cọc D3	m	0,10	
2	**Khối lượng bù vênh bằng BTNC C12.5**	**m^3**	**4,18**	
3	**Diện tích mặt thảm**	**m^2**	**232,27**	*Thống kê bình đồ Nút giao*
*	Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2	m^2	232,27	
*	BTNC C12,5 dày 7cm	m^2	232,27	
4	**Diện tích vỉa hè**	**m^2**	**102,27**	
	VH1	m^2	30,99	
	VH2	m^2	32,97	
	VH3	m^2	16,41	
	VH4	m^2	21,90	
5	**Vuốt nối mặt đường và rãnh đan hiện trạng**	**m^3**	0,39	BTXM M250# đá 1x2 đổ tại chỗ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TVXDLK
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:
KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ
KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:
NÚT GIAO N1D1 & N2D1

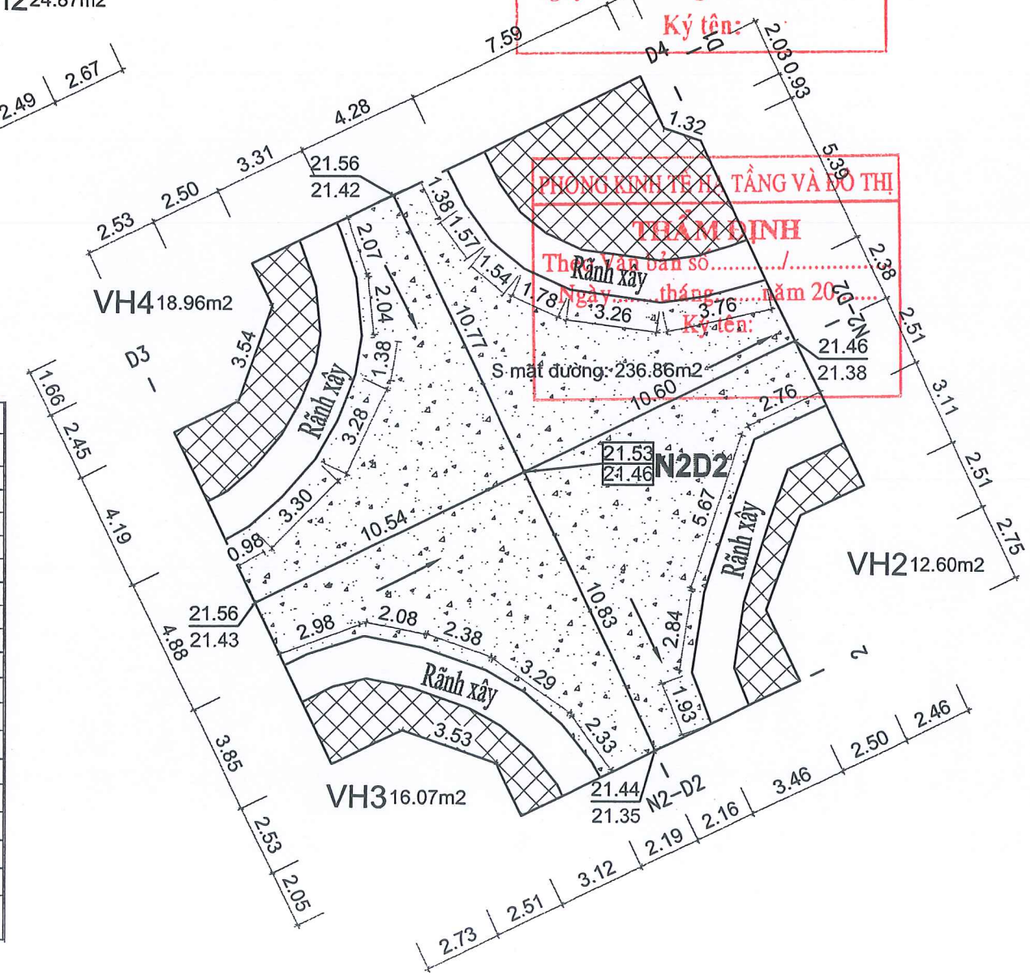
BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 22



NÚT N1D2				
STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1.	**Chênh cao thiết kế**	**m**	**0,09**	
*	Tuyến D2			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc D1	m	0,11	
	Điểm cọc N1-D2	m	0,07	
	Điểm cọc D2	m	0,11	
*	Tuyến N1			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc 2	m	0,07	
	Điểm cọc D1	m	0,10	
2	**Khối lượng bù vênh bằng BTNC C12.5**	**m^3**	**4,90**	
3	**Diện tích mặt thảm**	**m^2**	**222,57**	*Thống kê bình đồ Nút giao*
*	Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2	m^2	222,57	
*	BTNC C12,5 dày 7cm	m^2	222,57	
4	**Diện tích vỉa hè**	**m^2**	**89,66**	
	VH1	m^2	21,01	
	VH2	m^2	24,87	
	VH3	m^2	21,83	
	VH4	m^2	21,95	
5	**Vuốt nối mặt đường và rãnh đan hiện trạng**	**m^3**	0,40	BTXM M250# đá 1x2 đổ tại chỗ



NÚT N2D2				
STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1.	**Chênh cao thiết kế**	**m**	**0,10**	
*	Tuyến D2			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc D3	m	0,13	
	Điểm cọc N2-D2	m	0,07	
	Điểm cọc D4	m	0,08	
*	Tuyến N1			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc 2	m	0,09	
	Điểm cọc D1	m	0,14	
2	**Khối lượng bù vênh bằng BTNC C12.5**	**m^3**	**7,58**	
3	**Diện tích mặt thảm**	**m^2**	**236,86**	*Thống kê bình đồ Nút giao*
*	Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2	m^2	236,86	
*	BTNC C12,5 dày 7cm	m^2	236,86	
4	**Diện tích vỉa hè**	**m^2**	**83,56**	
	VH1	m^2	35,93	
	VH2	m^2	12,60	
	VH3	m^2	16,07	
	VH4	m^2	18,96	
5	**Vuốt nối mặt đường và rãnh đan hiện trạng**	**m^3**	0,39	BTXM M250# đá 1x2 đổ tại chỗ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày...tháng.....năm 20....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

TVXDLK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

LINH KHÔI

ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC

PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

KS. PHÙ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:

PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

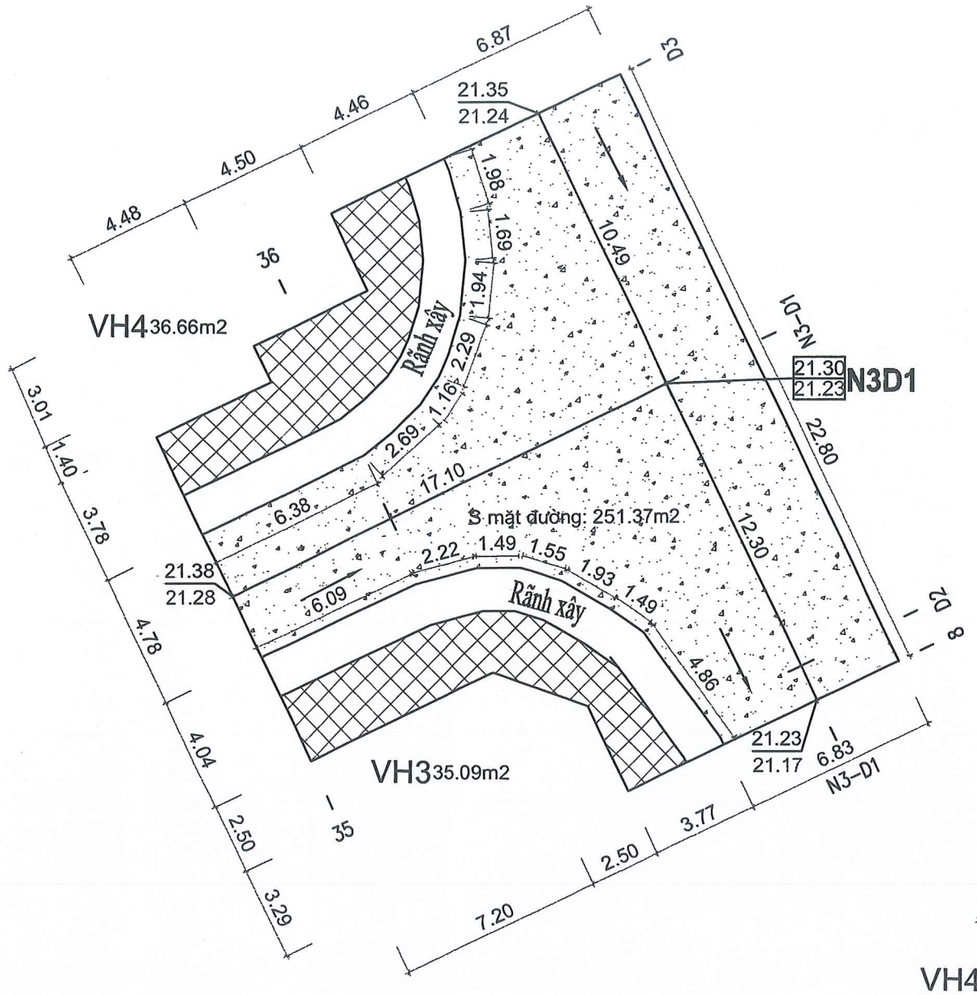
TÊN BẢN VẼ:

NÚT GIAO N1D2 & N2D2

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

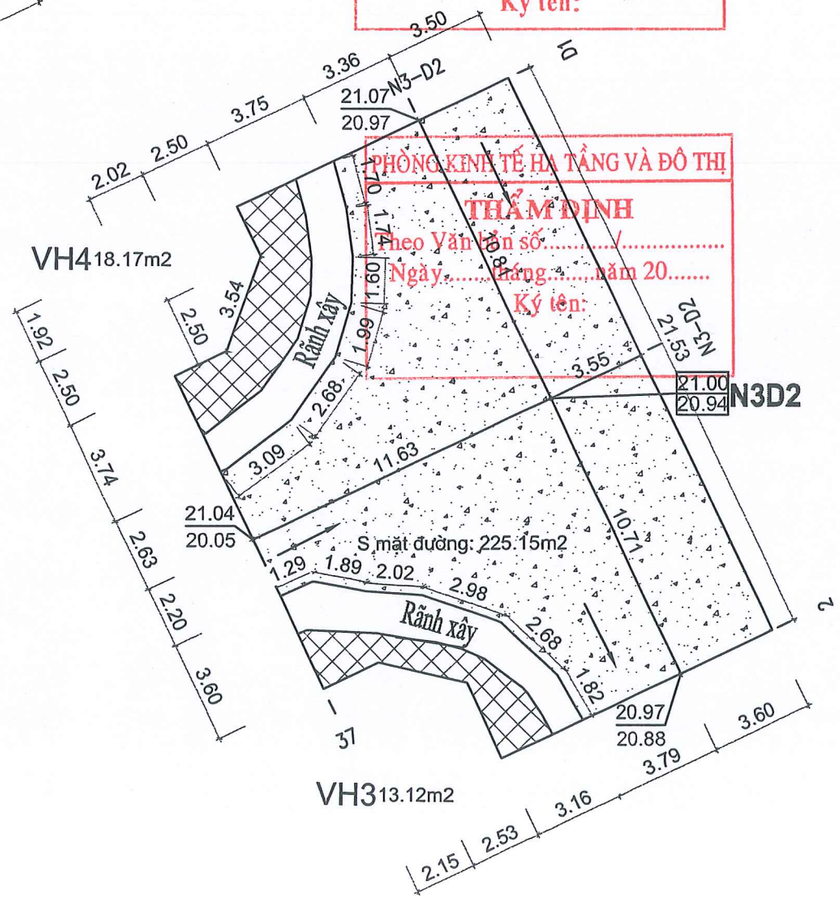
NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/ 2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 23



NÚT N3D1				
STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1.	**Chênh cao thiết kế**	**m**	**0,09**	
*	Tuyến D1			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc 35	m	0,10	
	Điểm cọc 36	m	0,10	
	Điểm cọc N3-D1	m	0,07	
*	Tuyến N3			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc 8	m	0,06	
	Điểm cọc D2	m	0,08	
	Điểm cọc D3	m	0,11	
2	**Khối lượng bù vênh bằng BTNC C12.5**	**m^3**	**4,19**	
3	**Diện tích mặt thảm**	**m^2**	**251,37**	*Thống kê bình đồ Nút giao*
*	Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2	m^2	251,37	
*	BTNC C12,5 dày 7cm	m^2	251,37	
4	**Diện tích vỉa hè**	**m^2**	**71,75**	
	VH1	m^2	-	
	VH2	m^2	-	
	VH3	m^2	35,09	
	VH4	m^2	36,66	
5	**Vuốt nối mặt đường và rãnh đan hiện trạng**	m^3	0,28	BTXM M250# đá 1x2 đổ tại chỗ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



NÚT N3D2				
STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1.	**Chênh cao thiết kế**	**m**	**0,31**	
*	Tuyến D2			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc 37	m	0,99	
	Điểm cọc N3-D2	m	0,06	
*	Tuyến N3			*Thống kê bình đồ Nút giao*
	Điểm cọc 2	m	0,09	
	Điểm cọc D1	m	0,10	
2	**Khối lượng bù vênh bằng BTNC C12.5**	**m^3**	**54,04**	
3	**Diện tích mặt thảm**	**m^2**	**225,15**	*Thống kê bình đồ Nút giao*
*	Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2	m^2	225,15	
*	BTNC C12,5 dày 7cm	m^2	225,15	
4	**Diện tích vỉa hè**	**m^2**	**31,29**	
	VH1	m^2	-	
	VH2	m^2	-	
	VH3	m^2	13,12	
	VH4	m^2	18,17	
5	**Vuốt nối mặt đường và rãnh đan hiện trạng**	m^3	0,28	BTXM M250# đá 1x2 đổ tại chỗ

TVXDLK
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
LINH KHÔI
ĐỊA CHỈ: TDP VIỆT ĐỨC
PHƯỜNG SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN
SĐT: 0963.286.413

GIÁM ĐỐC:

M.S.D.N: 4601602126 C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI
TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

KS. PHÚ VĂN NHẤT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. DƯƠNG MINH TUẤN

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP PHƯỜNG BÁCH QUANG

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG BÁCH QUANG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

TÊN BẢN VẼ:

NÚT GIAO N3D1& N3D2

BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY PHÁT HÀNH: ...../11/2025

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:
1/500	GT - 24

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ TDP BÌNH MINH, PHƯỜNG BÁCH QUANG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

STT	CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	TUYẾN D1	TUYẾN D2	TUYẾN N1	TUYẾN N2	TUYẾN N3	NÚT GIAO	KHỐI LƯỢNG TỔNG	GHI CHÚ
I.	**Mặt đường**	m	344,71	352,66	92,30	94,00	86,99			
1	**Xử lý hư hỏng mặt đường**	m^2	-	-	-	-	-	-	**37,22**	***Thống kê theo bình đồ***
*	Đào phá mặt đường hư hỏng dày 25cm	m^3	-	-	-	-	-	-	**9,31**	*Vận chuyển đổ thải tạm tính 5km*
*	Thay thế lớp CPĐD loại 1 dày 25cm	m^3	-	-	-	-	-	-	**9,31**	*Độ chặt K98*
2	**Thảm BTNC C12.5 dày 7cm**	m^2	**1.640,31**	**1.670,33**	**422,26**	**425,35**	**600,19**	**1.390,40**	**6.148,84**	
*	Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2	m^2	1.640,31	1.670,33	422,26	425,35	600,19	1.390,40	**6.148,84**	
*	BTNC C12,5 dày 7cm	m^2	1.640,31	1.670,33	422,26	425,35	600,19	1.390,40	**6.148,84**	
*	Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2 bù vênh	m^2	1.612,45	1.670,33	422,26	425,35	600,19		**180,22**	
*	Bù vênh BTNC C12.5 trung bình 3cm	m^3	43,21	26,44	10,63	8,37	9,57	81,99	**180,22**	
3	**Vuốt nối mặt đường và rãnh đan hiện trạng**	m^3	**10,28**	**9,01**	**2,45**	**2,39**	**2,15**	**2,05**	**28,32**	***BTXM M200# đá 1x2 đổ tại chỗ***
4	**Vạch sơn đảm bảo ATGT**									***Thống kê theo bình đồ***
*	Vạch 1.1 (vạch tim đường)	m^2	-	-	-	-	-	-	**46,14**	*Sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm*
*	Vạch 7.3 (vạch người đi bộ qua đường)	m^2	-	-	-	-	-	-	**142,80**	*Sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm*
6	**Biển báo ATGT**	**s.lg**	-	-	-	-	-	-	**3,00**	
II.	**Vỉa hè**									
1	**Cắt khe vỉa hè hiện trạng**	**m**	**342,00**	**400,63**	**-**	**-**	**-**	**-**	**742,63**	***Thống kê theo bình đồ***
2	**Diện tích đào phá vỉa hè lát gạch**	m^2	-	-	-	-	-	-	**311,74**	***Thống kê theo bình đồ***
3	**Khối lượng đào phá vỉa hè lát gạch**	m^3	-	-	-	-	-	-	**15,59**	***Vận chuyển đổ thải***
4	**Diện tích đào phá vỉa hè bê tông**	m^2	-	-	-	-	-	-	**2.066,66**	***Thống kê theo bình đồ***
5	**Khối lượng đào phá vỉa hè bê tông**	m^3	-	-	-	-	-	-	**144,67**	***Vận chuyển đổ thải***
6	**Chiều dài phá dỡ tường xây lấn chiếm vỉa hè**	**m**	-	-	-	-	-	-	**165,22**	***Thống kê theo bình đồ***
7	**Chiều dài phá dỡ bó vỉa hư hỏng và bệ bê tông tự phát**	**m**	401,75	372,89	35,09	14,39	28,44	-	**852,56**	
8	**Khối lượng phá dỡ bó vỉa hư hỏng và bệ bê tông tự phát**	m^3	40,62	37,70	3,55	1,45	2,88	-	**86,19**	***Đào phá bằng máy vận chuyển đổ thải - Móng giữ nguyên - Đổ thải***
9	**Khối lượng bó vỉa thường làm mới hoàn trả**	m	**401,75**	**372,89**	**35,09**	**14,39**	**28,44**	-	**852,56**	***Thay thế vị trí đã phá dỡ***
*	Ván khuôn bó vỉa	m^2	361,58	335,60	31,58	12,95	25,60	-	**767,30**	
*	Btxm bó vỉa	m^3	20,89	19,39	1,82	0,75	1,48	-	**44,33**	*M250# đá 2x4*
*	Đệm vxm M100# dày 2cm	m^3	1,85	1,72	0,16	0,07	0,13	-	**3,92**	*Tạo phẳng và kết dính trước khi lắp*
*	Lắp đặt bó vỉa	c.kien	402	373	35	14	28	-	**852**	
10	**Khối lượng đan rãnh làm mới hoàn trả**	**m**	**401,75**	**372,89**	**35,09**	**14,39**	**28,44**	**-**	**852,56**	
*	Ván khuôn đan rãnh	m^2	64,28	59,66	5,61	2,30	4,55	-	**136,41**	
*	Btxm đan rãnh	m^3	6,03	5,59	0,53	0,22	0,43	-	**12,79**	*M200# đá 1x2*
*	Đệm vxm M100# dày 2cm		2,41	2,24	0,21	0,09	0,17	-	**5,12**	*Tạo phẳng và kết dính trước khi lắp*
*	Lắp đặt đan rãnh	c.kien	804	746	70	29	57	-	**1.706**	
11	**Thay thế bó vỉa hàm ếch hư hỏng**	**slg.**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**15**	
*	Ván khuôn bó vỉa	m^2	-	-	-	-	-	-	**9,00**	
*	Thép D8	kg	-	-	-	-	-	-	**16,05**	
*	Btxm bó vỉa	m^3	-	-	-	-	-	-	**0,75**	*M250# đá 2x4*
*	Đệm vxm M100# dày 2cm	m^3	-	-	-	-	-	-	**0,07**	*Tạo phẳng và kết dính trước khi lắp*
*	Lắp đặt bó vỉa	c.kien	-	-	-	-	-	-	**15**	
12	**Đào vỉa hè**	m^3	**307,12**	**260,77**	**52,91**	**45,57**	**37,42**	**-**	**543,53**	***Đã giảm trừ đào phá VH bê tông + phá VH lát gạch***
*	Đào nền VH đất C3	m^3	100,78	69,45	15,90	8,99	11,91	-	**-**	*Tận dụng đắp - thừa vận chuyển về nơi tập kết*
*	Đào khuôn VH đất C3	m^3	206,34	191,32	37,01	36,58	25,51	-	**-**	*Tận dụng đắp - thừa vận chuyển về nơi tập kết*
16	**Đắp đất VH**	m^3	**0,64**	**4,10**	**-**	**0,06**	**-**	**-**	**4,80**	***Đắp đất tận dụng bằng đầm cóc***
17	**Diện tích sửa chữa, cải tạo VH**	m^2	**1.869,86**	**1.760,18**	**309,55**	**326,42**	**224,38**	**449,66**	**4.864,52**	***Đã giảm trừ bồn cây xanh vỉa hè***
*	Gạch lát VH terrazo M200#	m^2	1.869,86	1.760,18	309,55	326,42	224,38	449,66	**4.864,52**	*kt: 40x40x3cm*
*	Lớp vxm đệm M75# dày 2cm	m^2	1.869,86	1.760,18	309,55	326,42	224,38	449,66	**4.864,52**	

M.S.D.N:4601602126-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI
TP. SÔNG CÔNG - T. THÁI NGUYÊN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH
THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số...../BCTT
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

PHÒNG QUẢN LÝ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Tờ trình số...../.....
Ngày.....tháng.....
Ký tên:

*	Ván khuôn đỗ BT	m^2	-	-	-	-	-	-	**159,33**	
*	BTXM M150# đá 1x2 dày 7cm	m^3	130,89	123,21	21,67	22,85	15,71	31,48	**340,52**	
18	**Cắt bỏ cây xanh hiện trạng**	**s.lg**	-	-	-	-	-	-	**104,00**	***Bàng Đài Loan - Đường kính thân trung bình 20-30cm cao 3-4m***
19	**Bồn trồn cây**	**s.lg**	-	-	-	-	-	-	**118,00**	*Thống kê theo bình đồ*
*	Xây bao bờ bồn cây bằng gạch không nung vxm M75#	m^3	-	-	-	-	-	-	**16,52**	
*	Trồng cây xanh trong đô thị đường kính thân 10-12cm cao 4m	cây	-	-	-	-	-	-	**118,00**	
*	Đất hữu cơ trồng cây	m^3	-	-	-	-	-	-	**60,42**	
*	Cây chống 4 cây 2m/vị trí trồng	m	-	-	-	-	-	-	**944,00**	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG LINH KHÔI

Người lập

Nguyễn Thanh Chương

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÒA BÌNH

THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../BCTT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: